MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU 3
1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch 3
2. Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch 8
3. Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch 9
4. Đối tượng, thời kỳ nghiên cứu lập quy hoạch 10
B. NỘI DUNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH 12
I. YÊU CẦU NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT DI TÍCH VÀ CÁC YẾU TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CÓ LIÊN QUAN 12
1. Yêu cầu nghiên cứu, khảo sát 12
2. Yêu cầu nghiên cứu khảo sát các yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên có liên quan 14
3. Khái quát hiện trạng di tích 15
II. ĐẶC TRƯNG VÀ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH 22
1. Đặc trưng của di tích 22
2. Các giá trị tiêu biểu của di tích 24
III. ĐỀ XUẤT PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH, PHẠM VI QUY HOẠCH 28
1. Cơ sở xác định phạm vi nghiên cứu quy hoạch, phạm vi quy hoạch 28
2. Xác định phạm vi nghiên cứu, phạm vi quy hoạch 29
IV. ĐỊNH HƯỚNG BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH 31
1. Về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích 31
2. Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích 35
3. Vùng bảo tồn, đối tượng bảo tồn 37
4. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể 39
5. Về khai thác, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững 39
6. Định hướng tổ chức không gian 47
V. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH 50
C. DỰ KIẾN NỘI DUNG QUY HOẠCH, HỒ SƠ SẢN PHẨM, DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 52
1. Dự kiến các nội dung của đồ án quy hoạch 52
2. Hồ sơ sản phẩm 63
3. Kinh phí thực hiện lập quy hoạch 64
4. Tổ chức thực hiện 64
D. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 66
1. Kết luận……. 66
2. Kiến nghị 66
E. PHỤ LỤC ……. 66
I. HIỆN TRẠNG CÁC YẾU TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, HẠ TẦNG CÓ LIÊN QUAN DI TÍCH 67
1. Khái quát điều kiện tự nhiên 67
2. Khái quát hiện trạng kinh tế - xã hội 70
3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội 71
4. Đánh giá chung ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - xã hội đến di tích 73
II. HIỆN TRẠNG DI TÍCH 74
1. Khu vực Di tích Đền An Xá 74

2. Di tích Đình Vô và Đình Căn.....84
3. Các hạng mục công trình khác.....86
4. Nghệ thuật chạm khắc trang trí trên kiến trúc.....89
5. Di vật tiêu biểu.....92

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Đền An Xá được khởi dựng từ sớm, là di tích có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng, đồng thời là địa điểm duy nhất tại Việt Nam thờ Ngọc Hoàng Thượng đế. Với những giá trị tiêu biểu, độc đáo về kiến trúc nghệ thuật và ý nghĩa tâm linh sâu sắc, di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (*nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia tại Quyết định số 1970/VH-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 1989; tiếp đó, ngày 31 tháng 12 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2280/QĐ-TTg xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đối với Đền An Xá.

Bên cạnh giá trị vật thể, Đền An Xá còn lưu giữ hệ thống giá trị văn hóa phi vật thể phong phú, tiêu biểu là Lễ hội Đền An Xá - một lễ hội truyền thống quy mô lớn, có sức lan tỏa rộng trong khu vực, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách thập phương tham dự. Lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân gian vùng đồng bằng Bắc Bộ, phản ánh sinh động đời sống tín ngưỡng nông nghiệp, đồng thời gắn liền với quá trình du nhập và phát triển của Đạo giáo tại Việt Nam. Nội dung và nghi lễ của lễ hội thể hiện rõ khát vọng về cuộc sống an lành, no đủ, quốc thái dân an và hạnh phúc cộng đồng. Lễ hội được tổ chức thường niên từ ngày mồng 01 đến ngày 12 tháng 4 âm lịch, trong đó cao điểm từ ngày mồng 6 đến ngày mồng 8; ngoài ra, di tích còn là điểm sinh hoạt tín ngưỡng thường xuyên của Nhân dân vào các ngày sóc, vọng trong năm.

Tuy nhiên, trong bối cảnh lượng khách hành hương và tham quan ngày càng gia tăng, hiện trạng khu di tích đã bộc lộ nhiều hạn chế: hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ chưa đồng bộ; thiếu không gian bãi đỗ xe, khu dịch vụ phục vụ lễ hội; tổ chức không gian sinh hoạt tín ngưỡng, buôn bán còn thiếu quy củ; chưa đáp ứng yêu cầu bảo tồn di tích gắn với phát huy giá trị một cách bền vững. Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường di tích mà còn làm giảm hiệu quả khai thác giá trị văn hóa - du lịch của di tích.

Do đó, việc lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm:

- Tạo lập cơ sở khoa học và pháp lý cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích một cách tổng thể, lâu dài;

- Tổ chức lại không gian kiến trúc cảnh quan, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ theo hướng đồng bộ, phù hợp;

- Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tham quan của Nhân dân và du khách;

- Khai thác hiệu quả tiềm năng di tích gắn với phát triển du lịch bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và nâng cao đời sống cộng đồng.

1.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Hội nghị lần thứ

9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Quyết định số 1230/QĐ- TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021- 2025;

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 ngày 01 tháng 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai 2024, ngày 29 tháng 06 năm 2024.

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015.

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

- Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về thông qua Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Nghị định 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật di sản văn hóa.

- Văn bản hợp nhất số 2166/VBHN-BVHTTDL ngày 24 tháng 05 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số

83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị định số 05/2025 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 7 năm 2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;

- Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Quyết định số 3435/QĐ-BVHTTDL ngày 10/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đối với Lễ hội truyền thống đền An Xá.

- Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 30/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia đối với Bệ thờ đất nung và số 2198/QĐ-TTg ngày 25/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận bảo vật quốc gia đối với Tháp đất nung, đền An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ (nay thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám).

- Thông báo số 196/TB-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận vị trí xây dựng mở rộng khuôn viên khu di tích đền An Xá.

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

1.2. Các tài liệu, số liệu có liên quan

- Quyết định số 2280/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt: Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá.

- Các số liệu quy hoạch khu vực huyện Tiên Lữ (*nay là xã Hoàng Hoa Thám*), tỉnh Hưng Yên.

- Bản đồ địa chính huyện Tiên Lữ (*nay là xã Hoàng Hoa Thám*), tỉnh Hưng Yên.

- Bản đồ khoanh vùng bảo vệ Di tích quốc gia đặc biệt: Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tiên Lữ (*nay là xã Hoàng Hoa Thám*), tỉnh Hưng Yên tầm nhìn đến năm 2030.

- Các thông tin trên internet và các nguồn khác.

1.3. Các cơ sở bản đồ

- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của Xã An Viên (nay thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám), nơi có Di tích Quốc gia đặc biệt: Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá.

- Bản đồ hành chính tỉnh Hưng Yên; Bản đồ địa chính xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000, tỷ lệ 1/1000 khu vực lập quy hoạch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hưng Yên cấp.

1.4. Hệ thống tiêu chuẩn xây dựng hiện hành

- Quy chuẩn quốc gia QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành tại Thông tư 01/2021 ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10382:2014, di sản văn hoá và các vấn đề liên quan - thuật ngữ và định nghĩa chung.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và văn bản pháp quy khác có liên quan khác được phép áp dụng theo quy định hiện hành…

2. Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch

2.1. Quan điểm lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá được tiếp cận trên cơ sở tổng hợp, liên ngành, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, với các quan điểm chủ đạo sau:

2.1.1. Quan điểm tiếp cận tổng hợp, lấy con người và văn hóa làm trung tâm

Quy hoạch phải tôn trọng và dung hòa ba yếu tố cốt lõi gồm: (i) môi trường văn hóa - sinh thái - nhân văn của khu vực di tích; (ii) nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương trên cả phương diện vật chất và tinh thần; (iii) mối quan hệ tương tác, cộng sinh giữa di tích và cộng đồng cư dân bản địa, bảo đảm di tích là một bộ phận hữu cơ của đời sống xã hội.

2.1.2. Quan điểm bảo tồn toàn diện và nguyên gốc

Bảo tồn di tích phải được thực hiện một cách tổng thể, bao gồm bảo vệ các yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích, không gian kiến trúc cảnh quan và môi trường xung quanh; đồng thời chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích như tín ngưỡng, lễ hội truyền thống và các thực hành văn hóa cộng đồng.

2.1.3. Quan điểm phát huy giá trị gắn với phát triển

Các giá trị của di tích cần được khai thác, phát huy một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của Nhân dân, đồng thời phục vụ phát

triển du lịch và kinh tế - xã hội địa phương, trên cơ sở không làm suy giảm giá trị di sản.

2.1.4. Quan điểm phát triển bền vững

Bảo đảm sự cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài; tổ chức không gian và hoạt động trong khu di tích theo hướng thân thiện với môi trường, thích ứng với điều kiện tự nhiên và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực, hướng tới phát triển bền vững.

2.2. Mục tiêu lập quy hoạch

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá một cách toàn diện, bền vững; gìn giữ lâu dài các giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và cảnh quan, đồng thời khai thác hiệu quả di tích gắn với phát triển du lịch và kinh tế - xã hội địa phương.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho công tác quản lý, bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

Làm cơ sở pháp lý để triển khai các bước tiếp theo như lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tham quan, nghiên cứu của Nhân dân và du khách.

Từng bước hình thành điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh đặc sắc, có sức hấp dẫn, góp phần tạo nguồn thu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - du lịch, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân cư địa phương.

3. Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá được thực hiện trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu liên ngành, bảo đảm tính khoa học, khách quan và phù hợp với đặc thù di tích, cụ thể như sau:

3.1. Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu

Thu thập, lựa chọn và hệ thống hóa các tài liệu, số liệu, thông tin liên quan đến di tích và khu vực nghiên cứu (lịch sử, văn hóa, khảo cổ, kinh tế - xã hội, môi trường, quy hoạch có liên quan…). Đây là cơ sở nền tảng phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá tổng hợp, bảo đảm tính đầy đủ và độ tin cậy của các nội dung nghiên cứu.

3.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp

Được sử dụng xuyên suốt trong quá trình lập quy hoạch nhằm đánh giá toàn diện các yếu tố cấu thành di tích, các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và mối liên hệ vùng; từ đó rút ra các nhận định khoa học, làm cơ sở đề xuất định hướng và giải pháp quy hoạch phù hợp.

3.3. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa

Tổ chức khảo sát hiện trạng di tích và khu vực lân cận nhằm kiểm chứng, bổ sung và cập nhật các thông tin, số liệu; đánh giá trực tiếp hiện trạng kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và các yếu tố tác động đến di tích, phục vụ công tác phân tích và đề xuất giải pháp.

3.4. Phương pháp bản đồ và biểu đạt không gian

Sử dụng hệ thống bản đồ, bản vẽ để thể hiện trực quan các kết quả nghiên cứu, phân tích và phương án quy hoạch; bảo đảm tính chính xác, đồng bộ và dễ kiểm soát trong quản lý, tổ chức không gian và triển khai thực hiện.

3.5. Phương pháp dự báo

Phân tích xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng và du lịch trong tương lai; dự báo quy mô khách tham quan, nhu cầu sử dụng không gian và hạ tầng, làm cơ sở đề xuất các định hướng và giải pháp quy hoạch phù hợp theo từng giai đoạn.

3.6. Phương pháp chuyên gia

Tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực bảo tồn di tích, quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, du lịch… nhằm nâng cao chất lượng khoa học, tính khả thi và tính thực tiễn của các nội dung quy hoạch.

3.7. Phương pháp tiếp cận văn hóa - lịch sử

Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của di tích và các yếu tố văn hóa - xã hội liên quan; làm rõ giá trị, vai trò của di tích trong đời sống cộng đồng, từ đó định hướng bảo tồn và phát huy giá trị phù hợp với bối cảnh lịch sử và bản sắc địa phương.

4. Đối tượng, thời kỳ nghiên cứu lập quy hoạch

4.1. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch

Di tích Đền An Xá đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt: Di tích kiến trúc nghệ thuật tại ***Quyết định số 2280/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020***, bao gồm các di tích:

(1)- Đền An Xá;

(2)- Đình Vô;

(3)- Đình Căn;

Các giá trị văn hóa phi vật thể:

Nghiên cứu, nhận diện và đánh giá hệ thống giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích, bao gồm lễ hội truyền thống, tín ngưỡng - tâm linh, phong tục tập quán và các truyền thuyết dân gian; làm rõ vai trò, mức độ ảnh hưởng và khả năng bảo tồn, phát huy trong bối cảnh hiện nay.

Các yếu tố kinh tế - xã hội và thể chế liên quan:

Phân tích các yếu tố về dân cư, lao động, sinh kế, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời rà soát hệ thống cơ chế, chính sách, quy định pháp luật có liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Điều kiện tự nhiên và môi trường cảnh quan:

Đánh giá các yếu tố tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn…) và cảnh quan khu vực di tích; phân tích hiện trạng môi trường, công tác bảo vệ di tích; đồng thời xem xét tác động của các quy hoạch, dự án đang và sẽ triển khai tại địa phương đến không gian, cảnh quan và giá trị di tích; đánh giá thực trạng hoạt động du lịch tại khu di tích và khu vực lân cận.

Hiện trạng đầu tư xây dựng:

Khảo sát, đánh giá tình hình đầu tư xây dựng trong khu vực di tích, bao gồm các hạng mục đã triển khai, mức độ phù hợp với yêu cầu bảo tồn, các tồn tại, hạn chế và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong quy hoạch.

Mối liên hệ vùng và liên kết phát triển:

Phân tích mối quan hệ của di tích với các di tích, điểm đến văn hóa - du lịch trong khu vực và vùng phụ cận; làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển sản phẩm du lịch, hình thành các tuyến, điểm du lịch liên kết, nâng cao vai trò của di tích trong mạng lưới không gian du lịch chung.

4.2. Thời kỳ quy hoạch

- Quy hoạch được lập cho giai đoạn 2026 - 2035.

B. NỘI DUNG NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

I. YÊU CẦU NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT DI TÍCH VÀ CÁC YẾU TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Yêu cầu nghiên cứu, khảo sát

1.1. Nghiên cứu, khảo sát di tích

Khảo cứu, thu thập và đánh giá tổng hợp tư liệu:

Tổ chức khảo sát, nghiên cứu, sưu tầm và hệ thống hóa các tài liệu, số liệu liên quan đến di tích và khu vực nghiên cứu (lịch sử, khảo cổ học, văn hóa, kinh tế - xã hội, môi trường, đa dạng sinh học, địa hình, thủy văn, cảnh quan…); thực hiện chụp ảnh, vẽ ghi hiện trạng; đánh giá tổng thể hiện trạng kiến trúc, cảnh quan và môi trường tại quần thể di tích. Đồng thời, nghiên cứu các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích và đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư địa phương.

Khảo sát đo đạc và cập nhật hệ thống bản đồ:

Tiến hành đo đạc địa hình khu vực lập quy hoạch; lập và cập nhật các bản đồ hiện trạng về địa hình, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Rà soát, đánh giá quỹ đất xây dựng trong mối quan hệ với các đồ án quy hoạch có liên quan, làm cơ sở đề xuất phương án tổ chức không gian phù hợp hoặc kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết.

Đánh giá hiện trạng kỹ thuật và giá trị cấu thành di tích:

Khảo sát, phân tích tình trạng kỹ thuật các hạng mục công trình; xác định quy mô, đặc điểm kiến trúc, kết cấu, vật liệu xây dựng; nhận diện đầy đủ các yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích và các thành phần bổ sung. Trên cơ sở đó, đánh giá mức độ xuống cấp, hư hại của từng hạng mục; xác định nguyên nhân và các tác động bất lợi từ môi trường, làm căn cứ đề xuất giải pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi và tổ chức không gian di tích.

Đánh giá tổng thể không gian kiến trúc, cảnh quan và các yếu tố tác động:

Nghiên cứu, khảo sát hiện trạng xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu di tích và khu vực lân cận; phân tích cấu trúc không gian, mối quan hệ giữa di tích với khu dân cư và cảnh quan xung quanh. Đồng thời, đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường, hoạt động du lịch; rà soát các chương trình, quy hoạch, dự án đã và đang triển khai tại địa phương có ảnh hưởng đến di tích. Trên cơ sở đó, đề xuất định hướng tổ chức không gian, xác định phạm vi mở rộng, bố trí các công trình phụ trợ phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu bảo tồn.

Khảo sát hiện trạng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

Đánh giá mô hình tổ chức quản lý, công tác bảo vệ di tích; hiện trạng khai thác và phát huy giá trị; tình hình phát triển du lịch tại khu vực nghiên cứu; khả

năng liên kết tour, tuyến và xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, làm cơ sở cho dự báo và định hướng phát triển.

Đánh giá nguồn lực và cơ chế thực hiện:

Rà soát tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn cho công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích qua các giai đoạn; phân tích những thuận lợi, khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai và quản lý. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện, làm căn cứ xác định mục tiêu, định hướng quy hoạch và phương án đầu tư xây dựng trong giai đoạn tiếp theo.

1.2. Nghiên cứu, khảo sát khu vực lập quy hoạch

Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất:

Điều tra, phân tích hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi lập quy hoạch; làm rõ cơ cấu các loại đất, đặc biệt chú trọng xác định các loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) và nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng) theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, làm cơ sở đề xuất phương án sử dụng đất phù hợp.

Khảo sát hiện trạng dân cư, kiến trúc và xây dựng:

Đánh giá đặc điểm phân bố dân cư, hiện trạng kiến trúc, tình hình đầu tư xây dựng các công trình trong khu vực quy hoạch và khu vực nghiên cứu; nhận diện các yếu tố tác động đến không gian di tích và định hướng tổ chức không gian trong tương lai.

Khảo sát hệ thống hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp - thoát nước, thông tin liên lạc…); phân tích khả năng kết nối giao thông giữa các điểm di tích và với khu vực lân cận, làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng đồng bộ.

Đánh giá tác động của quá trình đô thị hóa và phát triển du lịch:

Phân tích sức ép từ quá trình đô thị hóa và phát triển du lịch đến khu di tích theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực; đặc biệt đánh giá tác động đến khu dân cư, kiến trúc - cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái tự nhiên, từ đó đề xuất các giải pháp kiểm soát và định hướng phát triển phù hợp.

Phân tích mối liên hệ vùng và liên kết du lịch:

Xác định và phân tích mối quan hệ của di tích với các di tích, khu - điểm du lịch trong tỉnh Hưng Yên và khu vực phụ cận; làm cơ sở xây dựng định hướng liên kết không gian, phát triển sản phẩm và tuyến du lịch.

Rà soát, kế thừa và tích hợp các quy hoạch liên quan:

Xác định các nội dung cần kế thừa, điều chỉnh từ các quy hoạch đã được phê duyệt trong phạm vi nghiên cứu (quy hoạch di tích, quy hoạch xây dựng, quy

hoạch đô thị…); đồng thời phân tích các mối liên hệ về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị - nông thôn, cảnh quan và môi trường ngoài phạm vi nghiên cứu, bảo đảm tính đồng bộ và liên kết vùng.

Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch cấp trên:

Đối chiếu, đánh giá mức độ phù hợp của quy hoạch di tích với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh Hưng Yên và quy hoạch địa phương (xã Hoàng Hoa Thám), bảo đảm tuân thủ định hướng phát triển tổng thể và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Yêu cầu nghiên cứu khảo sát các yếu tố kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên có liên quan

2.1. Yêu cầu nghiên cứu khảo sát các yếu tố kinh tế - xã hội có liên quan

Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế địa phương:

Phân tích hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực có liên quan đến di tích trong bối cảnh đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; làm rõ các ngành, lĩnh vực chủ đạo, mức độ tác động đến không gian, cảnh quan và hoạt động của di tích, đồng thời xác định tiềm năng, cơ hội và thách thức đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Đánh giá hiện trạng dân cư và đặc điểm văn hóa - xã hội:

Khảo sát, phân tích đặc điểm dân cư (quy mô, cơ cấu, phân bố, lao động, sinh kế) và các yếu tố văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương; đánh giá mức độ tác động của các yếu tố này đến di tích, bao gồm cả tác động tích cực và tiêu cực, làm cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với cộng đồng.

2.2. Yêu cầu nghiên cứu, đánh giá môi trường tự nhiên liên quan

Khảo sát, thu thập và tổng hợp dữ liệu môi trường tự nhiên:

Tổ chức khảo sát, nghiên cứu, sưu tầm và hệ thống hóa các tài liệu, số liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên và môi trường khu vực di tích (lịch sử, khảo cổ, văn hóa, kinh tế - xã hội, môi trường, hệ động thực vật, địa hình, thủy văn, cảnh quan…); thực hiện chụp ảnh, vẽ ghi hiện trạng; đánh giá tổng thể hiện trạng kiến trúc cảnh quan và môi trường tại quần thể di tích.

Đánh giá điều kiện tự nhiên khu vực nghiên cứu:

Phân tích, làm rõ các đặc điểm tự nhiên của khu vực di tích và vùng lân cận, bao gồm vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, thủy văn, địa chất công trình… làm cơ sở xác định các yếu tố thuận lợi, bất lợi đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Đánh giá tác động môi trường đến di tích:

Xác định và phân tích các tác động của môi trường tự nhiên và các yếu tố ngoại sinh đến các yếu tố gốc cấu thành giá trị lịch sử - văn hóa của di tích; nhận

diện các nguy cơ gây suy giảm, hư hại di tích để đề xuất giải pháp phòng ngừa và kiểm soát.

Đánh giá môi trường cảnh quan:

Nghiên cứu, đánh giá tổng thể cảnh quan tự nhiên khu vực di tích, bao gồm hệ thống mặt nước, cây xanh và các yếu tố cảnh quan đặc trưng; đề xuất định hướng bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị cảnh quan theo hướng bền vững, hài hòa với không gian di tích.

Đánh giá tài nguyên sinh thái và đa dạng sinh học:

Khảo sát, phân tích hiện trạng tài nguyên rừng, hệ sinh thái và đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu; làm rõ các tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái, từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ và phục hồi phù hợp.

Đánh giá hiện trạng môi trường và các vấn đề tồn tại:

Tổng hợp, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực nghiên cứu; nhận diện các tồn tại, hạn chế và các yếu tố gây ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường có ảnh hưởng đến việc bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di tích, làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường.

(Hiện trạng các yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường tự nhiên, hạ tầng có liên quan di tích chi tiết tại mục E. PHỤ LỤC của nhiệm vụ này).

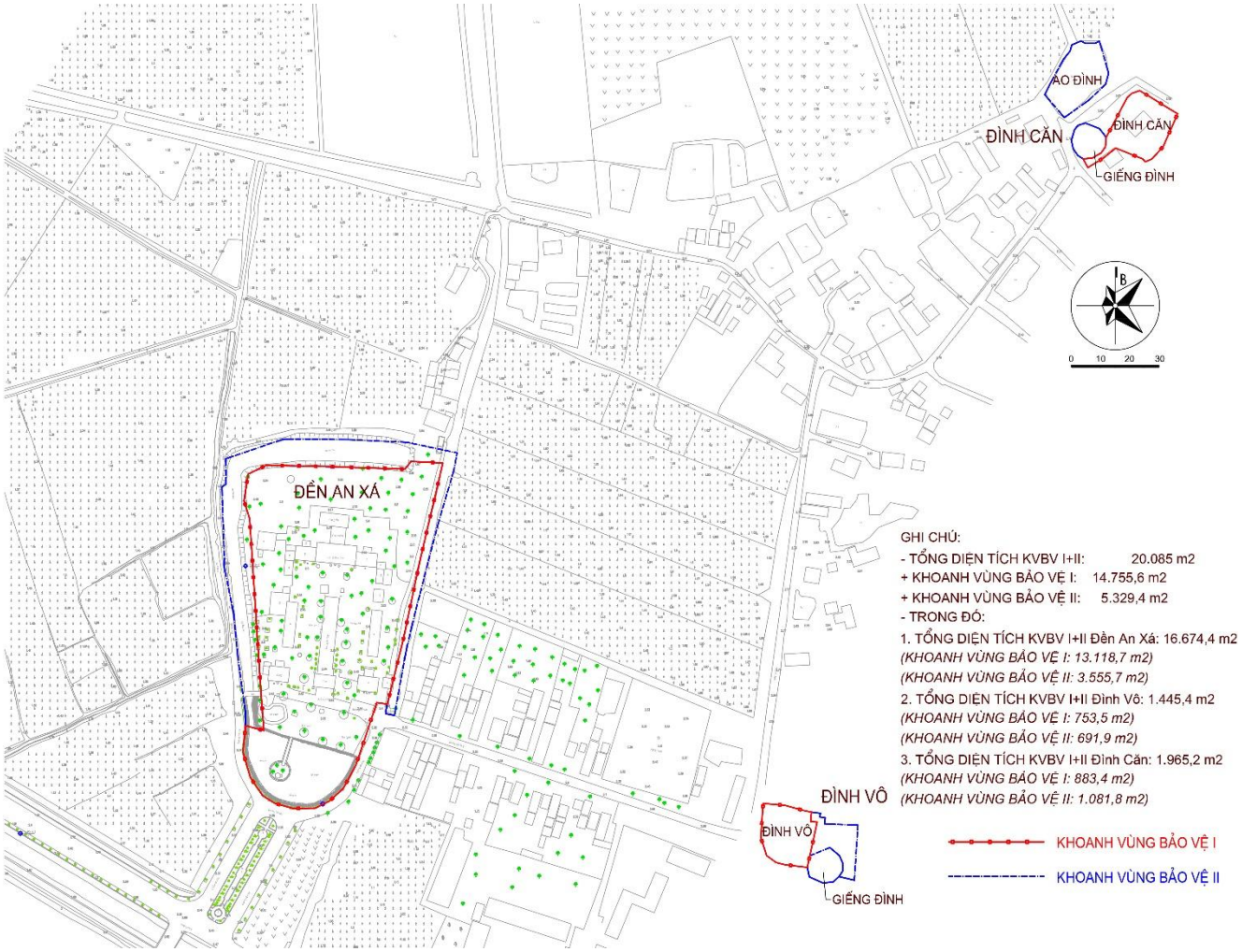
3. Khái quát hiện trạng di tích

3.1. Vị trí di tích

Đền An Xá tọa lạc trên khu đất có địa hình tương đối cao ráo, thoáng đãng, thuộc thôn An Xá (làng An), xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; có điều kiện thuận lợi về cảnh quan và không gian tổ chức các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội.

Di tích Đền An Xá đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng ***Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật*** tại Quyết định ngày 31 tháng 12 năm 2020. Quần thể di tích bao gồm các hạng mục: ***Đền An Xá, Đình Vô và Đình Căn***; với tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ (khu vực I và II) là khoảng 20.085 m², các điểm di tích phân bố tương đối gần nhau, với khoảng cách dao động từ khoảng 200 m đến 500 m, tạo thành một chỉnh thể không gian văn hóa - tín ngưỡng thống nhất.

(Cụ thể hiện trạng của di tích được trình bày trong phần E. PHỤ LỤC của Nhiệm vụ lập quy hoạch này)



Sơ đồ vị trí và khoanh vùng bảo vệ

"Di tích quốc gia đặc biệt: Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá"

3.2. Mối liên hệ vùng

Di tích Đền An Xá tọa lạc tại đầu thôn An Xá (làng An), xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, nằm trên trục giao thông chính ĐH.72 của khu vực, có điều kiện tiếp cận tương đối thuận lợi bằng nhiều loại hình phương tiện. Vị trí này tạo lợi thế trong việc kết nối di tích với trung tâm hành chính tỉnh, các khu dân cư lân cận và các tuyến giao thông đối ngoại quan trọng.

Từ Thủ đô Hà Nội, có thể tiếp cận di tích theo tuyến quốc lộ 5 đến khu vực Phố Nối, sau đó kết nối với quốc lộ 39A và hệ thống đường địa phương để đến khu vực chợ Gạo (thành phố Hưng Yên), tiếp tục di chuyển theo trục đường liên xã khoảng 7 km là tới di tích. Từ trung tâm thành phố Hưng Yên, di tích kết nối thông qua tuyến quốc lộ 39A - 39B và hệ thống đường địa phương, bảo đảm khả năng tiếp cận thuận tiện.

Trong phạm vi không gian gần, quần thể di tích gồm Đền An Xá, Đình Vô và Đình Căn phân bố trong bán kính khoảng 200-500 m, tạo thành một cụm di tích có tính liên kết chặt chẽ về không gian và chức năng văn hóa - tín ngưỡng.

Trong mối liên hệ vùng rộng hơn, di tích Đền An Xá nằm trong mạng lưới các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên và khu vực đồng bằng sông Hồng, như: khu di tích Phố Hiến, chùa Thái Lạc, đền Ghênh, khu di tích thờ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, đền và lăng Phạm Công Trứ… Các di tích này có giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa và kiến trúc, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các tuyến du lịch văn hóa - tâm linh liên kết, góp phần nâng cao sức hấp dẫn và giá trị khai thác của di tích Đền An Xá trong tổng thể không gian du lịch vùng.

3.3. Hiện trạng di tích

Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng; đồng thời là điểm đến thu hút khách tham quan, nghiên cứu, đặc biệt đối với các đối tượng quan tâm đến di sản văn hóa của tỉnh Hưng Yên và vùng đồng bằng sông Hồng.

3.3.1. Không gian cảnh quan di tích

Di tích tọa lạc trên khu đất có địa thế tương đối cao ráo, rộng thoáng, mang đặc trưng hình thái "đầu rồng" theo quan niệm phong thủy truyền thống, nằm ở phía Tây ngoài khu dân cư thôn An Xá. Phía trước di tích là không gian hồ nước kết hợp hệ thống cây cổ thụ, tạo nên thế "tụ thủy, tụ phúc", góp phần hình thành cảnh quan sinh thái hài hòa và linh thiêng. Khu vực xung quanh được bao bọc bởi hệ thống hào nước và các cánh đồng canh tác, gồm: phía Tây giáp cánh đồng Đầm Khoai, phía Đông giáp cánh đồng Ao Mú, phía Bắc giáp khu đồng phía sau đền, phía Nam giáp cánh đồng Ao Gỗ.

Công trình chính của di tích quay hướng Nam - hướng được coi là mang lại sinh khí, phù hợp với quan niệm truyền thống về tổ chức không gian kiến trúc và tín ngưỡng của người Việt. Tổng thể cảnh quan di tích thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa yếu tố tự nhiên và yếu tố văn hóa - tâm linh.

Hệ thống cây xanh trong khuôn viên di tích đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập cảnh quan và vi khí hậu. Các loại cây cổ thụ như cây đa, cây si, cây gạo và đặc biệt là cây nhãn lồng đặc trưng của Hưng Yên phân bố dày đặc, tạo bóng mát quanh năm, góp phần tôn tạo giá trị thẩm mỹ, tăng tính tĩnh tại, linh thiêng cho không gian di tích, đồng thời tạo sự hài hòa giữa công trình kiến trúc và môi trường tự nhiên xung quanh.

3.3.2. Bố cục mặt bằng tổng thể di tích

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, mặc dù chịu tác động của thời gian và các biến cố, di tích Đền An Xá vẫn được cộng đồng và chính quyền địa phương quan tâm bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, giữ gìn tương đối nguyên vẹn về tổng thể không gian

và cấu trúc kiến trúc truyền thống.

Theo hồ sơ khoanh vùng bảo vệ di tích, tổng diện tích khu vực bảo vệ (khu vực I và II) là khoảng 20.085 m², trong đó: khu vực I có diện tích khoảng 14.755,6 m², khu vực II khoảng 5.329,4 m², bao gồm các hạng mục: Đền An Xá, Đình Vô và Đình Căn, tạo thành một quần thể di tích có mối liên kết chặt chẽ.

Không gian di tích được tổ chức theo trục chính đạo rõ ràng. Từ cổng Tam quan, một tuyến đường lát gạch (*Nhất chính đạo*) rộng khoảng 7 m dẫn thẳng vào khu đền chính (*đền Thượng*) - nơi thờ Ngọc Hoàng Thượng đế. Công trình đền chính có bố cục mặt bằng hình chữ **"Công" (工),** gồm các hạng mục: 05 gian Tiền tế, 03 gian Ống muống và 03 gian Hậu cung.

Về kết cấu và vật liệu, tòa Tiền tế được làm chủ yếu bằng gỗ tứ thiết, trong khi hai hạng mục Ống muống và Hậu cung được xây dựng bằng đá xanh. Sự kết hợp vật liệu này tạo nên nét độc đáo, khác biệt so với nhiều di tích cùng loại trong khu vực.

Không gian sân đền là nơi bố trí các di vật, hiện vật có giá trị, như tháp đất nung, khánh đá, bia đá…, góp phần làm phong phú giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, đồng thời tăng cường tính trang nghiêm và giá trị thẩm mỹ cho tổng thể không gian.

3.4. Đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo tồn, tu bổ, phục hồi và khai thác phát huy giá trị di tích

3.4.1. Quá trình trung tu, tôn tạo di tích

Trong những năm qua, công tác tu bổ, tôn tạo tại di tích được thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước. Từ sau khi tỉnh Hưng Yên tái lập (năm 1997), được sự quan tâm của các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương, di tích đã được đầu tư nguồn kinh phí Nhà nước hỗ trợ để tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại di tích. Với phương châm "*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*", trên cơ sở nguồn ngân sách hỗ trợ của Nhà nước, địa phương đã chú trọng huy động nguồn lực xã hội hóa từ Nhân dân và các tổ chức kinh tế - xã hội kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ để thực hiện tu bổ, chống xuống cấp di tích.

Nhìn chung, các hạng mục được trùng tu, tôn tạo của các di tích do các Công ty Tu bổ di tích có chuyên môn trực tiếp thi công nên đã được đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và nguyên tắc bảo tồn tôn tạo. Các hạng mục công trình sau khi được phục hồi tu bổ được đánh giá cao, đưa vào quản lý, sử dụng đã phát huy được giá trị của di tích.

Theo bia ký và các hiện vật hiện còn lưu giữ tại di tích, từ khi khởi dựng đến nay, đền An Xá đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo lớn. Cụ thể:

- Vào năm Cảnh Trị thứ 5 (1667) tòa tháp đất nung tại sân đền đã được trùng tu, tôn tạo. Dấu vết để lại là dòng chữ Hán ghi trên thân tháp "*Cảnh Trị ngũ niên tuế thứ nhị nguyệt tu tạo tháp*".

- Bia Tự Đức thứ 6 (1853), đời vua Nguyễn Dực Tông có tên "*Trùng tu Thụy Ứng quán*" dựng tại sân ghi chép về đền An Xá cho biết: Vào khoảng thời Mạc, niên hiệu Thuần Phúc (1562 - 1565), có vị Thái Hoàng Thái Hậu sau khi tới đền dự hội và cầu tự linh nghiệm bèn cung tiến tiền của cho sửa sang, mở rộng và xây dựng một số hạng mục nơi đây thành các tòa nhà lộng lẫy uy nghi. Đến thời Hậu Lê, các hội chủ và tín đồ hưng công quyên góp để trùng tu sửa sang hai tòa Ống muống và Hậu cung, mở rộng thêm khuôn viên di tích. Việc này được tiến hành từ tháng 8 năm Nhâm Tý (1732) đến tháng 6 năm Quý Sửu (1733) thì công việc được hoàn thành.

- Bia "*Trùng tu Thụy Ứng quán*" (hiện bia đã bị mòn và mờ không còn xác định được niên đại dựng bia. Tuy nhiên, căn cứ vào hoa văn, chữ viết và nội dung văn bia chúng tôi cho rằng bia được tạo dựng vào thời Nguyễn) dựng tại sân đền có chép: Vào khoảng đời vua Tự Đức (1848 - 1883) có quan Phụ quốc Bá tước họ Vũ cùng một vị trí sĩ là Phạm Xuân Mai và người dân đã tiến hành trùng tu tòa Tiền tế cùng các toà ở phía Bắc. Năm 1912, dựng đền Thiên Quan. Năm 1926, tu sửa tòa Tiền tế. Đến năm Đinh Sửu niên hiệu Bảo Đại thứ 12 (1937), các toà nhà tại đền đều bị ẩm thấp, xuống cấp, dẫn đến mục nát. Lúc này, có viên Chánh sứ Bắc Kỳ người Pháp VinBair cùng Phó Nghị trưởng Đệ ngũ Bắc đẩu Bội tinh Hồng lô tự Thiếu khanh Phạm Công Kim Bảng, tướng công Lê Đình Trân về vãng cảnh đền, vận động Nhân dân và khách thập phương tu bổ, tôn tạo di tích. Các tòa nhà được dịch như sau: Toà thứ nhất đặt là Hội đồng, toà Công đồng chuyển sang bên phải đối diện với phủ Mẫu. Ở gian chính điện cũ có dư một cây gỗ, ở Tiền tế và nội điện vẫn giữ lại theo hướng cũ. Hai toà nội điện (Ống muống và Hậu cung đền An Xá) dùng đá làm mới, tòa Tiền tế được làm bằng gỗ lim. Đồng thời, toàn bộ khung kết cấu cũ của hai tòa Hậu cung và Ống muống đền chính được chuyển xuống để tu bổ, tôn tạo lại đền Kỷ niệm. Việc tu sửa và tôn tạo này giao cho Sư tổ Bồ tát giới Sa môn tên chữ là Thông Huân chủ trì.

- Hiện nay, trên các cây cột đá của tòa Ống muống có khắc tên, địa chỉ của những người cung tiến vật liệu tu sửa đền. Tại hai cây cột cái gian ngoài tòa Ống muống đền có khắc dòng lạc khoản: "*Canh Thìn niên trùng tu Thuỵ Ứng quán, Sa môn tự Thông Huân tại Ninh Giang Tuần Tranh từ. Công đức Hưng An: nguyên Đông Dương Đại nghị viên Bắc Kỳ Phó Nghị trưởng Đệ ngũ Bắc đẩu Bội tinh Quang Lộc tự Thiếu khanh Phạm Kim Bảng cung tiến"* (Năm Canh Thìn (1940) trùng tu Quán Thuỵ Ứng, đệ tử Sa môn tự Thông Huân ở đền Tuần Tranh, Ninh Giang. Công đức [ở] Hưng Yên: Nguyên Đại nghị viên Bắc Kỳ [của] Đông Dương, Phó Nghị trưởng Đệ ngũ Bắc đẩu Bội tinh Quang lộc tự Thiếu khanh, Phạm Kim Bảng cúng tiền). Trên hai cây cột cái gian trong cùng tòa Ống muống cũng khắc dòng lạc khoản: "*Hoàng triều Bảo Đại thập ngũ niên Hưng An Chính công sứ Bùi cung tiến. Hưng An Tổng bộ Lê Đình Trân cung tiến"* (Hoàng triều Bảo Đại năm thứ 15 (1940), Chính công sứ Hưng Yên họ Bùi cúng tiến. Tổng bộ Hưng Yên Lê Đình Trân cúng tiến).

- Năm 2000: Trùng tu tháp đất nung, lát lại sân đền tại di tích.

- Năm 2007: Phục dựng lại Tam quan đền.

- Năm 2011: Đảo ngói mái tòa Tiền tế và Hậu cung đền Thượng.

- Năm 2018: Tu sửa lại hạng mục nhà Mẫu; Ống muống và hai dãy Giải vũ đền.

Hiện nay, di tích được bảo quản khá tốt, đã thành lập Ban quản lý di tích cơ sở do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban. Ban quản lý thường xuyên quan tâm đến công việc của đền và hàng năm đều đứng ra tổ chức lễ hội, cử cụ từ trông nom, đèn hương tại di tích. Hằng năm, tại di tích đều có diễn ra các đợt tu bổ nhỏ định kỳ (chống mối mọt, đảo ngói,...) nhằm bảo vệ cho di tích được tồn tại tốt hơn, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hoá tâm linh của Nhân dân địa phương và du khách thập phương đến tham quan, chiêm bái tại di tích.

3.4.2. Tình trạng quản lý

Việc bảo vệ và phát huy tác dụng di tích là việc làm rất quan trọng và cần thiết. Trong nhiều năm qua, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích đã được các cấp, các ngành cùng Nhân dân địa phương quan tâm với nhiều việc làm cụ thể, thiết thực, có hiệu quả.

Đền An Xá nằm trên địa bàn thôn An Xá, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay, di tích được sự quản lý trực tiếp của chính quyền địa phương, cụ thể là Ủy ban Nhân dân xã An Viên (nay thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám) đã thành lập nên Ban Quản lý di tích cơ sở xã An Viên (theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân xã An Viên) thực hiện quản lý tất cả các di tích trên địa bàn xã. Trụ sở của Ban Quản lý di tích cơ sở đặt tại thôn An Xá, xã An Viên (nay thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám), tỉnh Hưng Yên. Cơ cấu và thành phần Ban Quản lý di tích cơ sở bao gồm:

* *Về lãnh đạo Ban*

- 01 đồng chí Trưởng ban (là đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã);

- 01 đồng chí Phó ban thường trực (là đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã).

* *Các ủy viên*

- 01 đồng chí Ủy viên thường trực (đồng chí Công chức Văn hóa xã);

- 01 đồng chí phụ trách công tác an ninh xã;

- 01 đồng chí đại diện Mặt trận tổ quốc xã;

- 01 đồng chí phụ trách tài chính xã;

- 01 đồng chí phụ trách địa chính xã;

- 01 đồng chí đại diện Hội người cao tuổi xã;

- 01 đồng chí đại diện Hội phụ nữ xã;

- 01 đồng chí đại diện Đoàn Thanh niên xã;

- 01 đồng chí Trưởng thôn An Xá.

** Chức năng, nhiệm vụ của các Ban quản lý di tích cơ sở*

- Giúp UBND xã thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, đặc biệt là trực tiếp chịu trách nhiệm về công tác xây dựng, tu bổ, tôn tạo tại di tích.

- Tuyên truyền, quảng bá về các giá trị đích thực của di tích, phát huy giá trị của di tích thông qua các hoạt động tổ chức lễ hội truyền thống và các hình thức sinh hoạt văn hóa khác trên cơ sở quy định của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của Nhân dân.

- Trực tiếp tiếp nhận và đưa vào di tích các hiện vật, đồ thờ công đức phù hợp với tính chất của di tích để quản lý, sử dụng khi được cơ quan chuyên môn và cấp có thẩm quyền cho phép.

- Tham mưu giúp UBND xã về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí công đức của di tích.

3.4.3. Tình trạng sử dụng, bảo quản

Công tác quản lý, bảo vệ và bảo đảm an ninh, an toàn tại Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá trong những năm qua, đặc biệt là giai đoạn gần đây, được các cấp chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện tương đối hiệu quả. Trước và trong các dịp lễ, Tết và mùa lễ hội hằng năm, cơ quan chuyên môn về văn hóa thường xuyên ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu các Ban Quản lý di tích cơ sở tăng cường công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và cảnh quan di tích, bảo đảm điều kiện phục vụ Nhân dân và du khách thập phương. Trên cơ sở đó, chính quyền địa phương đã tổ chức lực lượng trông coi, bảo vệ di tích thường xuyên, duy trì trực 24/24 giờ.

Là một di tích trọng điểm của tỉnh, Đền An Xá hằng năm đón lượng lớn khách tham quan, chiêm bái. Công tác bảo vệ di tích được triển khai với sự phối hợp giữa lực lượng an ninh và Ban Quản lý di tích, qua đó cơ bản đáp ứng yêu cầu về trông giữ phương tiện, hướng dẫn tổ chức không gian dịch vụ, bố trí hàng quán đúng quy định, đồng thời bảo đảm vệ sinh môi trường, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tham quan, hành lễ.

Bên cạnh đó, công tác tu bổ, tôn tạo di tích được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, với sự quan tâm hỗ trợ từ Trung ương đến địa phương. Nguồn vốn đầu tư được huy động theo hướng kết hợp giữa ngân sách nhà nước và xã hội hóa, phát huy hiệu quả phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm". Các hạng mục tu bổ do các đơn vị có chuyên môn thực hiện, cơ bản bảo đảm tuân thủ quy trình kỹ thuật và nguyên tắc bảo tồn.

Nhìn chung, di tích hiện đang được quản lý, khai thác và sử dụng tương đối hiệu quả; các hạng mục công trình sau tu bổ được duy trì trong tình trạng kỹ thuật ổn định, phát huy tốt giá trị phục vụ sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa cộng đồng và

hoạt động du lịch.

II. ĐẶC TRƯNG VÀ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH

1. Đặc trưng của di tích

Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá (còn gọi là Đền Đậu An) là một công trình có giá trị đặc biệt trong hệ thống di tích thờ tự truyền thống của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ, nổi bật cả về phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể. Di tích là minh chứng tiêu biểu cho quá trình giao thoa, dung hợp giữa **quán Đạo giáo** và **đền thờ truyền thống**, phản ánh sự tiếp biến văn hóa trong lịch sử tín ngưỡng Việt Nam.

Đền An Xá hiện được xác định là một trung tâm văn hóa - tín ngưỡng Đạo giáo tiêu biểu, quy mô lớn và hiếm hoi còn tồn tại tại tỉnh Hưng Yên. Di tích thờ Ngọc Hoàng Thượng đế cùng hệ thống các vị thần tiên như Thiên Tiên, Địa Tiên và Ngũ Lão Tiên Ông, thể hiện rõ đặc trưng của tín ngưỡng Đạo giáo trong đời sống văn hóa dân gian.

Về phương diện kiến trúc, di tích có quy mô tương đối lớn, không gian cảnh quan hài hòa, mang đậm phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Đặc biệt, hai tòa Ống muống và Hậu cung được xây dựng hoàn toàn bằng đá là yếu tố kiến trúc độc đáo, hiếm gặp trong hệ thống di tích khu vực. Các chi tiết chạm khắc trên đá thể hiện kỹ thuật tinh xảo, đường nét mềm mại, giàu tính tạo hình, góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật đặc sắc và khác biệt của di tích. Trong bối cảnh các công trình kiến trúc đá cổ ở miền Bắc còn lại không nhiều, yếu tố này càng làm nổi bật giá trị độc đáo của Đền An Xá.

Bên cạnh đó, di tích còn lưu giữ hệ thống di vật, cổ vật có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa và mỹ thuật, trong đó có nhiều hiện vật gốc, độc bản như: nhang án và bệ tượng thờ bằng đất nung tại Hậu cung; tháp đất nung tại sân đền mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVI-XVII (thuộc loại hình hiếm gặp ở miền Bắc); khánh đá niên hiệu Vĩnh Trị (1676); chuông đồng niên hiệu Cảnh Hưng (1773); cùng hệ thống bia đá thời Nguyễn. Các hiện vật này không chỉ có giá trị nghệ thuật cao mà còn là nguồn tư liệu quý phục vụ nghiên cứu về lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng.

Với những giá trị tiêu biểu nêu trên, Đền An Xá đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật theo Quyết định số 2280/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngoài ra, di tích còn mang một số đặc trưng nổi bật:

- Là quần thể di tích có sự phân bố đan xen giữa khu vực di tích và khu dân cư (Đình Vô, Đình Căn), phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa di sản và đời sống cộng đồng.

- Là không gian văn hóa tổng hợp, kết hợp giữa giá trị lịch sử, tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

- Là trung tâm tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống, sự kiện văn hóa và sinh hoạt tín ngưỡng của địa phương.

- Là điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh có tiềm năng phát triển, góp phần thu hút khách tham quan và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Là di tích có giá trị đặc trưng đa dạng, độc đáo, tạo nên bản sắc riêng trong hệ thống di tích vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Những giá trị cơ bản lễ hội đền An Xá

Lễ hội Đền An Xá là một lễ hội truyền thống tiêu biểu, chứa đựng nhiều lớp giá trị văn hóa, lịch sử và tín ngưỡng đặc sắc của cư dân vùng châu thổ sông Hồng. Lễ hội phản ánh sinh động quá trình con người nhận thức, thích ứng và chinh phục tự nhiên; thể hiện mối quan hệ giữa con người với vũ trụ, với các lực lượng siêu nhiên, cũng như kinh nghiệm tích lũy trong quá trình chung sống hài hòa với môi trường tự nhiên. Thông qua đó, lễ hội gửi gắm ước vọng muôn đời của cư dân nông nghiệp về "mưa thuận gió hòa", mùa màng bội thu, đời sống ấm no, hạnh phúc.

Lễ hội Đền An Xá hội tụ đầy đủ các giá trị cơ bản của một lễ hội truyền thống dân tộc, cụ thể:

Giá trị cố kết cộng đồng:

- Lễ hội là không gian sinh hoạt văn hóa chung, nơi gắn kết cộng đồng dân cư thông qua các hoạt động nghi lễ và hội hè, củng cố tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng làng xã.

Giá trị hướng về cội nguồn:

- Thông qua việc thờ phụng và tri ân các đấng thần linh, lễ hội góp phần giáo dục truyền thống, nhắc nhớ về nguồn cội, lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng.

Giá trị cân bằng đời sống tâm linh:

- Lễ hội đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Nhân dân, tạo sự cân bằng giữa đời sống vật chất và tinh thần, củng cố niềm tin vào những giá trị thiêng liêng.

Giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa:

- Các nghi lễ, trò diễn và hoạt động hội là dịp để cộng đồng tham gia sáng tạo, lưu truyền và hưởng thụ các giá trị văn hóa dân gian.

Giá trị bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:

- Lễ hội là môi trường bảo tồn, trao truyền các phong tục, tập quán, nghi lễ truyền thống, góp phần làm giàu và khẳng định bản sắc văn hóa địa phương.

Một trong những điểm đặc sắc của lễ hội là hệ thống nghi lễ và trò diễn dân gian mang đậm yếu tố bản địa, tiêu biểu như nghi thức tế lễ, rước kiệu và đặc biệt là trò diễn "đánh hổ" (đánh bệt). Tích "đánh hổ" mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc,

thể hiện tinh thần thượng võ, ý chí chinh phục thiên nhiên, đuổi trừ thú dữ, bảo vệ cuộc sống bình yên của cộng đồng. Đây đồng thời là sự phản ánh khát vọng chế ngự thiên tai, bảo đảm mùa màng tốt tươi, cuộc sống an lành.

Niềm tin dân gian gắn với các yếu tố thiêng trong lễ hội vẫn được duy trì, tiêu biểu như việc người dân xin lộc từ cành, lá si trang trí trong không gian trò diễn với mong ước mang lại may mắn, hạnh phúc. Điều này cho thấy sức sống bền bỉ của tín ngưỡng dân gian trong đời sống cộng đồng, đồng thời góp phần thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia, tạo nên quá trình tái tạo và lan tỏa giá trị văn hóa.

Có thể thấy, lễ hội Đền An Xá là sự kết tinh của nhiều lớp văn hóa tâm linh, trong đó nổi bật là văn hóa nông nghiệp lúa nước vùng Bắc Bộ, kết hợp với các yếu tố của Đạo giáo. Cấu trúc lễ hội bao gồm cả phần lễ (tế tự, rước thần) và phần hội (trò diễn, sinh hoạt cộng đồng), tạo nên một chỉnh thể văn hóa hoàn chỉnh. Thông qua các nghi lễ và trò diễn, lễ hội không chỉ thể hiện mối quan hệ giữa con người với thần linh, vũ trụ mà còn tái hiện ký ức cộng đồng về quá trình khai phá, chinh phục vùng đất châu thổ.

Ở một bình diện rộng hơn, lễ hội còn mang ý nghĩa biểu tượng về sự tái sinh và phát triển, thể hiện ước vọng về cuộc sống "nhân khang, vật thịnh", hài hòa giữa con người - tự nhiên - xã hội, góp phần khẳng định giá trị bền vững của di sản văn hóa phi vật thể trong đời sống đương đại.

2. Các giá trị tiêu biểu của di tích

2.1. Giá trị về Lịch sử

Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá là một trung tâm văn hóa - tín ngưỡng tiêu biểu, mang dấu ấn đặc sắc của văn hóa Đạo giáo trong lịch sử phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng. Di tích thờ Ngọc Hoàng Thượng đế cùng hệ thống các vị thần tiên như Thiên Tiên, Địa Tiên, Ngũ Lão Tiên Ông - một hình thức thờ tự tương đối hiếm gặp trong hệ thống đền, quán của người Việt, đặc biệt là việc tôn thờ Ngọc Hoàng Thượng đế với tư cách thần chủ trong một không gian kiến trúc quy mô lớn, hoàn chỉnh như tại Đền An Xá.

Đền An Xá còn là một trong số các di tích mang tên gọi "**Đậu**" trên địa bàn huyện Phù Tiên xưa - loại hình di tích gắn với tín ngưỡng Đạo giáo mang tính đặc thù của tỉnh Hưng Yên. Trong bối cảnh nhiều công trình cùng loại đã mai một theo thời gian, Đền An Xá được xem là di tích có quy mô tương đối hoàn chỉnh, tiêu biểu và hiếm hoi còn tồn tại, qua đó phản ánh rõ nét quá trình du nhập, tồn tại và phát triển của Đạo giáo tại Việt Nam. Giá trị này góp phần minh chứng cho một giai đoạn lịch sử - văn hóa quan trọng, khi các yếu tố Đạo giáo được tiếp biến, hòa quyện với tín ngưỡng bản địa, trở thành một bộ phận trong đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân.

Ở bình diện rộng hơn, di tích còn gắn với tiến trình hình thành và phát triển

của cư dân nông nghiệp vùng châu thổ Bắc Bộ. Quá trình khai phá, cải tạo tự nhiên và phát triển sản xuất nông nghiệp của cư dân Lạc Việt đã tạo nền tảng cho sự hình thành các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng, trong đó Đền An Xá là một minh chứng sinh động. Những giá trị văn hóa tích lũy qua nhiều thế hệ vẫn được bảo lưu, thể hiện qua hệ thống di sản vật thể và phi vật thể còn tồn tại tại di tích.

Trong lịch sử hiện đại, Đền An Xá còn gắn với các sự kiện cách mạng quan trọng của địa phương. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, di tích là nơi hoạt động bí mật, nuôi giấu cán bộ, hội họp của lực lượng cách mạng và là địa điểm tập hợp lực lượng dân quân du kích chống lại các cuộc càn quét của địch. Với những đóng góp đó, di tích trở thành một "***địa chỉ đỏ***", có ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho các thế hệ.

Sau khi hòa bình lập lại, di tích tiếp tục được sử dụng phục vụ các hoạt động xã hội như làm trường học, nơi sơ tán cơ sở sản xuất, địa điểm hội họp của chính quyền địa phương trong một thời gian dài. Những dấu ấn này càng làm phong phú thêm giá trị lịch sử của di tích, phản ánh rõ vai trò đa chức năng của di sản trong từng giai đoạn phát triển của cộng đồng.

Tổng thể, giá trị lịch sử của Đền An Xá không chỉ thể hiện ở niên đại hình thành và quá trình tồn tại lâu dài, mà còn ở vai trò là một trung tâm văn hóa - tín ngưỡng, một thiết chế xã hội gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng qua nhiều thời kỳ lịch sử.

2.2. Giá trị về Kiến trúc - Nghệ thuật

Đền An Xá là một công trình kiến trúc cổ có quy mô tương đối lớn, sở hữu không gian cảnh quan hài hòa, gắn với địa thế phong thủy đặc trưng (thế đất hình "đầu rồng"), thể hiện rõ sự lựa chọn vị trí và tổ chức không gian mang đậm tư duy truyền thống. Tổng thể di tích được bố trí theo trục thần đạo, các hạng mục công trình phân bố hợp lý, tạo nên một chỉnh thể kiến trúc - cảnh quan thống nhất, góp phần tôn vinh tính linh thiêng của không gian thờ tự.

Về mặt bố cục, đền có mặt bằng tổng thể hình chữ "*Công*" (工), gồm ba tòa chính: Tiền tế, Ống muống và Hậu cung. Các cấu kiện kiến trúc được tạo tác công phu, chạm khắc tinh xảo với nhiều đề tài trang trí phong phú như tứ linh, tứ quý, hoa lá, văn triện…, phản ánh rõ phong cách nghệ thuật thời Nguyễn.

Điểm đặc sắc nổi bật và tạo nên giá trị khác biệt của di tích là hai tòa Ống muống và Hậu cung được xây dựng hoàn toàn bằng đá xanh nguyên khối - một dạng thức kiến trúc hiếm gặp trong hệ thống di tích miền Bắc. Toàn bộ hệ khung chịu lực, bao gồm cột, vì kèo, cửa võng, ngưỡng cửa… đều được chế tác từ đá, thể hiện trình độ kỹ thuật cao và sự sáng tạo của các nghệ nhân xưa. Hiện nay, hai tòa này còn lưu giữ hệ thống cột đá lớn, mỗi cột nặng hàng tấn, được chạm khắc tinh xảo với các họa tiết rồng uốn lượn, câu đối chữ Hán, đầu dư

tạo hình rồng ngậm ngọc, mang giá trị thẩm mỹ và biểu tượng sâu sắc.

Hệ thống kết cấu và trang trí kiến trúc đá được thực hiện theo kỹ thuật truyền thống như chạm lộng, chạm bong kênh, tạo nên các mảng chạm có độ nổi cao, đường nét mềm mại, tinh tế dù trên chất liệu đá cứng. Các đề tài trang trí như hổ phù, phượng, tứ quý, hoa sen, văn triện… không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn hàm chứa ý nghĩa biểu tượng về phúc - lộc - thọ, phản ánh ước vọng của cộng đồng cư dân.

Đặc biệt, hệ thống cửa võng, tường bao và các chi tiết kiến trúc bằng đá tại Hậu cung được chạm khắc công phu với các họa tiết như dơi ngậm tiền, hạc đứng trên lưng rùa…, thể hiện triết lý nhân sinh và quan niệm thẩm mỹ truyền thống. Tổng thể kiến trúc đá tại di tích vừa mang tính uy nghi, bền vững, vừa thể hiện trình độ điêu khắc đạt đến độ tinh xảo cao của nghệ nhân đương thời.

Trong bối cảnh các công trình kiến trúc đá cổ còn lại ở miền Bắc không nhiều, Đền An Xá được đánh giá là một trong những di tích có quy mô kiến trúc đá lớn và tương đối hoàn chỉnh, tiêu biểu không chỉ của tỉnh Hưng Yên mà còn ở phạm vi rộng hơn.

Bên cạnh giá trị kiến trúc, di tích còn lưu giữ nhiều di vật, cổ vật có giá trị nghệ thuật cao, như tháp đất nung, nhang án đất nung (thế kỷ XVI-XVII), khánh đá niên hiệu Vĩnh Trị (1676), chuông đồng niên hiệu Cảnh Hưng (1773), hệ thống tượng thờ… Đây là những hiện vật quý, góp phần làm phong phú giá trị nghệ thuật của di tích, đồng thời là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu lịch sử, văn hóa và mỹ thuật truyền thống.

Tổng thể, giá trị kiến trúc - nghệ thuật của Đền An Xá thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa quy mô, bố cục không gian, kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật chạm khắc tinh xảo, tạo nên một công trình độc đáo, mang đậm dấu ấn lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc.

2.3. Giá trị về Văn hóa

Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá là một trung tâm văn hóa - tín ngưỡng có giá trị đặc biệt, nổi tiếng từ lâu đời, có sức lan tỏa rộng trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng dân cư địa phương và du khách thập phương. Di tích không chỉ là nơi thờ tự linh thiêng mà còn là không gian lưu giữ, bảo tồn và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần duy trì bản sắc văn hóa dân tộc.

Hằng năm, lễ hội truyền thống Đền An Xá được tổ chức trang nghiêm, kết hợp hài hòa giữa phần lễ và phần hội, thể hiện lòng thành kính đối với Ngọc Hoàng Thượng đế và các chư vị thần tiên. Thông qua các hoạt động lễ hội, di tích góp phần giáo dục truyền thống "uống nước nhớ nguồn", bồi đắp ý thức cộng đồng, tinh thần yêu nước và trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa cho các thế hệ.

Giá trị văn hóa của di tích được thể hiện đậm nét qua hệ thống nghi lễ, nghi thức và các trò diễn dân gian đặc sắc. Lễ hội mang đậm màu sắc tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời phản ánh rõ sự giao thoa, tiếp biến giữa

các lớp văn hóa, đặc biệt là sự hòa quyện giữa Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa. Thời gian lễ hội kéo dài, trong đó cao điểm chính hội diễn ra từ ngày mồng 6 đến ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch.

Một trong những điểm đặc sắc của lễ hội là tích trò "đánh hổ" (đánh bệt), tái hiện câu chuyện dân gian về mẹ con người dân nghèo chiến thắng thú dữ. Tích trò không chỉ thể hiện tinh thần thượng võ, ý chí chinh phục thiên nhiên và bảo vệ cuộc sống cộng đồng, mà còn hàm chứa yếu tố tín ngưỡng thờ Mẫu - tôn vinh vai trò của người mẹ trong quá trình khai phá, chinh phục vùng châu thổ. Qua đó cho thấy sự dung hợp giữa Đạo giáo với tín ngưỡng bản địa trong tiến trình lịch sử.

Bên cạnh đó, trong diễn trình lễ hội truyền thống còn ghi nhận sự tồn tại của các yếu tố tín ngưỡng phồn thực, tiêu biểu là tục rước ông Đùng - bà Đà. Đây là hình thức tín ngưỡng cổ xưa, phản ánh khát vọng sinh sôi, phát triển và mùa màng bội thu của cư dân nông nghiệp. Qua thời gian, lớp ý nghĩa nguyên thủy này đã được tiếp biến, gắn với các yếu tố Đạo giáo (Thiên tiên - Địa tiên), đồng thời chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, tạo nên nhiều tầng ý nghĩa văn hóa phong phú trong cùng một hiện tượng lễ hội.

Nhìn tổng thể, lễ hội Đền An Xá là sự kết tinh của nhiều lớp văn hóa: từ tín ngưỡng bản địa, văn hóa nông nghiệp lúa nước đến ảnh hưởng của Đạo giáo và Nho giáo. Các nghi lễ, trò diễn không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn tái hiện ký ức cộng đồng về quá trình đấu tranh sinh tồn, chinh phục tự nhiên, thể hiện khát vọng về một cuộc sống an lành, no đủ, "nhân khang, vật thịnh".

Đặc biệt, tích trò "*đánh hổ*" là một yếu tố văn hóa đặc thù, riêng có của lễ hội Đền An Xá, góp phần tạo nên bản sắc độc đáo, khác biệt của di tích trong hệ thống lễ hội truyền thống ở Việt Nam hiện nay.

Các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với quần thể di tích, phong tục tập quán

Khu di tích còn lưu giữ những giá trị du lịch văn hóa phi vật thể khá to lớn, những sinh hoạt văn hóa tâm linh phong phú, gắn kết cộng đồng, làng xã thể hiện qua lễ hội truyền thống hằng năm, tập tục sinh hoạt của làng. Lễ hội truyền thống đền An Xá là một lễ hội có quy mô lớn, nổi tiếng trên cả nước, làm nức lòng người gần xa với câu ca: "*Tỉnh Nam, vui nhất Phủ Giầy/ Vui thì vui thật chẳng tầy Đậu An*". Đặc biệt, trong lễ hội có tổ chức rước kiệu Ngọc Hoàng Thượng Đế cùng các vị Thiên Tiên, Địa Tiên, Ngũ Lão Tiên Ông mà chỉ ở Hưng Yên mới có. Phần hội diễn ra sôi nổi với việc biểu diễn lại tích trò "*Mẹ con nhà khó đánh hổ*", thu hút được đảo đảo du khách tham gia dự hội. Hằng năm điểm du lịch di tích đền An Xá đón khoảng từ 12.000 - 15.000 lượt người về tham quan, chiêm bái, đặc biệt tại thời điểm diễn ra lễ hội đón khoảng 7.000 đến 10.000 lượt người về tham quan và hành lễ. Quần thể di tích đền An Xá ngày càng khẳng định vị thế là điểm đến du lịch tâm linh không thể thiếu của du khách thập phương mỗi khi về với Hưng Yên.

Các lễ hội liên quan đến di tích:

Sau một thời gian bị gián đoạn (từ năm 1954 đến năm 1988) do chiến tranh và nhiều nguyên nhân khác nhau. Năm 1989, với sự cố gắng của chính quyền và Nhân dân xã An Viên (nay thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám) cùng sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Lễ hội truyền thống Đền An Xá đã được khôi phục lại sau 34 năm trong sự phấn khởi và vui mừng của chính quyền và Nhân dân địa phương. Về cơ bản, lễ hội vẫn bảo lưu được những nghi thức quan trọng của lễ hội xưa như: Lễ rước Ngọc Hoàng Thượng Đế đi tuần nhiễu qua các ngôi đình trong làng (nơi thờ các vị Ngũ Lão Tiên Ông), các câu diễn, trò đánh hổ,… Tuy nhiên, cũng có một số thay đổi cho phù hợp với đời sống hiện tại.

III. ĐỀ XUẤT PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH, PHẠM VI QUY HOẠCH

1. Cơ sở xác định phạm vi nghiên cứu quy hoạch, phạm vi quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Việc xác định phạm vi nghiên cứu và phạm vi quy hoạch được thực hiện trên cơ sở bảo đảm yêu cầu bảo tồn toàn diện di tích gắn với phát huy giá trị, phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể như sau:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Bao gồm toàn bộ diện tích các điểm di tích thuộc Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; đồng thời mở rộng đến các khu vực cảnh quan, không gian phụ cận có liên quan trực tiếp đến việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Hiện trạng các điểm di tích:

Nghiên cứu toàn diện hiện trạng các điểm di tích trong quần thể đã được khoanh vùng bảo vệ (khu vực I và II), làm cơ sở đánh giá mức độ bảo tồn, xác định các yếu tố cần bảo vệ và định hướng tổ chức không gian phù hợp.

Nhu cầu mở rộng và tạo quỹ đất:

Xem xét, đề xuất mở rộng không gian nhằm tạo quỹ đất phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ du lịch; quỹ đất tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng đối với các công trình vi phạm khu vực bảo vệ di tích; đồng thời tạo nguồn lực đất đai để triển khai thực hiện quy hoạch.

Phạm vi quy hoạch không gian cảnh quan:

Bao gồm khu vực xung quanh di tích hiện hữu nhằm nghiên cứu, đề xuất các giải pháp bảo vệ, tôn tạo cảnh quan môi trường, kiểm soát không gian xây dựng; đặc biệt chú trọng hạn chế các tác động tiêu cực từ khu dân cư và các hoạt động phát triển đến giá trị và không gian di tích.

Cơ sở tích hợp với các quy hoạch liên quan:

Việc xác định phạm vi quy hoạch được xem xét trong mối quan hệ với các quy hoạch đã được phê duyệt, bao gồm quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương có di tích; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức không gian và phát triển hạ tầng.

Cơ sở dữ liệu bản đồ:

Sử dụng hệ thống bản đồ hành chính tỉnh Hưng Yên, bản đồ địa chính xã Hoàng Hoa Thám và các bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000, 1/1000 khu vực lập quy hoạch do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, làm nền tảng phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích và đề xuất phương án quy hoạch.

2. Xác định phạm vi nghiên cứu, phạm vi quy hoạch

2.1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích các điểm di tích thuộc Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá, nằm trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên. Đồng thời, phạm vi nghiên cứu được mở rộng đến các khu vực cảnh quan, không gian phụ cận và các khu vực có liên quan trực tiếp, có ảnh hưởng đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

Việc xác định phạm vi nghiên cứu nhằm bảo đảm đánh giá đầy đủ các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và các tác động liên quan; làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất phạm vi quy hoạch và các giải pháp tổ chức không gian phù hợp.

2.2. Phạm vi quy hoạch

Trên cơ sở nghiên cứu tổng hợp về hiện trạng di tích, giá trị lịch sử - văn hóa, cảnh quan môi trường và các yếu tố tác động, đồng thời căn cứ yêu cầu bảo tồn gắn với phát huy giá trị di tích, đồ án đề xuất phạm vi quy hoạch với quy mô diện tích và ranh giới cụ thể, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức không gian và triển khai thực hiện.

Quy mô diện tích quy hoạch:

Tổng diện tích đề xuất lập quy hoạch khoảng 74.141,6 m², bao gồm:

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ di tích (khu vực I và II): khoảng 20.085 m², bao gồm các điểm di tích Đền An Xá, Đình Vô và Đình Căn;
- Diện tích khu vực mở rộng và các khu chức năng phụ trợ: phục vụ tổ chức không gian cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và các hoạt động dịch vụ, phát huy giá trị di tích.

Ranh giới lập quy hoạch:

Ranh giới khu vực lập quy hoạch được xác định và thể hiện cụ thể trên bản đồ xác định phạm vi nghiên cứu và phạm vi quy hoạch, bảo đảm phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển không gian khu vực.

Cơ sở xác định ranh giới quy hoạch:

Việc xác định ranh giới quy hoạch được xem xét trên các cơ sở chủ yếu sau:

- Phạm vi, ranh giới khoanh vùng bảo vệ di tích theo hồ sơ xếp hạng đã được phê duyệt;
- Không gian cảnh quan tự nhiên và môi trường gắn liền với di tích cần được bảo vệ và phát huy;
- Hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu bố trí các khu chức năng phục vụ bảo tồn, tu bổ, phát huy giá trị di tích;
- Các khu vực dự kiến phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, không gian dịch vụ du lịch - tín ngưỡng và các công trình phụ trợ cần thiết;
- ***Nhiệm vụ quy hoạch được xây dựng trong quá trình đánh giá tổng thể, chưa đi sâu đánh giá chi tiết hơn các yếu tố liên quan.***

Trong đó bao gồm các điểm di tích sau:

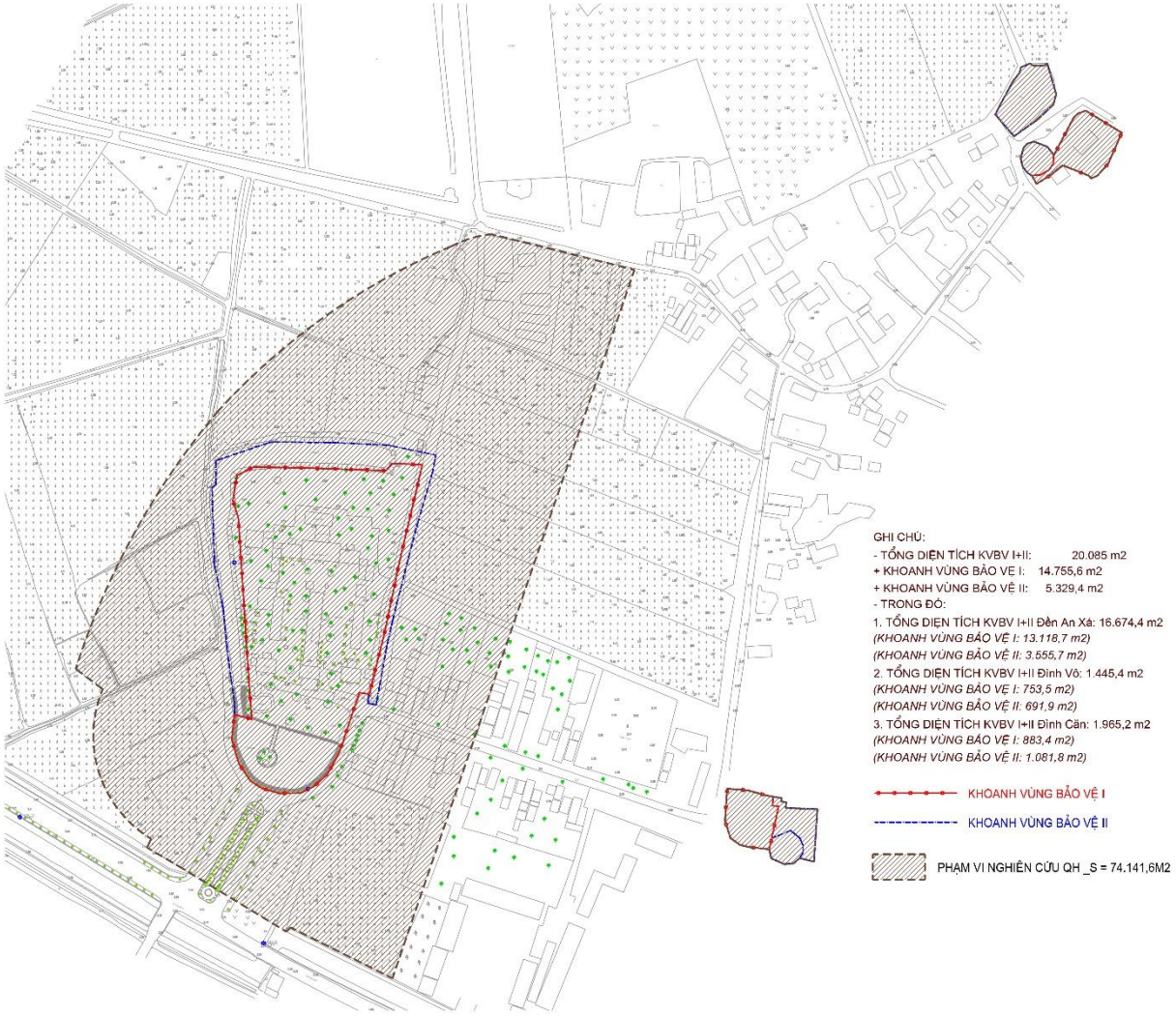
Stt	Khu vực lập quy hoạch	Quy mô
1	**Đền An Xá (Đền Đậu An)**	**S: 16.674,4m2**
	Diện tích khoanh vùng bảo vệ I	*S1: 13.118,7m2*
	Diện tích khoanh vùng bảo vệ II	*S2: 3.555,7m2*
2	**Đình Vô**	**S: 1.445,4m2**
	Diện tích khoanh vùng bảo vệ I	*S1: 753,5m2*
	Diện tích khoanh vùng bảo vệ II	*S2: 691,9m2*
3	**Đình Căn**	**S: 1.965,2m2**
	Diện tích khoanh vùng bảo vệ I	*S1: 883,4m2*
	Diện tích khoanh vùng bảo vệ II	*S2: 1.081,8m2*

Cụ thể như sau:

Ranh giới nghiên cứu, lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp: cánh đồng sau đền và khu dân cư.
- Phía Nam giáp: Đường giao thông DH.72 - Quốc lộ 38B; cánh đồng Ao Gỗ.

- Phía Đông giáp: cánh đồng Ao Mú.
- Phía Tây giáp: cánh đồng Đầm Khoai và khu dân cư.



Ranh giới nghiên cứu, lập quy hoạch

IV. ĐỊNH HƯỚNG BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

1. Về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Định hướng khoanh vùng bảo vệ di tích:

- Rà soát, xác định và hoàn thiện ranh giới các khu vực bảo vệ I và II đối với

từng điểm di tích; nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh phạm vi bảo vệ (mở rộng hoặc thu hẹp) trên cơ sở bảo đảm yêu cầu bảo tồn giá trị gốc và phù hợp với điều kiện thực tế; đồng thời xác định khu vực bảo vệ cảnh quan và khu vực quản lý xây dựng.

- Xây dựng danh mục các hạng mục, đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi; xác định mức độ can thiệp phù hợp đối với từng hạng mục theo nguyên tắc bảo tồn di tích; tiếp tục sưu tầm, bổ sung hiện vật, tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu, trưng bày và phát huy giá trị di tích.

- Rà soát, xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm (nếu có); đề xuất giải pháp khoanh vùng bảo vệ, phương án giải phóng mặt bằng, di dời, tái định cư đối với các hộ dân bị ảnh hưởng; đánh giá tính khả thi gắn với nguồn lực tài chính và lộ trình thực hiện.

Định hướng bảo tồn, tu bổ và phục hồi tổng thể di tích:

- Đề xuất phương hướng bảo tồn, tu bổ, phục hồi và tôn tạo đối với từng điểm di tích, cụm di tích và tổng thể quần thể; bảo đảm phù hợp với hiện trạng, tôn trọng yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích, đồng thời hài hòa với cảnh quan tự nhiên. Khai thác hiệu quả các giá trị đặc trưng của Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá và bản sắc văn hóa địa phương, gắn với phát triển du lịch và kinh tế - xã hội của khu vực.

Cơ chế duy tu, bảo dưỡng thường xuyên:

- Đề xuất các giải pháp và cơ chế tổ chức thực hiện công tác bảo trì định kỳ, chống xuống cấp đối với các hạng mục kiến trúc, đặc biệt là hệ thống kiến trúc gỗ, kiến trúc đá và hệ thống tượng thờ, bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật ổn định của di tích.

Bảo tồn cảnh quan và môi trường sinh thái:

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ và tôn tạo cảnh quan khu vực di tích; kiểm soát, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, hệ sinh thái và đa dạng sinh học; bảo đảm sự hài hòa giữa không gian kiến trúc và cảnh quan xung quanh.

Quản lý và sử dụng tài nguyên rừng:

- Định hướng phương án quản lý, bảo vệ và khai thác bền vững diện tích rừng (nếu có) trong phạm vi quy hoạch, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và góp phần bảo vệ cảnh quan sinh thái.

Phát triển sinh kế cộng đồng:

- Đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng bởi quy hoạch, đặc biệt trong trường hợp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; gắn bảo tồn di tích với nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương.

Bảo vệ môi trường:

- Đề xuất các giải pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường phát sinh

từ hoạt động dân cư và du lịch; tổ chức hệ thống thu gom, xử lý chất thải; nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường di tích.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể:

- Định hướng bảo tồn, duy trì và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích và cộng đồng, bao gồm lễ hội truyền thống, tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thuyết dân gian…; bảo đảm sự kế thừa và phát triển bền vững các giá trị văn hóa trong bối cảnh đương đại.

1.1. Phân loại, đánh giá mức độ bảo tồn các di tích

1.1.1. Nguyên tắc bảo tồn

- Việc xác định và áp dụng các mức độ can thiệp trong bảo tồn di tích phải căn cứ vào đặc điểm, giá trị, tình trạng bảo tồn và tình trạng kỹ thuật của từng di tích, từng hạng mục cụ thể; cho phép vận dụng linh hoạt một hoặc kết hợp nhiều mức độ bảo tồn phù hợp với từng bộ phận cấu thành di tích.

- Bảo đảm tính nguyên gốc, tính xác thực và tính toàn vẹn của di tích trong mọi hoạt động can thiệp; hạn chế tối đa việc thay đổi, làm sai lệch hoặc mất mát các yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích.

- Việc phục hồi (từng phần hoặc toàn phần) chỉ được thực hiện khi có đầy đủ cơ sở khoa học, tư liệu xác thực và luận chứng thuyết phục; bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

1.1.2. Các mức độ bảo tồn và phân loại

(Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10382:2014 về di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - thuật ngữ và định nghĩa chung)

a) Các mức độ bảo tồn:

Bảo tồn di tích: Tổng hợp các hoạt động nghiên cứu, quản lý, bảo vệ, bảo quản, tu bổ và phục hồi nhằm duy trì lâu dài, ổn định và phát huy giá trị di tích, bảo đảm tính toàn vẹn và xác thực.

Bảo quản di tích: Các biện pháp phòng ngừa, hạn chế nguy cơ hư hỏng, xuống cấp mà không làm thay đổi các yếu tố gốc cấu thành di tích.

Bảo vệ di tích: Hoạt động ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi xâm hại di tích theo quy định của pháp luật.

Bảo vệ nguyên trạng mặt bằng và không gian di tích: Duy trì bố cục tổng thể, mối quan hệ không gian giữa các hạng mục công trình và giữa di tích với cảnh quan xung quanh đã được hình thành trong lịch sử.

Tu bổ di tích: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo quản, gia cố, sửa chữa, phục hồi các yếu tố gốc cấu thành di tích và các yếu tố liên quan (cảnh quan, môi trường) để bảo vệ và phát huy giá trị.

Gia cố, gia cường di tích: Các giải pháp kỹ thuật nhằm tăng cường độ bền vững, ổn định kết cấu của di tích hoặc các bộ phận của di tích.

Nối, vá, gắn, chắp cấu kiện: Bổ sung, thay thế hoặc liên kết các bộ phận bị hư hỏng bằng vật liệu và kỹ thuật tương thích, bảo đảm tính bền vững và tính đồng nhất với cấu kiện gốc.

Phục hồi di tích: Phục dựng lại di tích hoặc bộ phận di tích đã bị mất trên cơ sở tư liệu khoa học đáng tin cậy, bảo đảm tính xác thực.

Tôn tạo di tích: Cải thiện điều kiện sử dụng, nâng cao khả năng khai thác và phát huy giá trị di tích, đồng thời không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc và cảnh quan môi trường.

b) Phân loại di tích:

Phân loại di tích là việc xác định, phân nhóm di tích theo đặc điểm, giá trị nổi bật về lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị một cách phù hợp, hiệu quả.

1.2. Danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản

Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng tại Quyết định số 2280/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, đến nay di tích chưa được lập quy hoạch tổng thể về bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị, do đó việc xác định danh mục các đối tượng cần can thiệp và mức độ bảo tồn là cần thiết làm cơ sở cho các bước triển khai tiếp theo.

Căn cứ hiện trạng và mức độ bảo tồn của từng hạng mục, đề xuất phân loại và định hướng áp dụng các mức độ bảo tồn như sau:

(i) Khu vực Đền An Xá:

Là hạng mục trung tâm của quần thể di tích, bao gồm các công trình kiến trúc chính có giá trị cao về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật. Hiện trạng cho thấy phần lớn công trình còn tương đối ổn định, tuy nhiên một số hạng mục đã xuất hiện dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng cục bộ.

Định hướng bảo tồn:

Áp dụng kết hợp các mức độ:

- Bảo quản đối với các hạng mục, cấu kiện còn nguyên vẹn nhằm duy trì trạng thái hiện có;

- Tu bổ, sửa chữa đối với các hạng mục bị xuống cấp, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc bảo tồn yếu tố gốc;

- Gia cố cục bộ (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm an toàn kết cấu và kéo dài tuổi thọ công trình.

- Các giải pháp kỹ thuật cụ thể sẽ được xác định chi tiết trong giai đoạn lập dự án tu bổ.

(ii) Di tích Đình Vô:

Nằm cách Đền An Xá khoảng 200 m, là một thành phần quan trọng trong quần thể di tích, có mối liên hệ chặt chẽ về không gian và chức năng tín ngưỡng.

Định hướng bảo tồn:

- Áp dụng đồng thời các mức độ bảo quản và tu bổ, sửa chữa, trong đó ưu tiên bảo tồn các yếu tố gốc, hạn chế tối đa can thiệp làm thay đổi cấu trúc và hình thức kiến trúc truyền thống.

(iii) Di tích Đình Căn:

Nằm cách Đền An Xá khoảng 500 m, là một điểm di tích thành phần có giá trị bổ trợ trong tổng thể không gian văn hóa - tín ngưỡng của khu vực.

Định hướng bảo tồn:

- Tương tự Đình Vô, áp dụng kết hợp các mức độ bảo quản và tu bổ, sửa chữa, bảo đảm giữ gìn tính nguyên gốc, đồng thời khắc phục các hư hỏng, xuống cấp nhằm phát huy giá trị di tích.

2. Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

2.1. Nguyên tắc

Công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa, bảo đảm tính khoa học, tính xác thực và hiệu quả lâu dài, cụ thể như sau:

Phân vùng bảo vệ và quản lý không gian di tích: Thực hiện phân loại, khoanh định rõ ranh giới các khu vực bảo vệ (khu vực I, II và khu vực cảnh quan), làm cơ sở xác định các yêu cầu quản lý và mức độ can thiệp phù hợp đối với từng vùng.

Xác định đối tượng và mức độ bảo tồn: Lựa chọn các hạng mục, thành phần di tích cần bảo tồn; xác định mức độ can thiệp phù hợp (bảo quản, tu bổ, phục hồi…) trên cơ sở giá trị, hiện trạng và yêu cầu bảo vệ yếu tố gốc.

Thiết lập tiêu chí và chỉ tiêu quản lý:Xây dựng các chỉ tiêu, quy định cụ thể đối với từng khu vực và từng đối tượng bảo tồn nhằm hướng dẫn thống nhất trong quá trình triển khai và quản lý thực hiện.

Lập kế hoạch bảo tồn tổng thể và chi tiết: Xây dựng kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi theo lộ trình, phân kỳ đầu tư hợp lý; bảo đảm tính đồng bộ giữa các hạng mục và phù hợp với nguồn lực thực hiện.

Tăng cường nghiên cứu, bổ sung tư liệu: Tiếp tục khảo sát, sưu tầm và nghiên cứu các tư liệu liên quan đến di tích nhằm làm cơ sở khoa học cho các hoạt động tu bổ, phục hồi.

Ưu tiên áp dụng kỹ thuật truyền thống: Ưu tiên sử dụng vật liệu, kỹ thuật và công nghệ truyền thống phù hợp với đặc điểm di tích; chỉ áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại khi cần thiết và đã được kiểm chứng, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến giá trị và đặc trưng của di tích.

Ưu tiên bảo quản, gia cố trước khi tu bổ, phục hồi: Thực hiện các biện pháp bảo quản, gia cố, gia cường nhằm ổn định kết cấu và ngăn ngừa xuống cấp trước khi tiến hành các can thiệp tu bổ, phục hồi.

Tham vấn chuyên gia và cộng đồng: Trong suốt quá trình triển khai, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nghệ nhân và nhân chứng lịch sử nhằm bảo đảm tính chính xác và phù hợp với giá trị truyền thống.

Bảo tồn tối đa yếu tố gốc: Chú trọng bảo vệ các yếu tố gốc cấu thành di tích; hạn chế tối đa việc thay thế, làm biến dạng hoặc mất mát các cấu kiện nguyên gốc.

Quản lý các phát sinh trong quá trình thi công: Khi phát hiện các yếu tố mới hoặc phát sinh khác với phương án đã được phê duyệt, cần kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Bảo đảm giám sát và tuân thủ pháp luật: Hoạt động tu bổ di tích phải được giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và cộng đồng; các tổ chức, cá nhân tham gia phải đáp ứng đầy đủ điều kiện năng lực theo quy định.

Bảo đảm an toàn: Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho di tích, người lao động và khách tham quan trong suốt quá trình triển khai các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi.

2.2. Giải pháp bảo tồn

2.2.1. Giải pháp đối với không gian kiến trúc, cảnh quan bảo vệ khu di tích, tổ chức lễ hội và dịch vụ du lịch

- Tổ chức không gian xây dựng các công trình dịch vụ du lịch theo đúng định hướng quy hoạch được phê duyệt; bảo đảm kiểm soát chặt chẽ về vị trí, quy mô, mật độ và hình thức kiến trúc, nhằm duy trì sự hài hòa với cảnh quan di tích và môi trường tự nhiên.

- Kiểm soát các hoạt động du lịch, nghiêm cấm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, xâm hại tài nguyên, chặt phá cây xanh hoặc làm biến đổi cảnh quan khu di tích.

- Bảo vệ nghiêm ngặt địa hình, địa mạo và không gian cảnh quan tự nhiên; các hoạt động xây dựng, khai thác phải hạn chế tối đa việc can thiệp làm biến dạng cấu trúc cảnh quan.

- Tăng cường các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với nguy cơ cháy nổ, cháy rừng (nếu có), đặc biệt trong mùa lễ hội và các thời điểm cao điểm du lịch.

- Không cho phép các hoạt động chăn thả gia súc, sản xuất nông nghiệp hoặc các hoạt động không phù hợp trong khu vực bảo vệ cảnh quan di tích; từng bước di dời hoặc chuyển đổi các hoạt động hiện hữu gây ảnh hưởng đến di tích.

2.2.2. Đề xuất giải pháp bảo tồn, tôn tạo cảnh quan quần thể di tích

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông nội bộ, cấp - thoát nước, chiếu sáng, vệ sinh môi trường…) theo hướng đồng bộ, phù hợp với cảnh quan và không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích.

- Tổ chức các công trình phục vụ phát huy giá trị di tích (nhà đón tiếp, khu dịch vụ, không gian lễ hội…) bảo đảm vị trí hợp lý, quy mô phù hợp, hình thức kiến trúc hài hòa với không gian truyền thống, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường và cảnh quan.

- Thiết lập hệ thống biển báo, nội quy, quy định bảo vệ di tích; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo vệ cảnh quan, đặc biệt trong các dịp lễ hội đông người.

- Bổ sung, chỉnh trang hệ thống cây xanh, thảm thực vật theo hướng bảo tồn các cây cổ thụ hiện có, kết hợp trồng mới các loài cây bản địa phù hợp, tạo lập không gian xanh hài hòa và bền vững.

2.2.3. Đề xuất các giải pháp phục hồi cảnh quan xung quanh di tích

- Cải tạo, phục hồi không gian cảnh quan tự nhiên, đặc biệt là hệ thống mặt nước, ao hồ, kênh mương… nhằm tăng cường giá trị sinh thái và cảnh quan đặc trưng của khu vực di tích.

- Tổ chức lại không gian mở, tạo các điểm nhìn, trục cảnh quan kết nối giữa di tích với khu vực xung quanh, góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ và trải nghiệm không gian.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông đối ngoại và các tuyến tiếp cận khu di tích theo hướng thuận tiện, an toàn, đồng thời kiểm soát lưu lượng và loại hình phương tiện nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến không gian di tích.

3. Vùng bảo tồn, đối tượng bảo tồn

3.1. Định hướng chung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Xác định Đền An Xá là điểm di tích trung tâm, ưu tiên bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị, từng bước hình thành trung tâm văn hóa - tín ngưỡng, du lịch tâm linh và lễ hội của khu vực.

- Các điểm di tích thành phần (Đình Vô, Đình Căn…) được khoanh vùng bảo vệ, bảo tồn và tôn tạo đồng bộ, gắn kết thành hệ thống điểm đến trong tuyến du lịch - chiêm bái của xã Hoàng Hoa Thám và tỉnh Hưng Yên.

- Việc tổ chức bảo tồn phải gắn với phát huy giá trị, khai thác hợp lý phục vụ phát triển du lịch, đồng thời bảo đảm gìn giữ tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích.

3.1.1. Khu vực Di tích Đền An Xá

Công tác khoanh vùng và bảo vệ:

- Đã thực hiện cắm mốc khoanh vùng bảo vệ, hình thành không gian an toàn cho các yếu tố gốc của di tích; bảo đảm phục vụ các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội và tham quan.

Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích:

- Thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi các hạng mục công trình, hiện vật và cảnh quan trong khuôn viên theo quy định; áp dụng các biện pháp kỹ thuật chống mối mọt, rêu mốc, bảo vệ bề mặt vật liệu bằng hóa chất chuyên dụng phù hợp.

- Đồng thời, nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước, thoát nước…) bảo đảm đồng bộ và an toàn.

Bảo tồn các yếu tố gốc:

- Ưu tiên bảo quản, tu bổ các hạng mục gốc của di tích; hạn chế tối đa can thiệp làm thay đổi cấu trúc, vật liệu và hình thức kiến trúc truyền thống.

Hệ thống công trình phụ trợ và dịch vụ:

- Tổ chức các hạng mục phục vụ phát huy giá trị di tích như: khu đón tiếp, khu dịch vụ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, hệ thống biển chỉ dẫn… bố trí tại khu vực phù hợp, không ảnh hưởng đến không gian bảo vệ di tích.

Định hướng các nhóm dự án ưu tiên:

- Nhóm dự án 1: Tu bổ, phục hồi và tôn tạo các hạng mục trong và ngoài khuôn viên di tích, bao gồm các công trình liên quan như đình Bến, đình Mới, miếu thờ bà An Thị Liệu (Mẹ Khó); tu bổ giếng Ngọc; xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ (nhà bia, hệ thống thoát nước, tường rào, khu vệ sinh…).

- Nhóm dự án 2: Tổ chức lại không gian hạ tầng và dịch vụ: di dời, mở rộng bãi đỗ xe về phía Tây khu đất ngoài cổng di tích; nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối (khoảng 1,3 km) từ di tích đến các trục giao thông chính; quy hoạch khu ki-ốt dịch vụ, bán hàng lưu niệm tại vị trí phù hợp (phía Đông di tích), bảo đảm mỹ quan và trật tự.

- Nhóm dự án 3: Thực hiện khai quật khảo cổ học tại khu vực chân đế tháp đất nung trong khuôn viên di tích, nhằm bổ sung cơ sở khoa học phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị.

3.1.2. Di tích Đình Vô và Đình Căn

Công tác bảo vệ và bảo tồn: Đã cắm mốc khoanh vùng bảo vệ; thực hiện bảo tồn địa điểm và các hạng mục công trình nhằm gìn giữ và tôn vinh giá trị di tích; bảo đảm duy trì các giá trị văn hóa cốt lõi, phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng và tham quan.

Tu bổ, tôn tạo công trình: Thực hiện tu bổ, tôn tạo các hạng mục xuống cấp theo đúng quy định; bảo đảm giữ gìn yếu tố gốc và hình thức kiến trúc truyền thống.

Hoàn thiện hạ tầng và nhận diện di tích: Xây dựng bia giới thiệu di tích, hệ

thống hàng rào bảo vệ; nâng cấp, cải tạo tuyến đường tiếp cận nhằm cải thiện điều kiện kết nối và khai thác giá trị di tích.

4. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể

Nghiên cứu, nhận diện và bảo tồn di sản phi vật thể: Tổ chức điều tra, sưu tầm, hệ thống hóa và nghiên cứu sâu các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích và cộng đồng địa phương, bao gồm lễ hội truyền thống, truyền thuyết dân gian, tín ngưỡng, tập quán xã hội…, làm cơ sở xây dựng giải pháp bảo tồn và phát huy phù hợp.

Gắn bảo tồn di sản vật thể với phi vật thể: Đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, tâm linh trên địa bàn theo hướng đồng bộ, qua đó tạo không gian và điều kiện thuận lợi để duy trì, thực hành và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể.

Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống: Duy trì, khuyến khích thực hành các phong tục, tập quán tốt đẹp gắn với đời sống cộng đồng cư dân trong khu vực di tích; bảo đảm tính liên tục và tính sống của di sản trong đời sống đương đại.

Nâng cao nhận thức cộng đồng: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân về giá trị di sản và trách nhiệm bảo tồn, phát huy tài nguyên du lịch văn hóa; lồng ghép nội dung giáo dục truyền thống, bảo vệ môi trường và tìm hiểu cội nguồn trong các hoạt động cộng đồng.

Quảng bá và phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch: Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá lễ hội và các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích; xây dựng, phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh đặc trưng, góp phần thu hút khách tham quan và nâng cao giá trị khai thác di tích.

Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng: Tạo điều kiện để cộng đồng dân cư địa phương tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo tồn, tổ chức lễ hội và phát triển du lịch; coi cộng đồng là chủ thể trung tâm trong việc gìn giữ, trao truyền và phát huy giá trị di sản.

Huy động nguồn lực bảo tồn: Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ công tác bảo tồn di tích và di sản văn hóa phi vật thể.

5. Về khai thác, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững

Phát triển tuyến, điểm và liên kết vùng: Nghiên cứu, đề xuất các tuyến tham quan nội bộ và liên kết với các di tích, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh Hưng Yên; hình thành các tour du lịch văn hóa - tâm linh, góp phần nâng cao giá trị khai thác và tăng thời gian lưu trú của du khách.

Định hướng thị trường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xác định thị trường khách mục tiêu (nội địa và quốc tế); xây dựng chương trình đào tạo, bồi

dưỡng đội ngũ thuyết minh viên, nhân lực du lịch có trình độ chuyên môn, kỹ năng và hiểu biết sâu về giá trị di tích.

Phát triển dịch vụ và sản phẩm bổ trợ: Nghiên cứu xu hướng, nhu cầu của du khách để phát triển các dịch vụ du lịch phù hợp; thiết kế, nâng cao chất lượng và tính đặc trưng của sản phẩm lưu niệm gắn với bản sắc văn hóa địa phương, góp phần tăng giá trị kinh tế và trải nghiệm du lịch.

Xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch di tích: Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá di tích và các sản phẩm du lịch thông qua nhiều hình thức; xây dựng hình ảnh điểm đến văn hóa - tâm linh đặc sắc, có sức lan tỏa trong khu vực và cả nước.

Phát triển du lịch gắn với cộng đồng: Bảo đảm hài hòa giữa phát triển du lịch và đời sống của cư dân địa phương; tạo cơ hội để cộng đồng tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch (dịch vụ, hướng dẫn, sản phẩm địa phương…), góp phần nâng cao thu nhập và tăng cường trách nhiệm bảo vệ di tích; hạn chế tối đa việc di dời, giải tỏa dân cư không cần thiết.

Tuân thủ định hướng chiến lược phát triển du lịch: Nghiên cứu, cập nhật và triển khai các nội dung phù hợp với Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch có liên quan.

5.1. Các tiềm năng du lịch

5.1.1. Giá trị của khu di tích

Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá (Đền Đậu An) là một công trình có giá trị đặc biệt trong hệ thống di tích thờ tự của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ, nổi bật cả về phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể.

Di tích là minh chứng tiêu biểu cho quá trình giao thoa, dung hợp giữa quán Đạo giáo và đền thờ truyền thống, phản ánh sự tiếp biến văn hóa trong lịch sử tín ngưỡng Việt Nam. Đền An Xá hiện được xác định là một trung tâm văn hóa - tín ngưỡng Đạo giáo tiêu biểu, có quy mô lớn, mang tính đặc thù và hiếm hoi còn tồn tại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Những giá trị này tạo nền tảng quan trọng để phát triển các loại hình du lịch văn hóa - tâm linh, tham quan, nghiên cứu và trải nghiệm di sản.

5.1.2. Tiềm năng của khu di tích

Tiềm năng về giá trị văn hóa - lịch sử - tâm linh: Di tích gắn với hệ thống tín ngưỡng Đạo giáo và các giá trị văn hóa dân gian đặc sắc, cùng với lễ hội truyền thống quy mô lớn, có sức lan tỏa rộng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch tâm linh và du lịch lễ hội.

Tiềm năng về kiến trúc - nghệ thuật: Di tích sở hữu hệ thống kiến trúc có giá trị cao, đặc biệt là các công trình bằng đá với kỹ thuật chạm khắc tinh xảo; đồng

thời lưu giữ nhiều hiện vật gốc, độc bản có giá trị về mỹ thuật và lịch sử, là nguồn tài nguyên quý phục vụ du lịch tham quan và nghiên cứu.

Tiềm năng về cảnh quan và không gian trải nghiệm: Không gian di tích hài hòa với cảnh quan tự nhiên, hệ thống cây xanh, mặt nước và môi trường làng quê truyền thống, tạo điều kiện phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái - văn hóa.

5.1.3. Động lực phát triển

Di tích Đền An Xá nằm trong không gian liên kết với nhiều di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên và vùng phụ cận, như: đền và lăng Phạm Công Trứ, khu di tích thờ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, đền Ghênh, chùa Thái Lạc, khu di tích Phố Hiến… Đây đều là những điểm đến có giá trị nổi bật thuộc vùng văn minh sông Hồng.

Sự liên kết này tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các tuyến du lịch văn hóa - tâm linh liên vùng, góp phần nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến, kéo dài thời gian lưu trú của du khách và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Đồng thời, vị trí địa lý tương đối thuận lợi, khả năng kết nối giao thông với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế - du lịch lân cận cũng là một lợi thế quan trọng, tạo động lực phát triển cho khu di tích trong tương lai.

5.2. Đầu tư xây dựng

Đầu tư hạ tầng và tu bổ di tích: Ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và thực hiện tu bổ, tôn tạo các hạng mục di tích trọng điểm, hình thành các "hạt nhân" bảo tồn làm nền tảng cho việc phát huy giá trị di tích một cách bền vững.

Phát triển sản phẩm và giá trị gia tăng: Khai thác đồng bộ các giá trị văn hóa, lịch sử, sinh thái và môi trường của di tích và khu vực lân cận để phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như: lễ hội truyền thống, trải nghiệm lịch sử, trình diễn - sân khấu hóa, du lịch sinh thái, sản phẩm lưu niệm… góp phần đa dạng hóa hoạt động khai thác và nâng cao giá trị kinh tế.

Quảng bá và phát triển thị trường: Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh di tích; xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường phù hợp, mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế.

Thu hút nguồn lực xã hội hóa: Quy hoạch, bố trí các không gian chức năng hợp lý, tạo quỹ đất để kêu gọi đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp; ưu tiên các dự án phát triển dịch vụ du lịch, hạ tầng hỗ trợ gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Tổ chức quản lý: Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý di tích, bảo đảm năng lực quản lý, khai thác và phối hợp tổ chức các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

Phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ hỗ trợ:

- Cơ sở lưu trú: Phát triển đa dạng các loại hình lưu trú như nhà khách, khách sạn tại khu vực lân cận; khuyến khích phát triển mô hình lưu trú cộng đồng (homestay) phù hợp với điều kiện địa phương.

- Dịch vụ ăn uống: Xây dựng hệ thống nhà hàng, quầy dịch vụ giải khát đáp ứng nhu cầu của du khách, bảo đảm vệ sinh và phù hợp với cảnh quan.

- Không gian văn hóa - lễ hội: Tổ chức các khu vực phục vụ lễ hội, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tạo không gian trải nghiệm đặc trưng cho du khách.

- Du lịch cộng đồng: Khuyến khích người dân tham gia cung cấp dịch vụ du lịch, phát triển các sản phẩm gắn với đời sống văn hóa bản địa.

- Sản phẩm lưu niệm: Tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm lưu niệm mang bản sắc địa phương, nâng cao giá trị trải nghiệm và tăng nguồn thu từ du lịch.

5.3. Các sản phẩm, dịch vụ tại di tích

5.3.1. Khu vực Di tích Đền An Xá

Hoạt động tham quan - chiêm bái: Tổ chức không gian phục vụ khách tham quan, hành lễ, chiêm bái di tích; kết hợp thuyết minh, giới thiệu giá trị lịch sử - văn hóa - kiến trúc nhằm nâng cao trải nghiệm và nhận thức của du khách.

Tổ chức lễ hội truyền thống:

- Duy trì và từng bước nâng cao chất lượng, quy mô các lễ hội hiện có gắn với di tích, tiêu biểu như lễ rước Ngọc Hoàng Thượng đế và các nghi lễ truyền thống; bảo đảm giữ gìn bản sắc, nghi thức truyền thống đồng thời phù hợp với điều kiện tổ chức hiện đại.

- Mở rộng tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội vào các dịp lễ, tết, góp phần tăng tính hấp dẫn và thu hút du khách.

Hoạt động tưởng niệm, tôn vinh: Tổ chức các sự kiện văn hóa - tâm linh, hoạt động tưởng niệm, tôn vinh các giá trị lịch sử, nhân vật, truyền thuyết gắn với di tích, góp phần giáo dục truyền thống và quảng bá giá trị di sản.

Hoạt động trải nghiệm và dịch vụ bổ trợ: Phát triển các hoạt động trải nghiệm văn hóa như tìm hiểu nghi lễ, tham gia lễ hội, trình diễn dân gian, trải nghiệm không gian văn hóa truyền thống; đồng thời tổ chức các dịch vụ du lịch phù hợp (thuyết minh, hướng dẫn, dịch vụ lưu niệm, ẩm thực…) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

5.3.2. Di tích Đình Vô và Đình Căn

Hoạt động tham quan - chiêm bái: Tổ chức đón tiếp khách tham quan, hành lễ tại các điểm di tích thành phần, góp phần đa dạng hóa trải nghiệm không gian văn hóa - tín ngưỡng trong quần thể di tích.

Liên kết tổ chức hoạt động văn hóa - lễ hội: Kết nối với các hoạt động lễ hội, nghi lễ tại Đền An Xá để hình thành chuỗi sự kiện văn hóa liên hoàn; phát huy

vai trò của các di tích thành phần trong tổng thể không gian lễ hội và tuyến tham quan - chiêm bái.

5.4. Bảo vệ tài nguyên du lịch

Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể gắn với cộng đồng: Đưa các giá trị di sản văn hóa phi vật thể trở lại và gắn bó chặt chẽ với đời sống cộng đồng thông qua việc duy trì, tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống; khơi dậy ý thức tự hào, trách nhiệm gìn giữ di sản trong mỗi người dân, coi cộng đồng là chủ thể trung tâm trong bảo tồn và phát huy giá trị.

Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan di tích: Tăng cường quản lý quy hoạch xây dựng, kiểm soát phát triển dân cư và các hoạt động kinh tế nhằm hạn chế tối đa tác động làm biến đổi cảnh quan tự nhiên xung quanh di tích; quản lý chặt chẽ các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và khai thác tài nguyên, bảo đảm giữ gìn giá trị cảnh quan đặc trưng.

Kiểm kê, tư liệu hóa di sản: Thực hiện công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học đối với di sản văn hóa phi vật thể một cách hệ thống, thông qua các hình thức tư liệu hóa, số hóa và lưu trữ; từ đó nhận diện đầy đủ giá trị, mức độ tồn tại và sức sống của từng loại hình di sản, làm cơ sở đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy hiệu quả.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo vệ tài nguyên du lịch; phân công rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền, tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư; đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Công tác tuyên truyền, giáo dục: Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị và ý nghĩa của di sản văn hóa; lồng ghép nội dung giáo dục di sản trong hệ thống trường học, hoạt động cộng đồng, bảo tàng, nhà trưng bày… nhằm tạo sự lan tỏa và kế thừa bền vững.

Bảo tồn và phát huy thông qua lưu trữ và truyền dạy: Tổ chức lưu trữ, bảo quản các tư liệu di sản dưới nhiều hình thức (truyền thống và số hóa); đồng thời duy trì hoạt động truyền dạy trong cộng đồng, góp phần bảo đảm tính liên tục và phát triển của di sản.

Chính sách đối với nghệ nhân và chủ thể di sản: Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, tôn vinh các nghệ nhân, cá nhân có đóng góp trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; khuyến khích sự tham gia tích cực của các chủ thể văn hóa trong các hoạt động bảo tồn.

5.5. Phát triển các sản phẩm du lịch

5.5.1. Du lịch văn hóa, tâm linh

Sản phẩm lễ hội truyền thống: Tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động lễ hội gắn với di tích như lễ rước Ngọc Hoàng Thượng đế và các nghi lễ truyền thống; kết hợp các hoạt động tưởng niệm, tôn vinh, góp phần bảo tồn giá trị văn

hóa và tăng sức hấp dẫn đối với du khách.

Sản phẩm tham quan - chiêm bái: Tổ chức các tuyến tham quan, hành lễ trong khu di tích; kết hợp thuyết minh, giới thiệu giá trị lịch sử - văn hóa - kiến trúc, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và trải nghiệm tâm linh của du khách.

Sản phẩm trải nghiệm lễ hội: Xây dựng các chương trình trải nghiệm gắn với lễ hội như tham gia nghi lễ truyền thống, xem và tương tác với các trò diễn dân gian, góp phần nâng cao tính hấp dẫn và giá trị trải nghiệm của du khách.

5.5.2. Du lịch cộng đồng

Trải nghiệm lịch sử - văn hóa: Tổ chức các hoạt động tham quan, tìm hiểu lịch sử hình thành và giá trị văn hóa của di tích gắn với đời sống cộng đồng địa phương.

Ẩm thực địa phương: Phát triển sản phẩm du lịch ẩm thực với các món ăn đặc trưng, mang bản sắc vùng miền, góp phần đa dạng hóa trải nghiệm của du khách.

Trải nghiệm phong tục, tập quán: Tạo điều kiện để du khách tham gia, tìm hiểu các lễ hội truyền thống, phong tục, tập quán và sinh hoạt văn hóa cộng đồng, qua đó tăng tính tương tác và trải nghiệm thực tế.

Sản phẩm thủ công và lưu niệm: Phát triển các hoạt động tham quan, trải nghiệm và mua sắm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương; khuyến khích bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống, tạo sinh kế cho người dân.

Khai thác giá trị văn hóa bản địa: Phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật, tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng đặc trưng của địa phương để hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của điểm đến.

5.6. Thị trường du lịch

5.6.1. Thị trường khách nội địa

Tập trung khai thác thị trường khách nội địa, đặc biệt là các nhóm khách có nhu cầu cao về du lịch văn hóa - tâm linh, tham quan lễ hội và chiêm bái di tích.

Phát triển các dòng khách chính bao gồm:

- Khách du lịch tâm linh: tham gia lễ hội, hành hương, chiêm bái;

- Khách du lịch cuối tuần: khách từ Hà Nội và các tỉnh lân cận, kết hợp tham quan - trải nghiệm;

- Khách du lịch sinh thái - trải nghiệm: kết hợp tham quan di tích với không gian làng quê, cảnh quan tự nhiên và hoạt động cộng đồng;

Tăng cường kết nối tour, tuyến ngắn ngày (1-2 ngày), phù hợp với đặc điểm di chuyển và nhu cầu của khách nội địa, đặc biệt từ vùng Thủ đô và các trung tâm đô thị lớn.

5.6.2. Thị trường khách quốc tế

Định hướng thu hút khách quốc tế thông qua các trung tâm du lịch lớn (Hà

Nội và vùng phụ cận), gắn với các tuyến du lịch văn hóa - di sản - tâm linh khu vực đồng bằng sông Hồng.

Tập trung vào các nhóm thị trường tiềm năng như:

- Khách quan tâm đến văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng phương Đông;

- Khách nghiên cứu, học thuật;

- Khách du lịch trải nghiệm bản địa và khám phá di sản;

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp lữ hành, xây dựng sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách quốc tế; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, thuyết minh đa ngôn ngữ và hạ tầng phục vụ.

5.7. Các chương trình du lịch: Định hướng các tour, tuyến du lịch

5.7.1. Tuyến du lịch quốc tế

Các tuyến du lịch quốc tế được định hướng lồng ghép trong hệ thống tuyến du lịch chung của tỉnh Hưng Yên và vùng đồng bằng sông Hồng, kết nối với Thủ đô Hà Nội - trung tâm đón khách quốc tế.

Tập trung phát triển các chương trình du lịch chuyên đề như: du lịch văn hóa - di sản, du lịch tâm linh, du lịch nghiên cứu; trong đó Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá là điểm dừng quan trọng trong hành trình khám phá văn hóa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

5.7.2. Tuyến du lịch liên vùng

Định hướng xây dựng các tuyến du lịch văn hóa - tâm linh liên kết giữa tỉnh Hưng Yên với các địa phương trong vùng, góp phần hình thành mạng lưới du lịch liên hoàn, nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến.

Các tuyến này tập trung kết nối Đền An Xá với hệ thống di tích, danh thắng trong khu vực đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận, tạo thành các hành trình trải nghiệm đa dạng về lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng.

5.7.3. Tuyến du lịch nội tỉnh

Tổ chức các tuyến tham quan trong tỉnh Hưng Yên, kết nối Di tích Đền An Xá với các điểm di tích tiêu biểu như: đền và lăng Phạm Công Trứ, khu di tích thờ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, đền Ghênh, chùa Thái Lạc, khu di tích Phố Hiến…

Hình thành các tour chuyên đề như:

- Tuyến du lịch văn hóa - lịch sử;

- Tuyến du lịch tâm linh - lễ hội;

- Tuyến du lịch trải nghiệm làng quê và văn hóa bản địa.

Các tuyến nội tỉnh đóng vai trò quan trọng trong việc khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách.

5.8. Tổ chức tuyên truyền, quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các website, internet.

Đẩy mạnh truyền thông đa nền tảng: Tăng cường quảng bá hình ảnh Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá và các điểm du lịch liên quan thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và nền tảng số, bao gồm: cổng thông tin du lịch tỉnh Hưng Yên, các website chuyên ngành, mạng xã hội và các kênh truyền thông trực tuyến; từng bước xây dựng hình ảnh điểm đến có nhận diện rõ ràng, thống nhất.

Xúc tiến quảng bá thông qua sự kiện: Tăng cường tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch như hội chợ, hội nghị, sự kiện văn hóa - du lịch trong và ngoài tỉnh; lồng ghép quảng bá di tích trong các chương trình, sự kiện lớn nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận thị trường.

Phát triển hệ thống ấn phẩm quảng bá: Biên soạn, phát hành các ấn phẩm truyền thông đa dạng như logo nhận diện, tờ rơi, tập gấp, sách giới thiệu, bản đồ du lịch, sản phẩm truyền thông số… bảo đảm nội dung hấp dẫn, hình thức chuyên nghiệp, phù hợp với từng nhóm đối tượng khách.

Tăng cường liên kết với doanh nghiệp lữ hành và truyền thông: Xây dựng cơ chế phối hợp, mời gọi các doanh nghiệp lữ hành, cơ quan báo chí, đơn vị truyền thông đến khảo sát, xây dựng và quảng bá sản phẩm du lịch; tổ chức các chương trình famtrip, presstrip nhằm giới thiệu tiềm năng, sản phẩm du lịch của di tích và kết nối tour, tuyến trong và ngoài tỉnh.

Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác thông tin, tuyên truyền và xúc tiến quảng bá; đồng thời xây dựng cơ chế khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp cho hoạt động quảng bá du lịch.

Phát huy vai trò của cộng đồng và doanh nghiệp: Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong công tác quảng bá, giới thiệu di tích; xây dựng hình ảnh điểm đến thân thiện, chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông và thu hút du khách.

5.9. Đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng du lịch: Tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, tập huấn về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ du lịch cho đội ngũ cán bộ quản lý, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch. Huy động sự tham gia của các cơ sở đào tạo, chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả triển khai.

Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm: Đẩy mạnh hợp tác, tổ chức các chuyến khảo sát, học tập mô hình du lịch hiệu quả tại các địa phương; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học về phát triển du lịch và du lịch bền vững để cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn.

Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo: Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội chủ động tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân

lực; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Nâng cao năng lực ngoại ngữ và giao tiếp: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ngoại ngữ giao tiếp cơ bản cho cán bộ quản lý, người lao động trong lĩnh vực du lịch và người dân trực tiếp tham gia phục vụ khách, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phục vụ khách quốc tế.

Giáo dục văn minh du lịch và thương mại: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về văn minh du lịch, văn hóa ứng xử, ý thức bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa trong cộng đồng dân cư; xây dựng hình ảnh điểm đến thân thiện, chuyên nghiệp.

Huy động nguồn lực cho công tác đào tạo: Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước kết hợp với nguồn lực xã hội hóa để triển khai các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giáo dục cộng đồng một cách bền vững.

6. Định hướng tổ chức không gian

Nguyên tắc tổ chức không gian tổng thể:

- Đề xuất phương án tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá theo hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích; bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa không gian di tích và khu dân cư hiện hữu, hình thành cơ chế cộng sinh bền vững giữa di sản và cộng đồng địa phương.

Liên kết và tích hợp quy hoạch:

- Việc tổ chức không gian được nghiên cứu trên cơ sở đối chiếu, kế thừa các đồ án quy hoạch có liên quan; đề xuất các giải pháp kết nối đồng bộ về kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, giao thông và hạ tầng kỹ thuật, góp phần cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đảm bảo tính phù hợp và khả thi:

- Đánh giá sự phù hợp của phương án tổ chức không gian với định hướng phát triển vùng, quy hoạch tỉnh Hưng Yên, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch liên quan; đồng thời xem xét tính khả thi của công tác giải phóng mặt bằng gắn với nguồn lực tài chính và lộ trình thực hiện.

Định hướng quản lý không gian kiến trúc:

- Xác định các chỉ tiêu kiểm soát xây dựng (mật độ, tầng cao, khoảng lùi, hình thức kiến trúc, vật liệu…) đối với các công trình trong khu vực quy hoạch và vùng phụ cận; bảo đảm không ảnh hưởng đến không gian, tầm nhìn và cảnh quan di tích, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học.

Tổ chức các khu chức năng và công trình phụ trợ:

- Bố trí các hạng mục công trình phục vụ bảo tồn và phát huy giá trị di tích (khu đón tiếp, bãi đỗ xe, khu dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật…) tại vị trí phù hợp, không xâm phạm khu vực bảo vệ di tích;

- Tổ chức không gian chức năng hợp lý, hạn chế tối đa việc chuyển đổi, giải

tỏa đất ở hiện hữu, bảo đảm ổn định đời sống dân cư và giữ gìn cấu trúc làng truyền thống;

- Khai thác hiệu quả quỹ đất mở rộng nhưng không làm lu mờ giá trị di tích gốc và cảnh quan tổng thể;

Nguyên tắc đối với công trình xây mới:

- Các công trình xây dựng mới (công trình phụ trợ, công trình phục vụ phát huy giá trị di tích, hạ tầng kỹ thuật…) phải được nghiên cứu kỹ lưỡng về quy mô, vị trí và hình thức kiến trúc; bảo đảm phù hợp với đặc trưng của di tích, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhưng không gây tác động tiêu cực đến di tích, môi trường và cảnh quan khu vực.

Cải tạo, chỉnh trang khu vực liên quan:

- Đề xuất các giải pháp cải tạo, chỉnh trang môi trường, hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan tại các khu dân cư và khu vực liên quan; nâng cao chất lượng không gian sống, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ với không gian di tích.

Kết nối không gian và phát triển mạng lưới di tích:

- Định hướng các giải pháp kết nối không gian giữa các điểm di tích trong quần thể và với các di tích khác trong và ngoài tỉnh Hưng Yên; hình thành các tuyến tham quan liên hoàn, thuận tiện và giàu trải nghiệm.

Quy hoạch sử dụng đất:

- Xác định quy mô, cơ cấu và phương án sử dụng đất hợp lý cho từng khu chức năng; bảo đảm cân đối giữa yêu cầu bảo tồn di tích, phát triển du lịch và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đề xuất hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a. Khu vực bảo tồn

- Việc tổ chức không gian khu vực bảo tồn tuân thủ quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2009, đồng thời bảo đảm nguyên tắc bảo tồn nguyên trạng và phát huy giá trị di tích, bao gồm:

Khu vực bảo vệ I:

- Là khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, tập trung bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích. Hạn chế tối đa các can thiệp xây dựng mới; chỉ thực hiện các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi trên cơ sở khoa học và tuân thủ quy định.

- Nghiên cứu phục dựng có chọn lọc một số không gian lịch sử tiêu biểu trên cơ sở tư liệu khoa học xác thực (tư liệu lưu trữ, hình ảnh, ký ức nhân chứng…), nhằm tái hiện giá trị lịch sử và nâng cao khả năng diễn giải di tích.

Khu vực bảo vệ II:

- Là khu vực bảo vệ cảnh quan và môi trường xung quanh di tích; tổ chức các không gian hỗ trợ như đường dạo, điểm dừng chân, khu tiếp đón, không gian trưng bày ngoài trời…

- Việc xây dựng tại khu vực này phải được kiểm soát chặt chẽ về quy mô, hình thức kiến trúc và vật liệu, bảo đảm hài hòa với cảnh quan và không làm ảnh hưởng đến khu vực bảo vệ I.

b. Các khu vực cảnh quan liên quan

Không gian mặt nước (hồ, ao, kênh, mương): Bảo vệ và giữ gìn trạng thái tự nhiên; kết hợp cải tạo cảnh quan, tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu và giá trị thẩm mỹ.

Hệ thống cây xanh và thảm thực vật: Bảo tồn các cây cổ thụ hiện có; bổ sung, trồng mới cây xanh phù hợp với thổ nhưỡng và cảnh quan truyền thống; tạo lập không gian xanh liên tục, hài hòa.

Quản lý cảnh quan: Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, quy định quản lý kiến trúc cảnh quan nhằm kiểm soát xây dựng, bảo đảm không phá vỡ cấu trúc không gian và giá trị thẩm mỹ tổng thể của khu di tích.

c. Các khu phát triển dịch vụ du lịch

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng khu vực quy hoạch, trong quá trình lập phương án quy hoạch sẽ nghiên cứu cụ thể đề xuất các phân khu chức năng.

Các khu vực chức năng phục vụ hoạt động và phát huy giá trị di tích được xây dựng phù hợp với cảnh quan núi rừng, tránh làm ảnh hưởng quá lớn đến địa hình và cảnh quan chung hoặc làm ảnh hưởng đến các yếu tố gốc của di tích.

Các khu chức năng có thể kết hợp với các công trình hạ tầng xã hội của địa phương.

Phong cách kiến trúc đậm đà bản sắc địa phương.

Dự kiến các khu chức năng chính toàn khu như sau (tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng khu vực quy hoạch).

d. Khu đón tiếp và điều hành

- Khu đón tiếp và điều hành được đặt tại vị trí dễ dàng tiếp cận.

- Chức năng: Là khu vực bố trí các công trình đón tiếp khách và điều hành các hoạt động toàn khu vực, khu làm việc của bộ phận quản lý.

- Yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan:

+ Xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình đã có theo chức năng;

+ Các công trình xây dựng theo phong cách kiến trúc đậm đà bản sắc địa phương.

e. Bãi đỗ xe

- Bao gồm diện tích đỗ xe của khách tham quan, các điểm tập trung xe điện đưa khách đi tham quan...

f. Khu dịch vụ và nghỉ chân của du khách

- Phục vụ các nhu cầu của khách du lịch tới tham quan khu di tích như: mua sắm đồ lễ, phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi, cho thuê đồ cắm trại…

g. Khu lưu trú cho khách du lịch

- Hệ thống các khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn luôn sẵn sàng phục vụ nhu cầu lưu trú của khách tham quan.

h. Các khu phụ trợ

- Bao gồm các diện tích đất dành cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Chức năng: Khu xây dựng các công trình các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường như trạm điện, trạm cấp nước, xử lý môi trường...

- Yêu cầu kiến trúc cảnh quan: Đặt tại các vị trí cuối hướng gió chính, các góc khuất, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung.

V. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Thời gian lập quy hoạch không quá 18 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt (không kể thời gian thẩm định, phê duyệt dự toán, đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch). Chi tiết kế hoạch theo bảng sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Thẩm định, phê duyệt Dự toán lập quy hoạch và thực hiện các thủ tục về đấu thầu và lựa chọn đơn vị tư vấn lập Quy hoạch	04 tháng
2	Thu thập tài liệu liên quan, khảo sát thực địa - Thu thập tài liệu, dữ liệu - Khảo sát thực địa - Đo đạc bản đồ phục vụ lập quy hoạch	03 tháng
3	Phân tích số liệu và đánh giá hiện trạng	02 tháng
4	Nghiên cứu xây dựng các phương án quy hoạch, hoàn thiện báo cáo	05 tháng
5	Xin ý kiến góp ý các Sở ngành bằng văn bản, xin ý kiến cộng đồng dân cư về đồ án quy hoạch Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo quy hoạch	03 tháng
6	Báo cáo trước chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các Sở, ban ngành của tỉnh. Chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo quy hoạch	02 tháng
7	Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định	01 tháng
8	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin ý kiến góp ý các Bộ ngành; thành lập và tổ chức họp Hội đồng thẩm định, nghiệm thu đồ án Quy hoạch	03 tháng
9	Chỉnh sửa, hoàn thiện đồ án quy hoạch theo góp ý Hội đồng thẩm định	02 tháng

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
10	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch	01 tháng
11	Công bố đồ án quy hoạch	01 tháng

C. DỰ KIẾN NỘI DUNG QUY HOẠCH, HỒ SƠ SẢN PHẨM, DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dự kiến các nội dung của đồ án quy hoạch

1.1. Các căn cứ lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch tổng thể Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá được thực hiện trên cơ sở hệ thống các căn cứ pháp lý, khoa học và thực tiễn, bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với quy định hiện hành, bao gồm:

Hệ thống văn bản pháp luật: Các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quy hoạch, bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị di tích, đặc biệt là các văn bản về di sản văn hóa, xây dựng, quy hoạch, đất đai và bảo vệ môi trường.

Chiến lược và quy hoạch cấp trên: Các chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; quy hoạch tỉnh Hưng Yên; quy hoạch phát triển hệ thống di tích và du lịch của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt: Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể di tích đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở định hướng nội dung nghiên cứu và phạm vi lập quy hoạch.

Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và phát triển du lịch bền vững.

Ý kiến của các bên liên quan: Ý kiến tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chuyên môn, nhà khoa học, chuyên gia, nghệ nhân và cộng đồng dân cư địa phương - chủ thể của di sản, nhằm bảo đảm tính khách quan, đồng thuận và khả thi của đồ án quy hoạch.

1.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích

Công tác phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và quỹ đất trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch được thực hiện một cách toàn diện, có hệ thống, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Đánh giá giá trị và hiện trạng tổng thể di tích

- Tổng hợp kết quả khảo sát, nghiên cứu về lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, nghệ thuật, khảo cổ và các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của di tích.

- Đánh giá hiện trạng kỹ thuật các hạng mục công trình; tình trạng bảo tồn, mức độ xuống cấp và nguyên nhân gây hư hại.

- Phân tích hiện trạng công tác quản lý, bảo vệ và khai thác, phát huy giá trị di tích trong thời gian qua.

Phân tích mối liên hệ không gian và giá trị vùng

- Nghiên cứu, làm rõ mối quan hệ của di tích với hệ thống di sản văn hóa, lịch sử, khảo cổ trong khu vực và vùng phụ cận.

- Xác định vai trò, vị thế của Di tích quốc gia đặc biệt: Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá trong cấu trúc không gian văn hóa - lịch sử của địa phương và liên kết vùng.

Rà soát, đánh giá sự phù hợp với các quy hoạch liên quan

- Rà soát các quy hoạch cấp trên và quy hoạch chuyên ngành có liên quan (quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn, quy hoạch du lịch…).

- Đánh giá mức độ phù hợp, chồng lấn hoặc xung đột (nếu có), làm cơ sở đề xuất điều chỉnh, tích hợp, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống quy hoạch.

Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và phạm vi di tích

- Phân tích hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch; xác định cơ cấu, chức năng sử dụng đất và các biến động liên quan.

- Rà soát ranh giới, vị trí, diện tích khu vực bảo vệ di tích; kiểm tra nguy cơ chồng lấn với các dự án khác, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và quản lý đất đai.

Đánh giá hiện trạng kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật

- Phân tích hiện trạng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; nhận diện các yếu tố ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến giá trị di tích.

- Đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp - thoát nước, môi trường…) và khả năng đáp ứng yêu cầu bảo tồn và khai thác di tích.

Đánh giá điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội

- Phân tích các yếu tố tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, môi trường sinh thái) tác động đến di tích.

- Đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội, hiện trạng dân cư, sinh kế và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Nhận diện các công trình, hoạt động dân sinh xâm lấn hoặc ảnh hưởng đến không gian di tích, đề xuất hướng xử lý phù hợp.

Đánh giá hoạt động du lịch và liên kết phát triển

- Phân tích hiện trạng khai thác du lịch, quy mô khách, hạ tầng phục vụ và hiệu quả phát huy giá trị di tích.

- Nghiên cứu mối liên kết không gian, giao thông và sản phẩm du lịch giữa di tích với các điểm di tích, khu du lịch trong khu vực và vùng lân cận.

Đánh giá nguồn lực và các dự án liên quan

- Tổng hợp, đánh giá các chương trình, dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi di tích đã và đang triển khai; hiệu quả đầu tư và những tồn tại, hạn chế.

- Phân tích khả năng huy động nguồn lực (ngân sách, xã hội hóa…) làm cơ sở đề xuất danh mục và lộ trình đầu tư trong giai đoạn tiếp theo.

Xác định các vấn đề tồn tại và yêu cầu đặt ra

- Tổng hợp các hạn chế, khó khăn, thách thức trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch, làm cơ sở đề xuất định hướng và giải pháp phù hợp, khả thi và bền vững.

1.3. Dự báo phát triển

Xác định các chỉ tiêu, dự báo phát triển của khu vực: Dự báo dân số, khách du lịch; các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật.

Dự báo cần nêu rõ, cụ thể hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn và các chỉ tiêu sẽ áp dụng cho việc lập Quy hoạch trên, đảm bảo sản phẩm quy hoạch được hình thành như một công cụ quản lý, kiểm soát hữu hiệu việc khai thác, bảo vệ di tích, cảnh quan và phát triển bền vững.

1.4. Quan điểm và mục tiêu của quy hoạch

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát và đánh giá hiện trạng, đề xuất hệ thống quan điểm và mục tiêu làm nền tảng định hướng cho toàn bộ nội dung quy hoạch, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ và khả thi, cụ thể:

Quan điểm phát triển

Xác định các quan điểm chủ đạo trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo hướng tổng hợp, liên ngành; bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển; giữa gìn giữ giá trị di sản với khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và du lịch bền vững.

Mục tiêu phát triển

Mục tiêu dài hạn: Bảo tồn toàn diện, bền vững các giá trị tiêu biểu của di tích; từng bước hoàn thiện không gian kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng đồng bộ; nâng cao vai trò của di tích trong mạng lưới không gian văn hóa - du lịch của địa phương và vùng.

Mục tiêu ngắn hạn: Khắc phục các tồn tại, hạn chế hiện hữu; ưu tiên xử lý các hạng mục xuống cấp, các yếu tố xâm lấn; cải thiện điều kiện hạ tầng kỹ thuật và tổ chức không gian phục vụ quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

1.5. Xác định các ranh giới liên quan

Xác định rõ phạm vi và ranh giới các khu vực chức năng trong quy hoạch, làm cơ sở quản lý không gian, đất đai và kiểm soát xây dựng, bao gồm:

- Xác định ranh giới khu vực bảo vệ di tích (khu vực I, khu vực II) theo quy định; nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh (mở rộng hoặc thu hẹp) khi cần thiết, phù hợp với yêu cầu bảo tồn và thực tiễn quản lý.

- Xác định các khu vực có liên quan, gồm: khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực phát triển xây dựng mới và các khu vực chức năng khác.

- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung xếp hạng đối với các công trình, địa điểm có giá trị mới phát hiện (nếu có), bảo đảm quản lý thống nhất và phát huy tổng thể giá trị di tích.

1.6. Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Đề xuất định hướng tổng thể về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong phạm vi quy hoạch, làm cơ sở triển khai các dự án thành phần, bao gồm:

- Xây dựng phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với toàn bộ khu vực di tích theo nguyên tắc bảo tồn khoa học, giữ gìn tối đa yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích.

- Xác định danh mục các công trình, hạng mục cần bảo quản, tu bổ, phục hồi; phân loại mức độ can thiệp (bảo quản, tu bổ, phục hồi, gia cố, tôn tạo…).

- Đề xuất các nguyên tắc và giải pháp cơ bản về kỹ thuật, vật liệu, tổ chức thi công và quản lý thực hiện.

Yêu cầu nội dung chi tiết được cụ thể hóa tại Tiểu mục 1, Mục IV, Phần B của nhiệm vụ quy hoạch.

1.7. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững

Đề xuất định hướng khai thác, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch theo hướng bền vững, phù hợp với sức chứa và đặc thù di tích; bảo đảm không làm suy giảm giá trị di sản, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

1.8. Định hướng tổ chức không gian

Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong khu vực quy hoạch, bảo đảm phù hợp với đặc trưng di tích và điều kiện tự nhiên, bao gồm:

- Định hướng cấu trúc không gian tổng thể, phân khu chức năng và tổ chức hệ thống không gian mở.

- Xác định các chỉ tiêu kiểm soát phát triển: cao độ nền, mật độ xây dựng, tầng cao, hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng đối với các công trình mới.

- Bảo đảm sự hài hòa giữa công trình mới với không gian di tích, cảnh quan và môi trường xung quanh.

1.9. Định hướng cải tạo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch di tích

Định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch di tích phải bảo đảm đồng bộ, phù hợp với yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di tích; đồng thời đáp ứng nhu cầu quản lý, khai thác và phục vụ khách tham quan, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

1.9.1. Giao thông

a. Căn cứ thiết kế

- Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, chương trình phát triển giao thông vận tải, hạ tầng logistics có liên quan đã được phê duyệt.

- Hồ sơ đo đạc địa hình khu vực lập quy hoạch (tỷ lệ 1/2000, 1/500) và các tài liệu khảo sát hiện trạng.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về quy hoạch và thiết kế giao thông đô thị, giao thông nông thôn.

b. Nguyên tắc thiết kế

- Tuân thủ định hướng phát triển hệ thống giao thông theo quy hoạch cấp trên; bảo đảm tính kết nối liên vùng và đồng bộ với mạng lưới giao thông hiện hữu và quy hoạch.

- Tổ chức mạng lưới giao thông phù hợp với đặc thù khu di tích, hạn chế tối đa tác động đến không gian, cảnh quan và các yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích.

- Nghiên cứu hiện trạng hệ thống giao thông để đề xuất phương án cải tạo, nâng cấp và đấu nối hợp lý, bảo đảm lưu thông thuận tiện, an toàn.

- Phân cấp, phân loại hệ thống đường hợp lý (đường đối ngoại, đường nội bộ, đường phục vụ du lịch…), đáp ứng yêu cầu tổ chức không gian và chức năng sử dụng.

- Bảo đảm các yêu cầu về an toàn giao thông, tiếp cận thuận tiện cho người dân và du khách, đồng thời phù hợp với khả năng khai thác và quản lý.

- Kết hợp đồng bộ giữa tổ chức giao thông với bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến (cấp điện, cấp - thoát nước, thông tin liên lạc…).

- Thiết kế mặt cắt ngang, bán kính cong, độ dốc dọc và các yếu tố kỹ thuật bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời phù hợp với điều kiện địa hình; bảo đảm thoát nước mặt hiệu quả, hạn chế ngập úng cục bộ.

- Ưu tiên các giải pháp tổ chức giao thông thân thiện môi trường, khuyến khích giao thông chậm (đi bộ, xe đạp) trong khu vực di tích nhằm nâng cao trải nghiệm không gian văn hóa - cảnh quan.

c. Mạng lưới giao thông

Mạng lưới giao thông trong khu vực quy hoạch được tổ chức theo nguyên tắc phân cấp rõ ràng, bảo đảm kết nối thuận tiện, an toàn, phù hợp với tính chất khu di tích. Tỷ lệ đất giao thông toàn khu vực dự kiến không vượt quá 30%, cụ thể gồm các loại hình sau:

Đường chính tiếp cận khu di tích (đường đối ngoại):

- Phục vụ giao thông cơ giới, kết nối khu di tích với hệ thống giao thông khu vực.

- Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng hoặc bê tông asphalt.

- Quy mô: 01-02 làn xe cơ giới.

- Tốc độ thiết kế: 20-30 km/h.

- Bề rộng làn xe: 3,0 m/làn.

- Bề rộng nền đường tối thiểu: 15 m (bao gồm lòng đường, vỉa hè và dải an toàn).

Đường phân khu chức năng:

- Phục vụ kết nối giữa các khu chức năng trong phạm vi quy hoạch (khu đón tiếp, khu dịch vụ, khu hành lễ…).

- Tốc độ thiết kế: 20-30 km/h.

- Bề rộng làn xe: khoảng 3,0 m/làn.

- Bề rộng nền đường tối thiểu: 7,0 m.

- Khuyến khích tổ chức giao thông hỗn hợp, ưu tiên giảm tốc độ, bảo đảm an toàn cho người đi bộ.

Đường nội bộ và đường dạo:

- Phục vụ chủ yếu cho người đi bộ, xe đạp và phương tiện phục vụ nội bộ trong khu di tích.

- Bề rộng mặt đường: từ 1,5 m đến 3,0 m.

- Tổ chức theo hướng giao thông chậm, hạn chế phương tiện cơ giới.

- Ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, phù hợp cảnh quan (gạch, đá tự nhiên, vật liệu thấm nước…).

d. Tổ chức giao thông tĩnh và kiểm soát phương tiện

Bố trí bãi đỗ xe tập trung:

- Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung tại khu vực ngoài khu vực bảo vệ I, ưu tiên bố trí tại khu vực tiếp cận chính và khu dịch vụ, bảo đảm thuận tiện kết nối với các tuyến đường đối ngoại.

- Quy mô bãi đỗ xe được xác định trên cơ sở dự báo nhu cầu khách tham quan, đặc biệt trong mùa lễ hội.

- Khuyến khích bố trí kết hợp các loại hình phương tiện (ô tô, xe máy, xe điện), có tổ chức phân khu chức năng rõ ràng.

- Bố trí các điểm trung chuyển (xe điện, xe đạp công cộng…) để đưa khách vào khu di tích, giảm áp lực giao thông trong lõi di tích.

e. Nguyên tắc hạn chế phương tiện cơ giới trong khu vực bảo vệ I

- Hạn chế tối đa phương tiện cơ giới đi vào khu vực bảo vệ I; chỉ cho phép các phương tiện phục vụ quản lý, bảo vệ di tích, phương tiện cứu hộ, cứu nạn và các trường hợp đặc biệt theo quy định.

- Tổ chức các điểm kiểm soát giao thông tại các vị trí tiếp cận khu vực I; kết hợp hệ thống biển báo, hướng dẫn và phân luồng hợp lý.

- Ưu tiên tổ chức không gian giao thông dành cho người đi bộ, xe đạp và các phương tiện thân thiện môi trường, phù hợp với tính chất tĩnh lặng, trang nghiêm của di tích.

f. Tổ chức tuyến tham quan và không gian giao thông phục vụ lễ hội, du lịch

Định hướng trục không gian chính (trục lễ hội):

- Xác lập trục tiếp cận chính từ khu đón tiếp - bãi đỗ xe - cổng di tích - không gian hành lễ trung tâm, bảo đảm tính trang nghiêm, liên tục và thuận tiện cho tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống.

Tổ chức các tuyến tham quan (trục du lịch):

- Xây dựng hệ thống tuyến tham quan nội bộ kết nối các hạng mục di tích, điểm dừng chân, không gian cảnh quan và các khu chức năng dịch vụ; bảo đảm lưu thông một chiều hoặc vòng khép kín, hạn chế giao cắt, xung đột dòng khách.

Phân luồng giao thông theo thời điểm:

- Đề xuất phương án tổ chức giao thông linh hoạt giữa ngày thường và mùa lễ hội (phân luồng phương tiện, tách dòng khách hành lễ và khách tham quan…), bảo đảm an toàn, thuận tiện và nâng cao trải nghiệm không gian di tích.

Kết nối liên kết vùng:

- Định hướng các tuyến kết nối di tích với các điểm du lịch, di tích lân cận, hình thành mạng lưới tuyến tham quan liên hoàn, góp phần nâng cao giá trị khai

thác du lịch của khu vực.

1.9.2. Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa

Cơ sở thiết kế áp dụng cho tính toán:

- Bản đồ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/2000 và 1/500 khu vực lập quy hoạch.

- Các đồ án quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật.

a. San nền

- Tổ chức san nền phù hợp với địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa đào đắp, bảo đảm giữ gìn cảnh quan và yếu tố gốc của di tích.

- Độ dốc dọc và độ dốc nền tuân thủ quy chuẩn hiện hành, bảo đảm yêu cầu giao thông và thoát nước mặt (độ dốc tối thiểu ≥ 0,5%, tối đa ≤ 10%).

- Khu vực di tích có địa hình tương đối bằng phẳng, do đó không tổ chức san gạt quy mô lớn; chỉ cải tạo cục bộ tại các khu chức năng (bãi đỗ xe, công trình dịch vụ…) khi cần thiết.

- Ưu tiên bóc bỏ lớp đất hữu cơ, gia cố nền và cải tạo bề mặt kết hợp trồng cây xanh, bảo đảm ổn định nền đất và hài hòa cảnh quan.

b. Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt, bảo đảm thoát nước nhanh, không gây úng ngập cục bộ và không ảnh hưởng đến nền móng di tích.

- Nước mưa được thu gom qua hệ thống rãnh dọc có nắp đan (kích thước B300-B500) bố trí theo các tuyến đường, sân bãi; sau đó dẫn về hệ thống cống tròn (D400-D600) dọc các trục giao thông chính.

- Hệ thống thoát nước được đấu nối đồng bộ với mạng lưới thoát nước chung theo quy hoạch xây dựng xã Hoàng Hoa Thám đã được phê duyệt.

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, tổ chức thoát nước theo nguyên tắc tự chảy, hạn chế bơm cưỡng bức.

- Mạng lưới thoát nước được bố trí hợp lý, chiều dài tuyến ngắn, hạn chế giao cắt với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm khác.

- Độ dốc tuyến cống, rãnh bám sát địa hình, bảo đảm điều kiện thủy lực, đồng thời giảm khối lượng đào đắp và chi phí đầu tư.

1.9.3. Cấp điện

- Chỉ tiêu và cơ sở áp dụng cho tính toán điện năng tiêu thụ trong công trình áp dụng theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công

trình cấp điện; Tuyển tập tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam.

- Công trình di tích: 0,02 kw/m2 sàn.

- Khu bãi đỗ xe: 0,03 kw/m2 sàn.

- Các công trình công cộng: 0,02 kw/m2 sàn.

- Chiếu sáng cây xanh,công viên: 0,002 kw/m2.

- Chiếu sáng giao thông: 5 lx.

- Nguồn cấp điện cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ đường điện được quy hoạch theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Hoa Thám đã được phê duyệt.

- Hệ thống trạm biến áp: Dự kiến xây dựng 01 trạm biến áp đề phục vụ nhu cầu cấp điện cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch.

- Lưới điện hạ áp 0,4KV: Mạng lưới điện 0,4KV trong khu vực được thiết kế hạ ngầm sử dụng cáp ngầm Cu/xlpe/dsta/pvc tiết diện dây 16-90mm^2.

- Lưới điện chiếu sáng: Cáp điện chiếu sáng trên hệ thống sử dụng cáp ngầm Cu/xlpe/dsta/pvc-4x16mm^2.

- Toàn bộ hệ thống chiếu sáng giao thông đường chính trong khu di tích dùng bóng Sodium cao áp công suất 150 - 400w. Khoảng cách trung bình giữa các cột đèn từ 20 - 30m.

- Hệ thống đường dạo sử dụng bóng đèn trang trí 4 bóng công suất 30w/bóng.

- Hệ thống chiếu sáng đường được lấy từ tủ điện chiếu sáng trong trạm biến áp.

1.9.4. Cấp nước

- Chỉ tiêu và cơ sở áp dụng cho tính toán trong công trình áp dụng theo: Tuyển tập tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam; Quy chuẩn xây dựng,kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình cấp nước.

- Khách tham quan: 50 lít/người.

- Các công trình di tích: 2 lít/m2/nđ.

- Các công trình dịch vụ: 2 lít/m2 sàn/nđ.

- Nước tưới cây: 3 lít/m2/nđ.

- Nước rửa đường: 0,5 lít/m2/nđ.

- Nguồn nước cấp cho di tích được lấy trên đường ống cấp nước D100 đặt trên trục đường quy hoạch, nguồn nước ngầm, giếng khoan tại khu vực xây dựng bãi đỗ xe trong khu di tích.

- Nước cấp phục vụ tưới cây rửa đường sẽ được lấy từ hồ cảnh quan, giếng

khoan, suối, hệ thống mương thủy nông gần khu di tích.

1.9.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Thoát nước

- Chỉ tiêu và cơ sở áp dụng cho tính toán trong công trình áp dụng theo Tuyển tập tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước; quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

- Tỷ lệ thu gom nước bẩn 80% - 90% lượng nước cấp.

- Lượng chất thải rắn phát sinh 0,90 kg/người-ngày.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 90%-100% lượng rác thải rắn phát sinh.

- Tận dụng địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy, hạn chế đặt bơm xả thải để giảm bớt chi phí đầu tư.

- Mạng lưới thoát nước có chiều dài các tuyến rãnh và các tuyến cống thoát nước ngắn nhất, đảm bảo thời gian thoát nước là nhanh nhất.

- Hạn chế giao cắt của hệ thống thoát nước với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

- Độ dốc cống thoát nước cố gắng bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, đảm bảo điều kiện làm việc về thuỷ lực cũng như giảm khối lượng đào đắp.

- Các điểm di tích khác nước thải phát sinh sẽ được xử lý trực tiếp tại các khu chức năng qua các bể phốt ba ngăn đặt tại công trình rồi xả vào hệ thống thoát nước mưa thiết kế.

b. Vệ sinh môi trường

- Chất thải rắn của di tích là chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của di tích, đặc biệt là các hoạt động tham quan du lịch.

- Giải pháp xử lý: Thực hiện phân loại tại nguồn thành các loại: Chất thải có thể dùng để tái chế, tái sử dụng và chất thải phải tiêu hủy hoặc chôn lấp. Chất thải rắn được thu gom tại các điểm di tích và xử lý cục bộ theo phương pháp chôn lấp. Trong các giai đoạn sau, khi lượng khách đông và điều kiện cho phép sẽ thu gom từ các điểm di tích và vận chuyển về điểm tập kết, xử lý rác thải của khu vực.

- Các điểm di tích đều được bố trí hệ thống các thùng rác tại vị trí xây dựng các công trình và công viên cây xanh để thu gom rác thải.

1.10. Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch di tích

- Đánh giá hiện trạng môi trường, tài nguyên thiên nhiên, rừng. Xác định khu

vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng, tránh tác động hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

- Các vấn đề môi trường đã giải quyết và còn tồn tại: Hệ thống hóa các tác nhân làm ảnh hưởng đến môi trường do các hoạt động đầu tư bảo tồn, tu bổ, phục hồi tôn tạo di tích; các hoạt động du lịch, giao thông và các hoạt động kinh tế khác.

- Đánh giá, dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường; các biện pháp tạo cảnh quan sinh thái như trồng cây xanh, cổ thụ, cây bản địa; biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường; sử dụng công nghệ thân thiện môi trường.

- Các giải pháp hạn chế ảnh hưởng: Khoanh vùng các nguồn gây ô nhiễm tác động đến môi trường di tích như rác thải, các hoạt động xây dựng bảo tồn tôn tạo, các hoạt động khai thác du lịch...

- Đề xuất cơ chế và giải pháp quản lý môi trường trong khu vực, nhằm khống chế, giảm thiểu và xử lý các tác động có hại đến môi trường.

- Đề xuất các hạng mục đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

1.11. Đề xuất các dự án thành phần, thứ tự ưu tiên đầu tiên và nguồn vốn thực hiện

Xác định yêu cầu, tiêu chí lựa chọn về danh mục dự án đầu tư trong đó có nhóm dự án ưu tiên đầu tư, nhu cầu vốn, cơ cấu các nguồn vốn và đánh giá khả năng huy động vốn triển khai quy hoạch.

Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2035 (đây là các dự án có ý nghĩa bảo tồn di tích, tạo động lực phát triển kinh tế du lịch, gắn với việc bảo vệ di tích, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cho khu dân cư trong khu vực quy hoạch), bao gồm:

- Nhóm dự án giải phóng mặt bằng và cắm mốc giới bảo vệ di tích.

- Nhóm dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo các hạng mục di tích gốc và xây dựng các công trình phụ trợ phát huy giá trị di tích.

- Nhóm dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu di tích.

- Nhóm dự án bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Nhóm dự án nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Nhóm dự án phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Nhóm dự án về đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực quản lý đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Nhóm dự án về tuyên truyền ý nghĩa, giá trị của di tích; xây dựng nếp sống văn minh tại di tích.

Nguồn lực thực hiện dự án: Đề xuất cơ chế, nguồn vốn đầu tư, giải pháp huy động các nguồn lực, phân bổ nguồn vốn và lộ trình đầu tư thực hiện các dự án ưu tiên.

1.12. Đề xuất cơ chế, chính sách và các giải pháp thực hiện quy hoạch di tích

Đề xuất cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, bao gồm:

- Đề xuất các giải pháp quản lý, mô hình quản lý, cơ chế thực hiện và chính sách ưu tiên bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, nhằm nâng cao đời sống nhân dân trong khu vực di tích.

- Giải pháp khoa học và công nghệ trong nghiên cứu về giá trị lịch sử, văn hóa, khảo cổ học và bảo tồn, tôn tạo đối với quần thể di tích.

- Giải pháp huy động nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn xã hội hóa trong việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa quần thể di tích, góp phần phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

- Giải pháp tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng; giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ di tích.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, bảo đảm triển khai thành công quy hoạch di tích.

2. Hồ sơ sản phẩm

Thành phần hồ sơ quy hoạch di tích thực hiện theo Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2.1. Phần bản đồ

- Bản đồ vị trí di tích, tỷ lệ 1:5000.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng công trình đã xây dựng, tỷ lệ 1:5000.

- Bản đồ xác định các khu vực bảo vệ di tích.

- Bản đồ xác định phạm vi nghiên cứu quy hoạch, phạm vi quy hoạch.

2.2. Phần văn bản

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp.

- Tờ trình thẩm định hoặc phê duyệt quy hoạch di tích.

- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch di tích.

2.3. Đĩa CD

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án nhiệm vụ quy hoạch.

3. Kinh phí thực hiện lập quy hoạch

Sau khi nhiệm vụ được phê duyệt, Chủ đầu tư lập dự toán kinh phí và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời bổ sung dự kiến tổng dự toán kinh phí thực hiện.

Nguồn vốn lập quy hoạch được thực hiện theo Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điều 4 Nghị định 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa từ nguồn nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên cho công tác lập quy hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

Các quy định khác có liên quan.

Kinh phí lập nhiệm vụ quy hoạch

- CHI PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH **358.487.000 đồng**

- CHI PHÍ LIÊN QUAN KHÁC **703.841.000 đồng**

- CHI PHÍ DỰ PHÒNG **106.233.000 đồng**

- TỔNG CHI PHÍ **1.168.561.000 đồng**

Bằng chữ: một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách

4. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan chủ trì thẩm định và trình duyệt: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan quản lý lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám.

- Đơn vị tư vấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

D. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên là hết sức cần thiết và cấp bách, phù hợp với định hướng bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Quy hoạch được lập sẽ tạo lập cơ sở khoa học và pháp lý thống nhất cho công tác quản lý, bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; bảo vệ toàn diện các yếu tố gốc cấu thành di tích, đồng thời gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với tín ngưỡng, lễ hội và đời sống cộng đồng. Thông qua việc tổ chức không gian hợp lý, đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đồng bộ, quy hoạch sẽ góp phần nâng cao năng lực khai thác, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tham quan và nghiên cứu; từng bước hình thành sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh đặc trưng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng đời sống Nhân dân.

Đồng thời, quy hoạch góp phần cụ thể hóa các chiến lược, quy hoạch phát triển văn hóa và du lịch của tỉnh Hưng Yên; tăng cường liên kết không gian di tích với các khu, điểm du lịch trong vùng; khẳng định vai trò của Đền An Xá là trung tâm sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng tiêu biểu, có giá trị đặc sắc của khu vực đồng bằng sông Hồng.

2. Kiến nghị

Để bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả triển khai các bước tiếp theo, kính đề nghị:

Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch làm cơ sở triển khai lập đồ án quy hoạch theo quy định của pháp luật.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định, có ý kiến chuyên môn đối với nhiệm vụ quy hoạch; hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về di sản văn hóa và các quy định có liên quan.

Các bộ, ngành liên quan phối hợp trong quá trình thẩm định, góp ý chuyên môn và hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch, đầu tư, đất đai, môi trường và hạ tầng kỹ thuật.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên chỉ đạo các sở, ngành và địa phương liên quan phối hợp chặt chẽ trong quá trình hoàn thiện hồ sơ; đồng thời chủ động bố trí nguồn lực, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt, bảo đảm hiệu quả, đồng bộ và bền vững.

E. PHỤ LỤC

I. HIỆN TRẠNG CÁC YẾU TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, HẠ TẦNG CÓ LIÊN QUAN DI TÍCH

1. Khái quát điều kiện tự nhiên

1.1. Địa hình

Tỉnh Hưng Yên nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, có địa hình tương đối bằng phẳng, không có núi, đồi; hướng dốc chủ yếu từ Tây Bắc xuống Đông Nam với độ dốc trung bình khoảng 14 cm/km. Địa hình có sự phân hóa cục bộ giữa các vùng cao và thấp xen kẽ; trong đó khu vực phía Tây Bắc (Văn Giang, Khoái Châu, Văn Lâm) có địa hình cao hơn, còn các khu vực phía Đông Nam (Phù Cừ, Tiên Lữ, Ân Thi) có địa hình thấp trũng hơn.

Xã Hoàng Hoa Thám thuộc vùng địa hình trũng của tỉnh, có cao độ thấp dần theo hướng Bắc - Nam và Tây - Đông. Nhìn chung, địa hình toàn xã tương đối bằng phẳng nhưng không đồng đều, xen kẽ các khu vực cao - thấp cục bộ. Cao độ địa hình dao động từ khoảng +3,9 m (khu vực cao) đến xấp xỉ 0,0 m (khu vực trũng), nhiều khu vực thấp ven sông Luộc thường xuyên chịu ảnh hưởng ngập úng theo mùa. Đặc điểm này gây khó khăn cho công tác tiêu thoát nước và sản xuất nông nghiệp, đồng thời đặt ra yêu cầu cao đối với giải pháp hạ tầng kỹ thuật và thích ứng với điều kiện thủy văn.

Khu vực nghiên cứu quy hoạch, bao gồm Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá, nằm tại thôn An Xá, có địa hình tương đối bằng phẳng, nền đất ổn định, cao ráo hơn so với các khu vực trũng lân cận, thuận lợi cho việc tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội.

Về vị trí địa lý, khu vực xã Hoàng Hoa Thám có ranh giới như sau:

- Phía Đông giáp xã Hải Triều;
- Phía Tây giáp khu vực Phố Hiến (thành phố Hưng Yên);
- Phía Nam giáp các xã Tân Hưng và Tiên Lữ;
- Phía Bắc giáp các xã Dị Chế và Nhật Tân.

Nhìn chung, điều kiện địa hình khu vực di tích tương đối thuận lợi cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị; tuy nhiên, cần lưu ý đến đặc điểm địa hình thấp trũng của khu vực xung quanh để đề xuất các giải pháp thoát nước, thích ứng ngập úng và bảo vệ cảnh quan di tích một cách bền vững.

1.2. Khí hậu

Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc tỉnh Hưng Yên, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình của đồng bằng sông Hồng, với đặc trưng nóng ẩm,

mưa nhiều vào mùa hè và lạnh, khô vào mùa đông; khí hậu phân hóa rõ rệt theo bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

Nhiệt độ:

Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23-23,5°C; nhiệt độ cao nhất có thể đạt trên 40°C vào mùa hè, thấp nhất vào mùa đông khoảng 8-10°C. Biên độ nhiệt năm tương đối lớn, ảnh hưởng đến độ bền vật liệu và điều kiện bảo quản di tích.

Lượng mưa:

Lượng mưa trung bình năm dao động khoảng 1.500-1.700 mm, phân bố không đều theo mùa; tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa mưa), trong đó các tháng 6-8 có lượng mưa lớn, thường xuất hiện mưa giông cường độ cao. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, đặc trưng bởi mưa phùn và độ ẩm cao.

Gió:

Chế độ gió mang tính mùa rõ rệt: mùa đông chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa Đông Bắc; mùa hè là gió Đông Nam và Nam. Tốc độ gió trung bình không lớn nhưng có thể tăng cao khi có dông, áp thấp nhiệt đới.

Độ ẩm không khí:

Độ ẩm trung bình năm cao, khoảng 80-90%; các tháng đầu năm (tháng 2-4) thường có độ ẩm cao, kéo dài tình trạng ẩm ướt, ảnh hưởng đến công trình kiến trúc và hiện vật trong di tích.

Bão và áp thấp nhiệt đới:

Do không giáp biển, khu vực ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão; tuy nhiên vẫn chịu tác động gián tiếp gây mưa lớn, ngập úng và gió mạnh trong một số thời điểm.

Xã Hoàng Hoa Thám có điều kiện khí hậu tương đồng với đặc trưng chung của tỉnh, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và cây xanh cảnh quan; tuy nhiên cũng tiềm ẩn các yếu tố bất lợi như nắng nóng kéo dài, mưa lớn tập trung, độ ẩm cao và hiện tượng ngập úng theo mùa.

Đánh giá:

Điều kiện khí hậu khu vực có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, đặc biệt là tác động của nhiệt độ cao, độ ẩm lớn và mưa tập trung. Do đó, trong quá trình quy hoạch cần chú trọng các giải pháp về thoát nước, thông thoáng không gian, lựa chọn vật liệu phù hợp và tăng cường hệ thống cây xanh nhằm thích ứng với điều kiện khí hậu, bảo đảm tính bền vững của di tích.

1.3. Địa chất và thủy văn

a. Địa chất

Tỉnh Hưng Yên nằm trong vùng trũng của đồng bằng sông Hồng, được hình thành chủ yếu từ các trầm tích Đệ Tứ, có chiều dày lớn (khoảng 150-160 m), nền địa chất tương đối đồng nhất và ổn định.

Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc xã Hoàng Hoa Thám có điều kiện địa chất công trình tương đối thuận lợi; nền đất có khả năng chịu lực khá, phù hợp với xây dựng các công trình quy mô nhỏ và trung bình phục vụ bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị di tích.

Tuy nhiên, do đặc trưng địa chất đồng bằng và điều kiện địa hình trũng, cần thực hiện khảo sát địa chất chi tiết (khoan thăm dò, thí nghiệm nền đất) trước khi thiết kế xây dựng, nhằm lựa chọn giải pháp móng phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và hạn chế lún, nứt.

b. Thủy văn

Khu vực nghiên cứu nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của hệ thống sông lớn, gồm Sông Hồng và Sông Luộc, cùng với mạng lưới sông nhánh, kênh mương thủy lợi dày đặc. Khu vực gần điểm hợp lưu của các hệ thống sông lớn trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp nước và phát triển nông nghiệp.

Ngoài ra, hệ thống sông nội đồng và kênh mương (như sông Nghĩa Lý và các tuyến thủy lợi) đóng vai trò quan trọng trong tiêu thoát nước và điều tiết thủy văn khu vực. Tuy nhiên, do địa hình thấp trũng, khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của ngập úng theo mùa, đặc biệt trong thời kỳ mưa lớn hoặc khi mực nước sông dâng cao.

Đánh giá: Điều kiện thủy văn vừa là yếu tố thuận lợi (nguồn nước dồi dào, cảnh quan mặt nước) vừa là thách thức đối với công tác bảo tồn di tích, đòi hỏi phải có giải pháp thoát nước, kiểm soát mực nước và thích ứng với ngập úng một cách hiệu quả.

c. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường

Thổ nhưỡng: Đất đai khu vực được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng - sông Luộc, có độ phì tương đối cao, gồm các nhóm đất thịt nhẹ, thịt trung bình và thịt nặng; thuận lợi cho phát triển cây xanh cảnh quan và nông nghiệp. Tuy nhiên, một số khu vực có hiện tượng úng trũng, chua hóa cục bộ, cần có biện pháp cải tạo phù hợp.

Tài nguyên nước và cảnh quan: Hệ thống sông, kênh mương và mặt nước tự nhiên tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức không gian cảnh quan sinh thái, đồng thời hỗ trợ tiêu thoát nước cho khu vực di tích.

Môi trường và các yếu tố liên quan: Khu vực có môi trường sinh thái nông nghiệp đặc trưng, mật độ xây dựng chưa cao, còn quỹ đất và không gian cảnh quan để tổ chức các chức năng phục vụ di tích. Tuy nhiên, chịu tác động của ngập úng theo mùa và biến đổi khí hậu, cần kiểm soát tốt hệ thống thoát nước và bảo vệ môi

trường.

1.4. Cảnh quan thiên nhiên

Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, có cảnh quan đặc trưng của vùng đồng bằng sông Hồng, với không gian mở, địa hình bằng phẳng, hệ thống cây xanh, mặt nước và khu dân cư nông thôn đan xen, tạo nên môi trường cảnh quan sinh thái hài hòa, yên bình.

Trong phạm vi nghiên cứu, cảnh quan tự nhiên tương đối đa dạng với các yếu tố chủ đạo như: hệ thống ao, hồ, kênh mương; quỹ đất nông nghiệp; cây xanh bản địa và các cụm dân cư truyền thống, tạo nên nhiều điểm nhìn cảnh quan có giá trị.

Khu vực Đền An Xá:

- Có không gian rộng, thoáng, nền địa hình cao ráo hơn khu vực xung quanh; hệ thống cây xanh phong phú kết hợp với mặt nước tự nhiên bao quanh, tạo nên cảnh quan đặc trưng, có giá trị cao về sinh thái và thẩm mỹ. Đây là khu vực có điều kiện thuận lợi để tổ chức không gian văn hóa - tâm linh, tham quan, chiêm bái.

Khu vực Đình Vô và Đình Căn:

- Các di tích có khuôn viên tương đối độc lập, nằm xen kẽ trong khu dân cư; cảnh quan mang tính chất làng xã truyền thống, gắn với hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân địa phương.

Đánh giá:

- Cảnh quan khu vực di tích có giá trị đặc trưng của không gian văn hóa nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, thuận lợi cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch văn hóa - tâm linh. Tuy nhiên, cần kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng mới, bảo vệ hệ thống cây xanh và mặt nước tự nhiên, nhằm duy trì tính nguyên gốc và sự hài hòa của cảnh quan di tích.

2. Khái quát hiện trạng kinh tế - xã hội

2.1. Hiện trạng kinh tế

Khu vực nghiên cứu có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, với sự phát triển đồng thời của các ngành nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Tỷ trọng các ngành kinh tế: nông nghiệp khoảng 12,63%; công nghiệp - xây dựng khoảng 42,03%; thương mại - dịch vụ khoảng 45,34%.

Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định; số lượng cơ sở kinh doanh tăng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

Sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng, gắn với đặc trưng vùng đồng bằng; đồng thời phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Địa phương có các nghề truyền thống như sản xuất bánh đa, bún khô, bánh phở… góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Đánh giá:

- Nền kinh tế địa phương có tiềm năng phát triển dịch vụ, đặc biệt là du lịch gắn với di tích; tuy nhiên vẫn cần định hướng chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ - du lịch, giảm dần phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống.

2.2. Hiện trạng dân cư

Dân số khu vực tương đối đông, mật độ cao (khoảng 1.191 người/km²), phân bố chủ yếu tại các thôn, xóm truyền thống.

Cộng đồng dân cư chủ yếu là người Kinh, có truyền thống văn hóa lâu đời, gắn bó chặt chẽ với di tích và sinh hoạt tín ngưỡng dân gian.

Khu vực xã (trước đây là xã An Viên) gồm các thôn như An Xá, Nội Thượng, Nội Mai, Nội Lễ; trong đó thôn An Xá là khu vực tập trung dân cư gần di tích.

Đánh giá:

- Cộng đồng dân cư có vai trò quan trọng trong bảo vệ và phát huy giá trị di tích; tuy nhiên, mật độ dân cư cao và hoạt động sinh hoạt, sản xuất có thể tạo áp lực lên không gian di tích, cần có giải pháp quản lý và tổ chức không gian phù hợp.

2.3. Hiện trạng phát triển dịch vụ, du lịch

Tỉnh Hưng Yên là địa phương có tiềm năng lớn về du lịch văn hóa với hệ thống di tích, lễ hội và làng nghề phong phú. Trong đó, Di tích quốc gia đặc biệt Đền An Xá là một điểm đến quan trọng trong mạng lưới du lịch văn hóa - tâm linh của tỉnh.

Lễ hội Đền An Xá là lễ hội truyền thống quy mô lớn, tổ chức thường niên từ ngày 01 đến ngày 12 tháng 4 âm lịch, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách. Ngoài ra, di tích còn là điểm sinh hoạt tín ngưỡng thường xuyên vào các dịp lễ, tết, ngày rằm, mồng một.

Tuy nhiên, hoạt động du lịch tại khu vực vẫn mang tính tự phát, hạ tầng và dịch vụ chưa đồng bộ, chưa khai thác hết tiềm năng của di tích.

Đánh giá:

- Khu vực có tiềm năng lớn để phát triển du lịch văn hóa - tâm linh; cần được định hướng đầu tư hạ tầng, tổ chức không gian và xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, gắn với bảo tồn bền vững di tích.

3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

3.1. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

Giao thông đối ngoại:

- Khu vực di tích có khả năng kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông vùng thông qua các tuyến trục chính như:

- Tuyến liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên (đang được nâng cấp, mở rộng), kết nối trực tiếp với các trục giao thông quan trọng và đường Vành đai 4 vùng Thủ đô.

- Quốc lộ 39, là tuyến giao thông huyết mạch kết nối tỉnh Hưng Yên với các địa phương lân cận, đi qua khu vực gần di tích.

- Tuyến Quốc lộ 38B và các tuyến tỉnh lộ liên quan, góp phần tăng cường khả năng tiếp cận khu vực.

Giao thông đối nội:

- Hệ thống đường giao thông nội bộ, đường liên xã, thôn xóm cơ bản đã được bê tông hóa hoặc trải nhựa, bảo đảm kết nối đến khu di tích tương đối thuận tiện.

Đánh giá:

- Hệ thống giao thông khu vực có tính kết nối tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch; tuy nhiên, hạ tầng giao thông tiếp cận trực tiếp di tích còn hạn chế về quy mô, chưa có tổ chức giao thông và bãi đỗ xe phù hợp trong mùa cao điểm lễ hội.

b. Cấp điện

Khu di tích đã được cấp điện từ lưới điện quốc gia, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và hoạt động tại di tích.

Đánh giá:

- Hệ thống cấp điện ổn định, tuy nhiên cần nâng cấp theo hướng ngầm hóa và bổ sung hệ thống chiếu sáng cảnh quan, phục vụ du lịch và bảo đảm mỹ quan.

c. Cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy

Khu di tích đã có nguồn cấp nước sinh hoạt từ giếng khoan và hệ thống bơm; đồng thời đã được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy cơ bản.

Đánh giá:

- Nguồn nước đáp ứng nhu cầu trước mắt nhưng chưa có hệ thống cấp nước tập trung đồng bộ; hệ thống phòng cháy chữa cháy cần được hoàn thiện theo quy chuẩn, đặc biệt trong điều kiện tập trung đông người vào mùa lễ hội.

d. Thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc khu vực phát triển đồng bộ, phủ sóng di động 4G toàn khu vực; hạ tầng viễn thông đã được chuyển đổi sang cáp quang.

Đánh giá:

- Chất lượng thông tin liên lạc tốt, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành và phát triển du lịch; có tiềm năng ứng dụng công nghệ số trong quản lý và quảng bá di tích.

e. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước thải chưa được đầu tư đồng bộ; nước thải chủ yếu xử lý cục bộ qua bể tự hoại. Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung của địa phương.

Đánh giá:

- Hệ thống thoát nước và xử lý môi trường còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường di tích, đặc biệt trong thời gian cao điểm du lịch.

3.2. Hiện trạng hạ tầng xã hội

Di tích thuộc địa bàn xã An Viên, huyện Tiên Lữ nay thuộc địa phận xã Hoàng Hoa Thám (khu vực đô thị), chịu tác động không nhỏ từ quá trình đô thị hóa. Bao quanh khu di tích là dân cư nên di tích không tránh khỏi tác động bởi các hoạt động kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến di tích cũng như môi trường cảnh quan xung quanh di tích. Tuy nhiên, khu vực này khá thuận lợi để phát triển do địa hình bằng phẳng, kinh tế - xã hội phát triển lại tận dụng được hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất sẵn có.

Đánh giá:

- Việc di tích nằm xen kẽ khu dân cư vừa là điều kiện thuận lợi cho bảo vệ và phát huy giá trị di tích, vừa tạo áp lực về không gian, môi trường và quản lý xây dựng; cần có giải pháp kiểm soát phát triển và tổ chức không gian hợp lý.

3.3. Hệ thống hạ tầng, dịch vụ phục vụ du lịch

Hệ thống dịch vụ du lịch tại khu di tích còn hạn chế, chủ yếu là các hoạt động tham quan, chiêm bái; chưa có cơ sở lưu trú và các dịch vụ du lịch chuyên nghiệp.

Hiện nay chỉ có một số dịch vụ quy mô nhỏ như quán ăn, cửa hàng lưu niệm, gian hàng giới thiệu sản phẩm làng nghề và đặc sản địa phương, phục vụ chủ yếu trong mùa lễ hội.

Đánh giá:

- Tiềm năng phát triển du lịch của khu di tích là lớn, tuy nhiên hạ tầng và dịch vụ chưa đồng bộ, chưa hình thành sản phẩm du lịch đặc thù; cần được đầu tư, tổ chức lại theo hướng chuyên nghiệp, gắn với bảo tồn bền vững di tích.

4. Đánh giá chung ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - xã hội đến di tích

Trên cơ sở phân tích hiện trạng các yếu tố kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường tự nhiên, có thể nhận định tổng hợp về mức độ tác động đến Di tích quốc gia đặc biệt - Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền An Xá như sau:

(i) Tác động từ hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực đã được đầu tư bước đầu, tuy nhiên còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là các hạng mục giao thông tiếp cận, bãi đỗ xe, thoát nước và xử lý môi trường. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tổ chức không gian, năng lực phục vụ khách tham quan và công tác bảo tồn di tích.

(ii) Tác động từ quá trình đô thị hóa và phát triển dân cư

Di tích nằm xen kẽ trong khu vực dân cư hiện hữu thuộc xã Hoàng Hoa Thám, chịu tác động ngày càng rõ rệt của quá trình đô thị hóa. Các hoạt động xây dựng, sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội làm gia tăng áp lực lên không gian, cảnh quan và môi trường di tích, tiềm ẩn nguy cơ xâm lấn, phá vỡ tính nguyên gốc nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

(iii) Tác động từ hoạt động kinh tế và sinh kế địa phương

Hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tại khu vực vừa tạo điều kiện duy trì sinh kế cho cộng đồng, vừa góp phần hình thành môi trường văn hóa bản địa gắn với di tích. Tuy nhiên, các hoạt động này cũng có thể phát sinh tác động tiêu cực đến môi trường, cảnh quan nếu không được tổ chức và quản lý phù hợp.

(iv) Hạn chế trong công tác khai thác và phát huy giá trị di tích

Một số hạng mục di tích như Đình Vô, Đình Căn chưa được khai thác, phát huy tương xứng với giá trị, chưa gắn kết hiệu quả trong tổng thể không gian di tích và hệ thống sản phẩm du lịch. Hạ tầng và dịch vụ phục vụ du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của du khách.

II. HIỆN TRẠNG DI TÍCH

1. Khu vực Di tích Đền An Xá

Theo Biên bản và Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích, toàn bộ khu đền An Xá có tổng diện tích là 20.085m^2, chia ra làm hai khu vực bảo vệ, trong đó khu vực I có diện tích là 14.755,6 m^2, khu vực II có diện tích là 5.329,4 m^2. Qua cổng Tam quan là một con đường lát gạch rộng 7m gọi là "*Nhất chính đạo*" dẫn thẳng vào đền chính (đền Thượng) - nơi thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đền có bố cục mặt bằng tổng thể hình chữ Công gồm: 05 gian Tiền tế, 03 gian Ống muống và 03 gian Hậu cung. Các cấu kiện và thành phần kiến trúc tòa Tiền tế đều được làm bằng gỗ tứ thiết, riêng hai tòa Ống muống và Hậu cung được làm bằng đá xanh. Đây được xem là một trong những điểm đặc biệt, độc đáo và khác lạ tại di tích đền An Xá. Sân đền là nơi bài trí một số hiện vật có giá trị đặc biệt tại di tích:

Tháp đất nung, khánh đá và bia đá. Ngoài ra, trong và ngoài khuôn viên di tích hiện còn một số hạng mục công trình kiến trúc gắn liền với sự hình thành và các tích truyện liên quan tới nhân vật thờ tại di tích: Đền Hạ, đền Kỷ Niệm nằm về hai bên hồi đền chính. Đăng đối hai bên sân đền là hai dãy nhà Giải vũ. Hai bên Tam quan là đền Mẫu (bên trái) và đền Thiên Quan (bên phải).

1.1. Tam quan

Theo lời của các cụ cao niên trong làng, xưa kia tại vị trí Tam quan hiện nay là một cổng Tam quan cao trên 10m được dựng theo kiểu hai tầng tám mái, lợp ngói di truyền thống, kết cấu chịu lực chính bằng những cột gỗ to khỏe. Tam quan là nơi treo chuông đồng và khánh đá. Mỗi khi lễ hội, khánh đá và chuông đồng được đánh lên là dân cả một vùng rộng lớn thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ nghe thấy rủ nhau đi trẩy hội đền An Xá. Năm 1967, Tam quan đền xuống cấp đã được tháo dỡ. Đến năm 2007, chính quyền và Nhân dân địa phương đã tiến hành phục dựng lại Tam quan mới trên nền móng Tam quan cũ theo phong cách kiến trúc truyền thống.

Nếu cổng Tam quan trong các công trình kiến trúc Phật giáo là biểu tượng của "*Không*" thì cổng Tam quan trong các công trình kiến trúc của Đạo giáo lại là biểu tượng của "*Huyền*". Nhiều nhà Phật đề ở cổng Tam quan chùa là "*Phương tiện môn*" tức là cửa phương tiện thì ở Quán lại đề là "*Huyền tẫn chi môn"* là cửa của Đạo, cửa của sự hư vô và huyền ảo. Cổng Tam quan đền An Xá có dáng vẻ bề thế, uy nghi được dựng trên bình đồ hình vuông, gồm 03 cửa ra vào với hai tầng mái. Xung quanh bốn góc dựng bốn cột đồng trụ lớn. Đỉnh cột trụ đắp hình tượng "phượng tụ vỹ", bốn phượng chụm bụng vào nhau, đuôi cánh bay lên phía trên, đầu chúc xuống ngẩng lên trong tư thế chuẩn bị cất cánh. Phía dưới là phần ô vuông lồng đèn trang trí đề tài tứ linh. Thân trụ xây vuông, đắp gờ, kẻ nổi thể hiện đôi câu đối chữ Hán với nội dung ca ngợi cảnh đẹp của di tích. Đế trụ làm kiểu quả găng, xây gờ giật cấp, trang trí hoa văn mềm mại. Mái Tam quan lợp ngói mũi hài. Tam quan đền An Xá là nơi treo quả chuông đồng cao 1,7m, nặng 880 kg được đúc vào thời Hậu Lê, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 34 (1773) và treo chiếc trống của nhà đền.

1.2. Tòa Tiền tế

Qua cổng Tam quan và khoảng sân rộng lát gạch, nơi bài trí tháp đất nung và khánh đá là đến tòa Tiền tế đền. Tiền tế là nơi diễn ra các nghi thức tế lễ, cũng là không gian mở, không gian của cộng đồng, so với sự thâm nghiêm kín đáo dần vào phía trong Hậu cung. Tiền tế đền An Xá là một tòa nhà 05 gian, được làm theo kiểu tường hồi bít đốc với kích thước dài 20,6m, rộng 8,05m, cao 9,79m. Kết cấu theo kiểu 4 hàng chân cột với 06 bộ vì, các cột đứng trên chân tảng bằng đá xanh không trang trí hoa văn. Bốn phía xung quanh nền Tiền tế đều được xây bằng các viên đá xanh khối hình chữ nhật, hiện nay còn tương đối vững chắc, cao

hơn mặt sân 32cm. Mặt nền lát gạch đỏ (30cm x 30cm), mạch chữ công. Ngăn cách giữa Tiền tế và hiên là các luồng cửa được tạo tác theo lối "Thượng song hạ bản" ở ba gian giữa, hai gian bên bưng vách gỗ trổ cửa sổ để lấy ánh sáng cho khu vực thờ tự bên trong. Phía ngoài có cánh cửa dạng panô bảo vệ. Phía sau các gian bên và hai đầu hồi còn lại được xây tường kín lên đến dạ tầu mái tạo sự kín đáo, thâm nghiêm cho khu vực thờ tự tại di tích.

Kết cấu mái tòa Tiền tế bao gồm mặt mái, bờ mái và các thành phần trang trí trên mái. Hoành mái có tiết diện vuông, bào trơn. Các rui mái được đặt trên hoành với khoảng cách xấp xỉ chiều rộng của rui, tạo nên mặt phẳng đỡ ngói lót. Ngói lót là loại ngói mỏng, phẳng hình chữ nhật. Ngói lợp là loại ngói mũi hài với các viên ngói lợp so le, chồng lên nhau. Bờ nóc là một đường xây bằng gạch, phủ vữa áo tạo những đường gờ chạy song. Trung tâm đường bờ nóc đắp hình hổ phù ngậm chữ Thọ đội mặt nhật, cuối đường bờ nóc đắp hai con kìm ngậm đầu bờ nóc, không có thân, đuôi là một vân xoắn có dạng dấu hỏi "?" ngược lớn chạy từ đầu vươn ra phía sau. Cuối đường bờ dải là hai cột trụ biểu, đỉnh cột đắp đôi nghê chầu vào nhau, mặt hướng xuống sân chùa. Trong tâm thức truyền thống phương Đông nghê là con vật minh triết, nó thường có vị trí trong các di tích cổ với tư cách "giám hộ", coi sóc các công trình, giám sát tư cách của những vị khách hành hương đến với di tích. Nghê được tạo tác với kích thước phù hợp, dáng hình trang nhã, đứng trên đấu vuông thót đáy. Phía dưới là phần ô vuông lồng đèn trang trí đề tài tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai). Trên thân trụ biểu đề đôi câu đối bằng chữ hán ca ngợi cảnh đẹp của di tích.

Nâng đỡ phần mái tòa Tiền tế là các bộ vì và hệ thống cột kê lên chân tảng đá xanh. Khoảng cách giữa cột cái trước với cột cái sau là 3,35m, cột cái với cột quân là 2,05m. Các bộ vì nóc tòa Tiền tế được làm theo kiểu "*chồng rường giá chiêng*". Kết cấu cụ thể của một bộ vì như sau: Trên cùng là thượng lương, đỡ thượng lương là một đấu hình thuyền, mặt đấu trang trí chữ Thọ, đấu được đặt trực tiếp lên con rường thứ nhất thông qua dép nóc, hai đầu rường này đỡ hoành mái và được kê lên đầu hai trụ trốn qua hai đấu vuông nhỏ tạo thành hình giá chiêng, khoảng không gian giữa giá chiêng để trống không trang trí hoa văn. Con rường tiếp theo là rường cánh ăn mộng vào trụ trốn vươn ra đỡ hoành mái. Rường dưới cùng là rường cụt kê lên câu đầu qua hai đấu kê. Câu đầu ăn mộng vào đầu hai cột cái. Đỡ dưới câu đầu là hai đầu dư được chạm bong kênh thành hai đầu rồng với các đao mác dài lượn sóng bay ra phía sau. Bộ phận này có tác dụng chịu lực và trang trí làm giảm bớt đi sự thô cứng cho các bộ vì. Các cấu kiện vì nóc chủ yếu được trang trí vân mây, lá lật ở hai đầu và được soi gờ chỉ.

Hệ thống vì nách tòa Tiền tế được làm theo dạng "*bán chồng rường*". Kết cấu cụ thể như sau: Nối đầu cột quân với thân cột cái là xà nách, trên cật xà nách ở đầu phía cột quân đỡ một rường cụt qua hai đấu kê nhỏ. Rường cụt này đỡ rường cánh phía trên qua đấu kê, tiếp theo là hai rường cánh kế tiếp kê lên nhau qua đấu kê. Các rường cánh ăn mộng vào cột cái, đầu rường đỡ hoành mái (rường cánh

trên cùng là đuôi của đầu dư). Tất cả các con rường đều được chạm khắc hoa văn và soi gờ chỉ trang trí. Ở khoảng trống giữa rường cụt và cột cái không nong ván. Riêng hai vì nách sau gian giữa là điểm liên kết mái giữa tòa Tiền tế với tòa Ống muống. Do vậy chỉ có các xà giằng nối từ cột cái sau tòa Tiền tế tới cột cái trước tòa Ống muống. Giữa xà thượng và xà hạ có nong ván gió chạm khắc trang trí đề tài tứ linh tinh xảo, độc đáo. Bẩy hiên một đầu ăn mộng xuyên qua cột quân tạo thành nghé bẩy đội dạ xà nách, một đầu vươn ra đỡ tầu mái, tạo sự cân bằng về lực. Lưng bẩy là một ván dong khoét ổ đỡ hoành mái, đầu bẩy chạm khắc hoa văn hình chữ Thọ. Thân bẩy chạm khắc đề tài tứ linh, tứ quý, lá lật.

Trung tâm tòa Tiền tế là nơi đặt ban thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế. Phía trên treo bức đại tự sơn son thiếp vàng đề ba chữ Hán "*Thụy Ứng Quán*". Phía dưới treo bức cửa võng sơn son thiếp vàng làm kiểu ô xa. Diềm trên cửa võng trang trí đề tài lưỡng long chầu nhật, giữa chia thành các ô chạm đề tài tứ linh, tứ quý vô cùng sinh động. Dưới cùng là một nhang án thờ bằng gỗ, sơn son thiếp vàng được chia thành nhiều phần trang trí khác nhau. Mỗi ô là một đề tài như: thảo hóa long, tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai), chim phượng, hoa dây, chữ Thọ,... Trên ban thờ bài trí một số đồ thờ tự như: bát hương, lọ hoa, ngai thờ,.... Hai bên nhang án treo đối câu đối chữ Hán:

Nguyên tác:

天 定 紀 元 瑞 觀 至 今 傳 勝 跡

地 輿 誌 異 蓮 臺 自 古 顯 仙 踪

Phiên âm:

Thiên Định kỷ nguyên Thuỵ quán chí kim truyền thắng tích

Địa dư chí dị Liên đài tự cổ hiển tiên tung.

Tạm dịch:

Kỷ nguyên Thiên Định dựng Thuỵ quán đến nay tương truyền là thắng tích

Sách Địa dư ghi lại việc lạ Liên đài từ xưa hiển hiện dấu tiên.

Gian bên trái (theo hướng đền) là nơi đặt ban thờ Thiên Tiên. Trên ban thờ bài trí khám thờ bằng gỗ. Khám được sơn son thiếp vàng trang hoàng lộng lẫy, diềm trên cửa khám trang trí đề tài "*lưỡng long chầu nhật*", diềm dưới chạm thủng đề tài tứ linh và tứ quý vô cùng sinh động. Trong khám đặt tượng Thiên Tiên bằng gỗ, tượng tạo tác trong tư thế ngồi với dáng hình trang nhã, đầu đội mũ, áo buông rủ qua bệ, hai tay để úp lên lòng đùi, nét mặt tươi vui. Phía trên ban thờ treo bức đại tự đề 4 chữ Hán "天 仙 御 前 - ***Thiên Tiên ngự tiền***". Gian bên phải là nơi đặt ban thờ Địa Tiên. Trên ban thờ bài trí khám thờ bằng gỗ có kích thước, hình

dáng và hoa văn trang trí giống khám thờ Thiên Tiên. Tượng Địa Tiên mặc áo hở cổ xuống đến ngực, cổ đeo vòng. Phía trên ban thờ treo bức đại tự đề 4 chữ Hán "地 仙 御 前 - ***Địa Tiên ngự tiền***". Tiền tế còn là nơi đặt cỗ kiệu bát cống sơn son thiếp vàng, trang hoàng lộng lẫy.

1.3. Tòa Ống muống

Ống muống gồm 03 gian nằm vuông góc, nối liền Tiền tế với Hậu cung để tạo nên mặt bằng chữ "Công" hoàn chỉnh. Tòa nhà này có chiều dài 9,6m, chiều rộng 6.4m, cao 5,53m. Hạng mục này được làm hoàn toàn bằng đá xanh nguyên khối, tạo hình bởi những đường nét kiến trúc thanh nhã, cân xứng, mang vẻ đẹp tôn nghiêm linh khí. Toàn bộ hệ thống các cột trụ, câu đối, hoành phi, cửa võng tại đây đều được làm bằng đá có tấm nặng tới hàng chục tấn được các nghệ nhân và thợ thủ công đương thời chạm khắc hình rồng, phía ngoài chạm khắc các đôi câu đối bằng chữ Hán vô cùng tinh xảo và đặc sắc, hiếm thấy trong những công trình kiến trúc tín ngưỡng của người Việt. Theo lời kể của các cụ cao niên trong làng thì quá trình xây dựng hạng mục Ống muống đền rất gian nan, vất vả và công phu. Toàn bộ đá cũng như vật liệu để xây dựng đều được đặt mua từ Ninh Bình và vận chuyển về địa phương bằng đường sông. Khi xây dựng, các chức sắc trong làng huy động Nhân dân vận chuyển bằng ròng rọc, con lăn (một ngày vận chuyển được 2 cột). Sau khi tập kết xong vật liệu, thợ đá tiến hành chạm trổ, trau chuốt, tô vẽ, làm mộng. Khi dựng hệ thống cột trong đền, dùng dây chão kéo lăn cột vào nền đền, xoay ngang cột tới chân tảng, giữa cột và chân tảng có ngõng sâu 20 cm. Khi cột được dựng kéo đứng trên chân tảng, người ta dựng 2 vì giữa trước, chủ yếu là dùng kỹ thuật thủ công, dùng ròng rọc, bắc giáo, quay tay. Sau khi cột đã yên vị, tiếp tục đưa các vì lắp vào các ngõng của xà.

Ống muống có kết cấu theo kiểu 4 hàng chân cột, gồm 04 bộ vì. Nâng đỡ vì mái là hệ thống cột đá to tròn đứng trên chân tảng hình quả bồng, có họa tiết chỉ nổi, lá sòi chạy quanh được làm công phu, có giá trị thẩm mĩ. Cột cái cao 3,7m, đường kính 45cm, các cột quân cao 2,9m, đường kính 28cm. Khoảng cách từ cột cái trước đến cột cái sau là 4m, từ cột cái tới cột quân là 1,2m. Trên các cột cái và cột quân tòa Ống muống đền đều chạm khắc hình rồng, nổi bật là hình ảnh những con rồng trong tư thế bay lên, ẩn hiện trong các đám mây mềm mại. Lại có những con rồng đang bay xuống hút nước dưới hồ sen khá sinh động. Các cấu kiện đá đều được lắp ghép bằng mộng và gắn bằng chất kết dính.

Các bộ vì nóc tòa Ống muống được làm theo kiểu "*vì cốn mê*". Kết cấu cụ thể như sau: Nối hai đầu cột cái với nhau là một câu đầu, đỡ hai đầu câu đầu là 2 đầu dư chạm khắc tinh xảo hình đầu rồng. Đầu dư đỡ dạ câu đầu, thân ăn mộng vào đầu cột cái, dạ câu đầu được soi gờ chỉ trang trí đề tài lưỡng long chầu nhật. Trên lưng câu đầu là một phiến đá nguyên khối hình một tam giác cân, đỉnh tam giác đỡ thượng lương, hai cạnh huyền có khoét các ổ đỡ hoành mái, cạnh đáy được

khoét một khoảng trống ở giữa tạo độ thoáng cho bức cốn. Trên cốn mê vì nóc gian trong cùng tòa Ống muống chạm khắc hình tượng hổ phù ngậm chữ Thọ với các hoa văn mây xoắn và các đao lửa đang bốc lên. Hổ phù ở đây được tạo tác với mắt quỷ tròn, mũi sư tử, miệng nhe, răng lớn, tóc xoắn đuôi nheo, sừng nai, tai thú, má bạnh, hàm mở rộng ngậm chữ Thọ. Hai chân bành ra hai bên ôm chặt lấy những vân mây. Hình tượng hổ phù ở đây đã được các nghệ nhân khéo léo tô đắp với các bộ phận như hằn khối phần nào cho thấy sức mạnh và sự hung dữ của chúng. Đồng thời, còn tượng trưng cho sức mạnh và quyền uy tuyệt đối của vị thần được thờ trong đền. Trên các cốn mê vì nóc gian giữa và gian ngoài chạm khắc hình tượng chim phượng trong tư thế đang bay, cánh dang rộng; hoa văn triện rút,...tạo sự thâm nghiêm nơi thờ tự.

Hệ thống vì nách tòa Ống muống được tạo tác theo kiểu "*vì cốn mê*". Kết cấu cụ thể như sau: Bắt đầu bằng một xà nách, ăn mộng từ thân cột cái rồi xuyên qua đầu cột quân. Trên lưng xà nách là một phiến đá hình một tam giác vuông có diện lớn để chạm khắc trang trí, cạnh huyền có ổ đỡ hoành mái. Các mảng cốn có cạnh góc vuông được khoét một khoảng trống nằm tiếp giáp giữa xà nách và cột cái có tác dụng tạo độ thoáng cho kiến trúc. Đỡ ván mê là xà nách có tiết diện khoảng 0.2 x 0.2m một đầu ăn mộng vào đầu cột quân, đầu kia ăn mộng vào thân cột cái. Trên những mảng chạm trên cốn vì nách tòa Ống muống chủ đề chính của mảng chạm diễn tả các linh vật: rồng, phượng hàm thưu, long mã, hoa văn triện rút, bầu rượu, túi thơ, bàn cờ, hoa sen, hoa dây,... mang đậm yếu tố văn hóa Đạo giáo.

Nền Ống muống được làm cao hơn so với nền tòa Tiền tế là 27cm, lát gạch vuông (30cm x 30cm), mạch chữ công. Móng được bó vỉa bằng gạch chỉ, phía ngoài phủ vữa áo (đây là kết quả trong đợt tu sửa vào thời Nguyễn niên hiệu Bảo Đại thứ 12 (1940)). Mái lợp bằng ngói mũi hài, bờ nóc để trơn không trang trí hoa văn, trên phủ vữa áo, tạo những đường gờ chạy song song. Đỉnh nóc thấp hơn tòa Tiền tế 0,47m. Hai bên Ống muống xây tường bao kín lên tới dạ tầu mái, mở hai cửa sổ nhỏ để lấy ánh sáng vào không gian thờ tự bên trong tòa nhà.

Gian trong cùng Ống muống là nơi đặt ban thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế. Phía trên ban thờ là bức cửa võng được tạo tác bằng đá xanh nguyên khối. Ngoài nhiệm vụ là hàng xà, có chức năng giữ và tạo sự liên kết giữa các hàng cột, cửa võng còn là những bức phù điêu chạm khắc công phu. Những họa tiết hoa lá được chạm nổi mềm mại hai bên cùng những băng triện tàu, lá dắt được bố trí hài hòa. Cách tạo dáng của cửa võng rất phù hợp với các phù điêu long cuốn trên các cây cột. Trung tâm cửa võng chia làm 4 ô vuông đề 4 chữ Hán "**惟 皇 上 帝 - *Duy hoàng Thượng đế***". Nghệ thuật tạo hình này là một dạng đại tự đặc biệt, làm tăng sự tôn nghiêm, hiển linh của Ngọc Hoàng Thượng Đế và các bậc thần tiên. Phía dưới là một nhang án thờ bằng đá, trên nhang án đặt ngai thờ, mũ thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, hai bên là ngai thờ Nam Tào và Bắc Đẩu. Trong kí ức dân gian, nơi đây là nơi Ngọc Hoàng Thượng Đế thường giáng hạ soi xét việc trần gian và ban

phúc cho bốn phương. Các gian ngoài là nơi treo các bức đại tự: "惟 皇 錫 福 - ***Duy hoàng giáng phúc***", "瑞 應 - ***Thụy Ứng***".

Trên thân những cây cột đá tòa Ống muống tạo thành khung hình chữ nhật chạm khắc những đôi câu đối bằng chữ Hán:

- Đôi thứ nhất:

+ Nguyên tác:

百 姓 肇 培 殿 臺 惟 上 帝

五 仙 創 立 瑞 應 事 皇 天

+ Phiên âm:

Bách tính triệu bồi điện đài duy Thượng đế

Ngũ tiên sáng lập Thuỵ Ứng sự Hoàng thiên.

+ Tạm dịch:

Trăm họ vun bồi điện đài chỉ Thượng đế

Năm vị tiên sáng lập Thuỵ Ứng thờ Hoàng thiên.

- Đôi thứ hai:

+ Nguyên tác:

天 定 紀 元 瑞 觀 至 今 傳 勝 跡

(寧 平 省, 嘉 慶 縣, 揚 武 總, 春 武 社 石 匠 奉 造. 舊 里 長 阮 文 歌, 梁 文 辟 拜 供 銀 壹 百 元).

地 輿 誌 異 蓮 臺 自 古 顯 仙 踪

(本 社 范 氏 課, 范 文 炎, 范 文 曉 仝 供 銀 壹 百 元.)

+ Phiên âm:

Thiên Định kỷ nguyên Thuỵ quán chí kim truyền thắng tích

(Ninh Bình tỉnh, Gia Khánh huyện, Dương Vũ tổng, Xuân Vũ xã thạch tượng phụng tạo. Cựu Lý trưởng Nguyễn Văn Ca, Lương Văn Tích bái cung ngân nhất bách nguyên.)

Địa dư chí dị Liên đài 5 tự cổ hiển tiên tung

(Bản xã Phạm Thị Khoá, Phạm Văn Viêm, Phạm Văn Hiểu đồng cung ngân nhất bách nguyên.)

+ Tạm dịch:

Kỷ nguyên Thiên Định dựng Thuỵ quán đến nay tương truyền là thắng tích

(Thợ đá xã Xuân Vũ, tổng Dương Vũ, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình kính tạo. Cựu Lý trưởng Nguyễn Văn Ca, Lương Văn Tích lạy cung tiến 100 đồng bạc)

Sách Địa dư ghi lại việc lạ Liên đài từ xưa hiển hiện dấu tiên

(Những người xã ta: Phạm Thị Khoá, Phạm Văn Viêm, Phạm Văn Hiểu cùng cúng 100 đồng bạc.)

- Đôi thứ ba:

+ Nguyên tác:

九 御 降 龍 頭 香 坛 靈 異

(庚 辰 年 重 修 瑞 應 觀 沙 门 字 通 勳 在 寧 江 巡 琤 祠)

五 仙 停 鶴 駕 瑞 觀 名 高

(功 德 興 安 原 東 洋 大 議 員 北 圻 副 議 長 第 五 北 斗 佩 星 光 禄 寺 少 卿 范 金 榜 供 進) .

+ Phiên âm:

Cửu ngự giáng long đầu hương đàn linh dị

(Canh Thìn niên trùng tu Thuỵ Ứng quán, Sa môn tự Thông Huân tại Ninh Giang Tuần Tranh từ).

Ngũ tiên đình hạc giá Thuỵ quán danh cao

(Công đức Hưng An: nguyên Đông Dương Đại nghị viện Bắc Kỳ Phó Nghị trưởng Đệ ngũ Bắc đẩu Bội tinh Quang Lộc tự Thiếu khanh Phạm Kim Bảng cung tiến).

+ Tạm dịch:

Đức Thiên đế ngự xuống đầu rồng, đàn hương linh dị

(Năm Canh Thìn (1940) trùng tu quán Thuỵ Ứng, đệ tử Sa môn tự Thông Huân ở đền Tuần Tranh Ninh Giang).

Năm vị tiên dừng xe hạc, Thuỵ quán thanh danh cao vời

(Công đức [ở] Hưng Yên: nguyên Đại nghị viên Bắc Kỳ [của] Đông Dương, Phó Nghị trưởng Đệ ngũ Bắc đẩu Bội tinh Quang lộc tự Thiếu khanh).

Có thể nói, từ kết cấu kiến trúc đến điêu khắc mỹ thuật và thờ tự tại hạng mục Ống muống đền An Xá đã tạo nên nét đặc biệt độc đáo, hiếm có, ít di tích cổ nào ở miền Bắc còn lưu giữ được. Tất cả những họa tiết, hoa văn trang trí trên các cấu kiện kiến trúc tại đây đều được các nghệ nhân điêu khắc đá đương thời tạo tác công phu, cầu kỳ, tỷ mỷ, chau chuốt đến từng chi tiết. Với việc sử dụng kỹ thuật chạm lộng, chạm bong kênh vô cùng độc đáo để làm nên những đề tài trang trí phong phú, đa dạng nhưng vô cùng khéo léo, mang giá trị nghệ thuật cao. Qua đây giúp chúng ta thấy được bàn tay tài hoa và óc thẩm mỹ cao của nghệ nhân đương thời. Không bị dập khuôn theo một hình mẫu nhất định, nghệ nhân đã thực sự sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật đẹp, mang đậm dấu ấn thời đại mà nó được sản sinh. Điều đó đòi hỏi một sự hội tụ của trí tuệ, của óc tưởng tượng, của tình cảm và tài nghệ điêu luyện bậc thầy, để có thể sáng tạo nên những tác phẩm quý giá như thế. Đây là một trong số không nhiều công trình kiến trúc được làm bằng đá có giá trị nghệ thuật cao hiện biết cho đến nay ở nước ta.

1.4. Tòa Hậu cung

Hậu cung hay còn gọi là Cung cấm gồm 03 gian, theo kiểu tường hồi bít đốc tay ngai. Đây là nơi đặt ban thờ Tam Thanh Lục Ngự. Cung cấm chỉ được mở khi làng vào đám.

Hậu cung có kích thước dài 9,2m x rộng 6,1m. Khoảng cách từ cột cái trước đến cột cái sau là 3,4m. Nền có cùng cao độ với nền tòa Ống muống, mặt nền lát gạch (kích thước 30 x 30cm), mạch chữ công. Móng Hậu cung được xây bằng gạch chỉ giật cấp tương đối vững chắc. Mái Hậu cung gồm 02 tầng mái, tầng mái dưới được làm nối liền với mái tòa Ống muống. Phía trên mái dưới là phần cổ diêm được làm bằng đá chia thành các ô khác nhau trang trí hình chim phượng, rồng, hoa sen, giữa khắc ba chữ Hán "*Thụy Ứng quán*". Mái được lợp ngói di truyền thống, bờ nóc để trơn không trang trí. Bờ dải đắp hình rồng trong tư thế hướng xuống dưới. Xung quanh ba mặt Hậu cung xây tường bao bằng gạch trát vữa. Tường bao mặt trước được dựng bằng đá xanh nguyên khối. Gian giữa được xây giật vào hàng cột cái tạo thành một khám thờ, cửa chạm khắc các hoạ tiết: Những con dơi ngậm tiền (phúc hàm tiền), hạc đứng trên lưng rùa nhằm thể hiện ước vọng về phúc, về lộc, và mong muốn cho dân làng An Xá được sống lâu, tồn tại mãi mãi. Hai gian bên giáp với Ống muống để hai cửa nhỏ theo kiểu cuốn vòm ra vào Hậu cung. Cửa được làm theo kiểu bức bàn. Phía trên cửa là một phiến đá lớn trang trí hình chim phượng trong tư thế bay lượn. Hệ thống ngạch ngưỡng cửa được đục, chạm hình triện tàu, lá giắt khá công phu, nghệ thuật.

Hệ thống các bộ vì nóc tòa Hậu cung được tạo tác bằng đá xanh nguyên khối theo kiểu "*vì cốn mê*". Kết cấu cụ thể như sau: Nối hai đầu cột cái với nhau là một câu đầu, đỡ hai đầu câu đầu là 2 đầu dư chạm khắc tinh xảo hình đầu rồng. Đầu

dư đỡ dạ câu đầu, thân ăn mộng vào đầu cột cái, dạ câu đầu được soi gờ chỉ trang trí đề tài lưỡng long chầu nhật. Trên lưng câu đầu là một phiến đá nguyên khối hình một tam giác cân, đỉnh tam giác đỡ thượng lương, hai cạnh huyền có khoét các ổ đỡ hoành mái, cạnh đáy được khoét một khoảng trống ở giữa tạo độ thoáng cho bức cốn. Trên các cốn mê để trơn không trang trí hoa văn. Đỡ vì mái là hệ thống cột đá vuông to và cao (*kích thước 6,58m x 0,30m*). Trên hai cột sau gian giữa được chạm khắc câu đối chữ Hán ngợi ca Ngọc Hoàng Thượng Đế. Các cột cái gian bên được dựng bằng đá áp sát vào tường bao. Mái tòa Hậu cung được làm cao hơn so với mái của hai tòa Tiền tế và Ống muống. Do vậy, vì nóc và vì nách phía sau được làm cao hơn vì nách phía trước để ăn khớp với mái Ống muống.

Trung tâm Hậu cung đặt một nhang án thờ bằng đất nung có dạng hình hộp chữ nhật. Nhang án được cấu tạo bởi nhiều khối đất nung khác nhau gắn kết khít lại để tạo thành một nhang án hoàn chỉnh. Toàn bộ nhang án cao 1,10m, mặt bệ dài 2,78m, rộng 0,82m. Nhìn tổng thể, nhang án được chia làm 4 phần: Phần đài sen, phần thân, phần chân, phần đế. Đài sen được kết cấu bởi hai lớp cánh ngửa tạo cho phần trên hơi loe, phần dưới thắt lại. Phần thân bệ nhỏ thót lại, đây là phần có kích thước nhỏ nhất nhưng lại tập trung nhiều đề tài và hoa văn trang trí nhất. Toàn bộ thân bệ dài 2,52m, rộng 0,6m chạm nổi hình rồng chín khúc mềm mại chầu lá đề. Chân bệ được ngăn cách với thân bởi một đường gờ nổi to nhô ra. Phần chân chia làm ba ô dạng chữ nhật, trang trí hình hoa dây. Phần đế bệ to rộng theo kiểu chân quỳ với mặt ngoài khum. Phần đế vừa có tác dụng chịu lực, vừa tạo cho toàn bộ bệ một khối hình hoàn chỉnh.

Trên nhang án đặt một khám thờ sơn son thiếp vàng, trang hoàng lộng lẫy. Khám được bưng kín ba mặt. Mặt trước diềm cửa khám trang trí đề tài lưỡng long chầu nhật, xung quanh trang trí đề tài tứ linh, tứ quý. Trong khám bài trí tượng thờ Tam Thanh Lục Ngự bao gồm:

- Lớp thứ nhất: Bộ tượng Tam Thanh

+ Ngọc Thanh Thánh Cảnh Đại La Nguyên Thuỷ Thiên Tôn.

+ Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn.

+ Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn, cũng chính là Thái Thượng Lão Quân, giáng thân Lão Tử là Tổ Đạo Giáo.

- Lớp thứ hai: Bộ tượng Lục ngự

+ Hạo Thiên Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng đế.

+ Câu Trần Thượng Cung Thiên Hoàng Đại đế.

+ Trung Thiên Tử Vi Bắc Cực Đại đế.

+ Thừa Thiên Hiệu Pháp Hậu Thổ Hoàng Địa Kì (Thổ Công).

+ Thần Tiêu Chân Vương Trường Sinh Đại Đế.

+ Đông Cực Thanh Huyền Thượng Đế (Thái Ất Thiên Tôn).

Hai gian bên tòa Hậu cung là nơi đặt hai pho tượng Thiên Lôi (thần sấm và thần sét) được tạo tác đứng trên bệ đất nung với dáng vẻ đường bệ, uy nghiêm. Tượng mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII.

1.5. Hai dãy Giải vũ

Nằm đối diện nhau hai bên sân đền, mỗi bên gồm 09 gian được trùng tu lại vào năm 2018 với kiến trúc theo kiểu tường hồi bít đốc.

Hai dãy Giải vũ đền An Xá được dùng là nơi sắp lễ, sửa soạn y phục trước khi vào đền chính. Mỗi dãy Giả vũ dài 23,92m, cao 4,8m. Nền nhà lát gạch (20cm x 20cm), nền có cao độ cao hơn sân 0,5m. Phần mái được lợp bằng ngói mũi hài. Hệ thống tường bao xung quanh ba phía phủ vữa áo lên đến dạ tầu mái. Phía trước là hệ thống cửa gỗ được tạo tác theo kiểu "Thượng song hạ bản" để đón ánh sáng từ bên ngoài. Giải vũ có lòng hẹp với kết cấu hai hàng chân cột, hàng cột cái phía trong gối trực tiếp lên tường bổ trụ. Hệ thống vì nóc được làm theo kiểu "*con chồng đấu kê*". Kết cấu cụ thể như sau: Trên cùng là thượng lương, đỡ thượng lương là một đấu hình thuyền, mặt đấu trang trí chữ thọ. Đấu này được đặt trực tiếp lên con rường thứ nhất thông qua dép nóc, hai đầu rường đỡ hoành mái, dạ rường tỳ lực lên con rường phía dưới (là rường cánh). Rường cánh một đầu đỡ hoành mái, đầu kia ăn mộng vào thân cột trốn đặt trên lưng câu đầu qua hai đấu kê hình thuyền. Câu đầu được bào trơn đóng bén, soi gờ chỉ, đứng trên hai trụ trốn tỳ lực xuống quá giang. Quá giang ăn mộng vào đầu hai cột cái dồn lực xuống nền nhà gánh sức nặng của toàn bộ mái nhà. Ở đây, kết cấu đỡ hiên sử dụng các bẩy chéo có kích thước như nhau, một đầu ăn mộng vào thân cột cái tạo thành nghé đỡ dạ quá giang, đầu kia vươn ra đỡ tầu mái. Trên lưng bẩy có ván dong đỡ các hoành mái, thân bẩy trang trí hoa lá, vân mây.

2. Di tích Đình Vô và Đình Căn

2.1. Đình Vô

Đình Vô toạ lạc trên mảnh đất cao ráo, thoáng mát nằm cách khu đền chính chừng 200m. Đình là nơi tôn thờ Đức Ông Lỗ Quốc chúa Võ Đại vương - một trong Ngũ Lão Tiên Ông, có công diệt trừ hổ ác, dựng Thụy ứng quán. Đình Vô được khởi dựng từ sớm qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo. Hiện nay, đền mang đậm phong cách kiến trúc thời Nguyễn, với bố cục mặt bằng tổng thể hình chữ Đinh gồm: 03 gian Đại bái và 01 gian Hậu cung. Mặt tiền đình quay hướng Nam. Các cấu kiện kiến trúc đều được làm từ vật liệu gỗ còn đồng bộ và vững chắc.

Tòa Đại bái đình gồm 03 gian, kết cấu kiểu bốn hàng chân cột. Mái lợp ngói mũi hài, đường bờ nóc xây thẳng, trung tâm bờ nóc đắp hình tượng lưỡng long chầu nhật. Cuối đường bờ nóc là hai đấu vuông thót đáy. Mặt trước tòa Đại bái

lắp hệ thống cửa gỗ theo kiểu "*bức bàn*" để trơn không trang trí hoa văn. Hệ thống vì nóc tòa Đại bái đều được làm theo kiểu "*chồng rường đấu kẻ*". Đỡ dưới câu đầu là hai đầu đư chạm hình rồng. Các con rường được chạm khắc hoa văn và soi gờ chỉ trang trí, câu đầu được bào trơn không có trang trí. Vì nách Đại bái đều làm theo kiểu "*bán chồng rường*". Phần trang trí tập trung nhất của Đại bái là gian trung tâm với việc bài trí nhiều đồ thờ tự mang giá trị tôn nghiêm. Đây là nơi đặt ban thờ Đức Ông Lỗ Quốc chúa Võ Đại vương. Phía trên treo bức đại tự đề 3 chữ Hán "*Thiên địa giải*". Phía dưới là bức cửa võng, sơn son thiếp vàng chạm thủng đề tài cửu long tranh châu. Trên ban thờ bài trí ngai thờ Đức Ông Lỗ Quốc và các vị thần tiên cùng một số đồ thờ tự: Bát hương, chân nến, đỉnh đồng,...

Tiếp nối với gian trung tâm tòa Đại bái về phía sau là Hậu cung đình gồm 01 gian. Tòa nhà này được làm theo kiểu tường hồi bít đốc. Bộ vì nóc tòa Hậu cung được làm theo kiểu "vì kèo" đơn giản. Toàn bộ phần mái Hậu cung được đặt trực tiếp lên hệ thống tường bao xung quanh và được lợp ngói mũi hài. Hậu cung là nơi đặt khám thờ, bên trong là tượng Đức Ông Lỗ Quốc. Khám được tạo tác bằng gỗ, sơn son thiếp vàng, diềm cửa khám trang trí đề tài lưỡng long chầu nhật. Tượng Đức Ông được tạo tác trong tư thế ngồi trên bục, đầu đội mũ cánh chuồn, hai tay để trên lòng đùi, tay phải cầm bút, chân đi hia.

Ngoài ra, nằm cạnh đình Vô còn có miếu Đống Câu thờ Đức Ông Tiên Bồng Đô Nguyên Súy - người có công giúp Đức Ông Lỗ Quốc cùng mẹ con nhà khó diệt trừ hổ dữ.

2.2. Đình Căn

Đình Căn toạ lạc trên mảnh đất cao ráo, thoáng đãng nằm cách khu đền chính chừng 500m. Đình là nơi tôn thờ Đức Ông Đại Phạm và Thiên Tiên. Trong những năm 1951 - 1952, hai ngôi đình thôn Bến và đình thôn Mới đã bị bom giặc Pháp phá hủy. Do vậy, chính quyền và Nhân dân địa phương đã chuyển bài vị và tượng của: Đức Ông Ngũ Lôi và Địa Tiên (thờ tại đình Bến) và Đức Ông Lý Vực Trần Quân Đại vương (thờ tại đình Mới) về thờ tự tại Đình Căn cùng Đức Ông Đại Phạm và Thiên Tiên. Đình Căn tương truyền được khởi dựng từ sớm, trùng tu vào thời Nguyễn. Đình có bố cục mặt bằng tổng thể hình chữ Nhị gồm: Đại bái và Hậu cung. Các cấu kiện và thành phần kiến trúc tại đình còn đồng bộ, vững chắc mang đậm phong cách mỹ thuật thời Nguyễn. Mặt tiền đình quay hướng Tây Bắc.

Từ ngoài vào, qua khoảng sân rộng lát gạch là đến tòa Đại bái. Đại bái Đình Căn là hạng mục kiến trúc gồm 05 gian. Mái Đại bái lợp ngói mũi hài, đường bờ nóc xây thẳng trên phủ vữa áo. Cuối đường bờ nóc là hai đấu vuông thót đáy. Phía trước Đại bái là hai cột đồng trụ, đỉnh đắp đôi nghê chầu vào nhau. Mặt nền lát gạch đỏ, mạch chữ công. Ngăn cách giữa lòng nhà và hiên là hệ thống cửa được tạo tác theo kiểu "*bức bàn*". Phía sau 03 gian giữa tòa Đại bái để thông phong với tòa Hậu cung, hai gian còn lại xây tường kín lên tới dạ tầu mái. Hệ thống vì nóc

tòa Đại bái được tạo tác theo kiểu "*vì ván mê*" ở ba gian giữa và "*vì kèo*" ở hai gian hồi. Vì nách làm kiểu "*vì ván mê*", trên các ván mê trang trí đề tài hoa văn lá lật, triện rút. Các bộ vì được đặt trên hệ thống cột gỗ vuông, đứng trên chân tảng bằng đá xanh.

Gian trung tâm tòa Đại bái là nơi đặt ban thờ Đức Ông Đại Phạm - một trong Ngũ Lão Tiên Ông. Phía trên treo bức đại tự đề 3 chữ Hán "*Thiên địa chấn*". Phía dưới là bức cửa võng, sơn son thiếp vàng chạm thủng đề tài cửu long tranh châu. Trên ban thờ bài trí ngai thờ Đức Ông Đại Phạm và các vị thần tiên cùng một số đồ thờ tự: Bát hương, chân nến, đỉnh đồng,... Hai gian hồi tòa Đại bái là nơi đặt hai cỗ kiệu long đình được sơn son thiếp vàng, trang hoàng lộng lẫy dùng để rước các Ngài khi làng vào đám.

Hậu cung Đình Căn là một tòa nhà gồm 03 gian, được làm theo kiểu tường hồi bít đốc. Bộ vì nóc tòa Hậu cung được làm theo kiểu "vì ván mê", trên ván mê để trơn không trang trí hoa văn. Toàn bộ phần mái Hậu cung được đặt lên hệ thống cột vuông đứng trên chân tảng bằng đá xanh. Mái lợp ngói mũi hài. Gian giữa Hậu cung là nơi đặt khám và tượng thờ Đức Ông Đại Phạm. Gian bên trái (theo hướng đình) là nơi đặt khám và tượng thờ Đức Ông Lý vực Trần Quân Đại vương. Gian bên phải là nơi đặt khám và tượng thờ Đức Ông Ngũ Lôi.

3. Các hạng mục công trình khác

Ngoài khu đền chính có quy mô, bố cục to lớn, hiện trong và ngoài khuôn viên di tích đền An Xá còn có một số các hạng mục công trình kiến trúc là nơi thờ Ngũ Lão Tiên Ông và những người có công tiêu diệt hổ dữ. Họ là các chư thần có công từ thuở ban đầu khẩn hoang, lập địa, dựng quán thờ như: Đền Hạ, đền Thiên Quan, Đình Căn, đình Vô,... Tất cả các di tích này đều nằm trên cùng địa phận thôn An Xá, có giá trị lịch sử, văn hóa lớn, phản ánh sự ra đời, hình thành và phát triển của vùng đất An Xá trong một giai đoạn lịch sử dài, và liên quan trực tiếp tới sự ra đời của ngôi đền An Xá ngày nay. Đồng thời, có mối quan hệ và sự liên kết chặt chẽ với nhau, tạo thành một quần thể di tích vô giá mà ngôi đền An Xá là trung tâm.

3.1. Đền Hạ

Là hạng mục công trình nằm tiếp giáp với hồi phải đền Thượng. Đền là nơi thờ Đức ông Dương Huyền Lôi Công Đại vương - người anh Cả trong Ngũ Lão Tiên Ông. Đền Hạ được khởi dựng từ sớm, trùng tu, tôn tạo lớn vào thời Nguyễn. Hiện tại, đền có bố cục mặt bằng tổng thể hình chữ Đinh gồm: Tiền Tế và Hậu cung. Các cấu kiện kiến trúc đều được làm bằng gỗ tứ thiết.

Tiền tế đền Hạ có kiến trúc gồm 03 gian 02 chái *(kích thước 11,1m x 6,85m*) xây kiểu tường hồi bít đốc. Phần móng được làm bằng đá xanh ở phía trước và gạch chỉ ở 3 phía còn lại. Mặt nền cao hơn sân 0,25m và được lát gạch bát 20cm x 20cm mạch chữ công. Ở phía trước bên phải có một cột đồng trụ to, trên đỉnh cột cũng đắp hình nghê chầu vào đến chính như đền Mẫu. Hai đầu bờ nóc Tiền tế có đấu nắm cơm và

triện tầu đứng trên bờ nóc. Mái lợp ngói Di truyền thống. Bao che xung quanh đền Hạ là tường xây gạch trát vữa, phía trước Tiền tế có hệ thống cửa được tạo tác theo kiểu "*Thượng song hạ bản*", phía sau gian giữa để trống thông với tòa Hậu cung. Nâng đỡ phần mái tòa Tiền tế là các bộ vì và hệ thống cột gỗ đặt trên chân tảng đá. Hệ thống các bộ vì nóc được tạo tác theo kiểu "*chồng rường giá chiêng*", vì nách làm kiểu "*bán chồng rường*". Các con rường được chạm khắc hoa văn và soi gờ chỉ. Đền Hạ sử dụng bẩy chéo để đỡ hiên. Đầu bẩy đỡ tàu mái, thân bẩy được chạm khắc hình rồng kiểu "*hồi long*" ở hai gian giữa và hình lá hoá rồng ở các gian bên với kỹ thuật chạm lộng tinh xảo.

Trung tâm tòa Tiền tế là nơi đặt ban thờ Đức ông Dương Huyền Lôi Công Đại vương. Phía trên ban thờ treo bức đại tự đề 3 chữ Hán "*Hội đồng từ*", phía dưới là bức cửa võng sơn son thiếp vàng, chạm thủng đề tài tứ linh, tứ quý vô cùng sinh động. Dưới cùng là một nhang án thờ, trên nhang án bài trí ngai thờ Đức ông Dương Huyền Lôi Công Đại vương và các vị thần tiên. Hai bên nhang án treo đôi câu đối lòng máng đề chữ Hán ca ngợi công lao to lớn của Đức Ông Dương Huyền.

Hậu cung đền Hạ gồm 01 gian có kích thước dài 3,5m x 3,15m được tạo tác theo kiểu "*vì kèo*" đơn giản đứng trên lưng quá giang, quá giang đứng chân trên tường bao 2 bên. Hai đầu bờ nóc Hậu cung đắp đấu chặn, mái được lợp ngói Di truyền thống, ba mặt Hậu cung xây tường bao đến dạ tầu mái. Hậu cung là nơi đặt khám thờ và tượng Đức ông Dương Huyền Lôi Công Đại. Tượng được tạo tác bằng gỗ trong tư thế ngồi trên bục, đầu đội mũ cánh chuồn, áo thụng thắt đai, hai tay để trên lòng đùi, nét mặt tươi vui.

3.2. Đền Thiên Quan

Đền Thiên Quan (hay còn gọi là đền Công đồng) nằm bên phải Tam quan. Đền là nơi tôn thờ Đức ông Thiên Quan. Trước cửa đền có giếng tròn, nước giếng thường được dùng ngâm gạo nếp để nấu xôi, đóng oản thờ vào mỗi dịp lễ tết và lễ hội của đền. Đền có bố cục mặt bằng hình chữ Đinh gồm: Tiền tế và Hậu cung. Các cấu kiện kiến trúc đều được làm từ vật liệu gỗ còn đồng bộ và vững chắc.

Tiền tế đền Thiên Quan gồm 03 gian, kết cấu kiểu bốn hàng chân cột. Mái lợp ngói Di truyền thống, đường bờ nóc xây thẳng, trung tâm bờ nóc đắp hình hổ phù ngậm chữ Thọ đội mặt trời. Cuối đường bờ nóc là hai con kìm ngậm đầu bờ nóc. Trên các khúc nguỷnh bờ dải đắp con xô, đầu đao đắp hình rồng mớm phượng và lá lật. Mặt trước Tiền tế lắp hệ thống cửa gỗ theo kiểu "*Thượng song hạ bản*" để thông thoáng và lấy ánh sáng cho không gian bên trong của di tích. Hệ thống vì nóc chính tòa Tiền tế đều được làm theo kiểu "*chồng rường đấu kẻ*". Đỡ dưới câu đầu là hai đầu đư chạm hình rồng. Các con rường được chạm khắc hoa văn và soi gờ chỉ trang trí, câu đầu được bào trơn không có trang trí. Vì nách Tiền tế đều làm theo kiểu "*bán chồng rường*". Các con rường được chạm khắc hoa văn và soi gờ chỉ.

Gian trung tâm tòa Tiền tế là nơi đặt ban thờ Đức ông Thiên Quan. Phía trên ban thờ treo bức đại tự đề 3 chữ Hán "*Thiên quan từ*", phía dưới là bức cửa võng sơn son thiếp vàng, chạm thủng đề tài tứ linh, tứ quý vô cùng sinh động. Dưới cùng là một nhang án thờ, trên nhang án bài trí ngai thờ Đức ông Thiên quan và các vị thần tiên. Hai bên nhang án treo đôi câu đối lòng máng đề chữ Hán ca ngợi công lao to lớn của Đức Ông Thiên quan.

Hậu cung đền Thiên Quan gồm 01 gian, nền Hậu cung cao hơn nền Tiền tế 0,2m và được lát gạch chỉ. Đường bờ nóc xây thẳng, trên phủ vữa áo, hai đầu bờ nóc Hậu cung đắp đấu nắm cơm, mái lợp ngói Di truyền thống. Hệ thống vì nóc Hậu cung làm kiểu "*vì kèo*" đơn giản, không trang trí hoa văn. Hậu cung là nơi đặt khám thờ và tượng Đức ông Thiên Quan. Tượng được tạo tác bằng gỗ trong tư thế ngồi trên bục, đầu đội mũ cánh chuồn, áo thụng thắt đai, hai tay để trên lòng đùi.

3.3. Đền Mẫu

Nằm bên trái cổng Tam quan đền, đối diện với đền Thiên Quan. Đền Mẫu là hạng mục công trình được khởi dựng từ sớm, đến thời Nguyễn đền đã được Nhân dân địa phương và một người phụ nữ tại làng Nội Thượng cúng tiến tiền của tu sửa lại ngôi đền. Năm 1980, đền Mẫu đã bị bão đánh sập. Năm 2018, ngôi đền được trùng tu, tôn tạo khang trang, tố hảo như ngày nay. Hiện tại, đền Mẫu có bố cục mặt bằng tổng thể hình chữ Đinh gồm: Tiến tế và Hậu cung được làm theo kiểu tường hồi bít đốc tay ngai.

Tiền tế đền Mẫu là một tòa nhà gồm 03 gian, nền nhà lát gạch vuông (30cm x 30cm) hạ dần xuống sân qua một bậc thềm. Phần mái lợp ngói mũi hài. Đường bờ nóc xây thẳng bằng gạch, phủ vữa áo tạo những đường gờ chạy song song. Cuối đường bờ nóc là hai đấu vuông thót đáy, đường bờ nóc và bờ dải để trơn không trang trí hoa văn. Mặt trước tòa Tiền tế có hệ thống cửa được làm theo lối "*thượng song hạ bản*". Ba mặt còn lại xây tường bao kín lên đến dạ tầu mái. Hệ thống vì nóc được làm theo kiểu "*chồng rường giá chiêng*". Các con rường đều được tạo tác to khỏe làm nhiệm vụ đỡ hoành mái, tạo sự vững chắc cho toàn bộ mái nhà. Các bộ vì nách làm kiểu "*bán chồng rường*". Phần trang trí tập trung nhất của tòa Tiền tế là gian trung tâm, nơi đặt ban thờ tam tòa Thánh Mẫu. Phía trên treo bức đại tự đề 4 chữ Hán "*Thánh Mẫu từ*". Phía dưới đặt ban thờ Tam toà thánh Mẫu và Ngũ vị tôn ông. Hai gian bên là nơi đặt ban thờ Trần Triều và ban thờ Bà chúa Sơn Trang được trang hoàng uy nghi, lộng lẫy.

Hậu cung đền Mẫu gồm 02 gian, vì nóc làm kiểu "*vì kèo*" đơn giản, không trang trí hoa văn. Hậu cung là nơi đặt khám thờ và tượng Thánh Mẫu được tạo tác bằng gỗ trong tư thế ngồi trên bục.

3.4. Đền Kỷ niệm

Là hạng mục công trình nằm tiếp giáp hồi trái đền chính. Đền được khởi dựng từ sớm, trùng tu, tôn tạo lớn vào thời Nguyễn năm 1937 - 1938. Toàn bộ các cấu

kiện kiến trúc: hoành, rui, xà, các bộ vì được lấy từ hai tòa Ống muống và Hậu cung đền chính. Đền Kỷ niệm là nơi thờ những người đã đứng ra hưng công xây dựng, trùng tu, tôn tạo ngôi đền như cụ Thông Huân, Lê Đình Trân, Phạm Công Kim Bảng,... Đền có kết cấu kiến trúc hình chữ Đinh gồm: 03 gian Tiền Tế và 01 gian Hậu cung. Hệ thống các bộ vì nóc được tạo tác theo kiểu "*con chồng đấu kê*" còn đồng bộ và vững chắc.

4. Nghệ thuật chạm khắc trang trí trên kiến trúc

Hầu hết các hạng mục tại đền An Xá đều có trang trí trên các cấu kiện kiến trúc. Các chạm khắc trang trí tại đền chủ yếu mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn với nhiều đề tài trang trí trên kiến trúc làm cho ngôi đền trở nên sinh động và đạt giá trị kiến trúc nghệ thuật đỉnh cao trong nền nghệ thuật thời Nguyễn. Trong những trang trí trên cấu kiện kiến trúc đền An Xá thì hình tượng linh vật rồng là chủ đạo trong các mảng chạm, ngoài ra còn có các trang trí như tứ linh tứ quý, lá lật, vân xoắn,... Các trang trí ở đây tập trung nhiều trên các thành phần cấu kiện kiến trúc, làm nên vẻ đẹp hoàn mỹ của công trình.

4.1. Tòa Tiền tế

Hiện nay, trang trí trên kiến trúc tòa Tiền tế chủ yếu gồm ba đề tài chính: linh vật, lá lật và vân xoắn mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX và XX.

a) Hình tượng linh vật

- *Rồng*: tại tòa Tiền tế đền linh vật rồng được chạm khắc rõ nét nhất trên các bức cốn vì nách phía sau hai bộ vì gian giữa. Lúc rồng được thể hiện riêng lẻ chiếm trọn cả mảng chạm, khi thì đi cùng với các linh vật phượng, rùa, long mã để hợp thành bộ tứ linh trọn vẹn. Hình tượng rồng được thể hiện mang đặc trưng của rồng thời Nguyễn với bộ mặt hung dữ, mũi to, mắt lồi, trên đầu có nhiều gai sắc nhọn, có các đuôi tóc bay ngược ra phía sau. Thân mập, khỏe, vảy lớn, chân đang trong tư thế bò nổi rõ bốn móng như móng chim, vây lưng lớn. Rồng được chạm nổi phần thân, phần đầu được chạm theo lối bong kênh.

Đặc biệt nhất là hệ 12 đầu dư chạm rồng tại tòa Tiền tế. Với kỹ thuật chạm lộng tinh vi khiến cho bức chạm này nổi bật trong các cấu kiện kiến trúc. Phần chính của đầu dư thể hiện một đầu rồng với tóc dài uốn cong mềm mại bay về phía sau đỡ lấy dạ câu đầu to lớn, phần thân của cấu kiện này ăn mộng vào đầu cột cái, phần đuôi dư là một bộ phận của vì nách được chạm đuôi rồng. Những đầu dư này có phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX.

Trên các bẩy hiên phía trước gian giữa Tiền tế. Rồng được chạm theo kiểu hồi long với kỹ thuật chạm kênh bong, mang phong cách nghệ thuật đầu thế kỷ XIX. Ngoài ra, còn có nhiều mảng chạm tứ quý hoá rồng, lá lật hoá rồng được thể hiện ở đầu bẩy phía trước các gian bên.

- *Nghê*: Được thể hiện ít hơn, xuất hiện trên mảng cốn gian giữa vì nách và

trên các bẩy hiên cùng với linh vật rồng. Ở đây, hình tượng nghê được thể hiện dưới dạng nhìn ngiêng tại các mảng chạm vì nách Đại bái với: đầu rồng, thân ngựa, vảy giống vảy rồng, chân hươi, móng ngựa, mắt quỷ, miêng lang, tai thú, trán lạc đà, cổ rắn. Nghê là linh vật kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Tại các bẩy hiên con nghê được thể hiện ở vị trí ngoài cùng của đầu bẩy nơi đỡ tầu mái. Với kỹ thuật chạm lộng kênh bong cùng với phong cách chạm rồng, linh vật nghê mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX.

- *Rùa*: Xuất hiện cùng bộ trong mảng chạm thể hiện tứ linh. Ngoài ý nghĩa

cầu sự dài lâu và sự chịu đựng, người Việt còn quan niệm rùa là sự hiện thân của đất trời với phần bụng thẳng tượng trưng cho đất, phần mai khum tròn tượng trưng cho trời. Như vậy rùa cũng là một hợp thể trong quan hệ đối đãi của trời cha đất mẹ. Trên các mảng chạm đền An Xá, rùa đi cùng với sen, ở mảng chạm trên cốn thể hiện con rùa lúc thì ẩn mình dưới lớp lá sen, lúc thì ẩn mình dưới những cuộn sóng nước.

- *Chim phượng*: Đan xen hình tượng rồng và nghê là hình tượng con chim phượng được chạm khắc trong tư thế đang bay, hai cánh dang rộng, mỗi cánh có từ bốn đến năm chiếc lông lớn, xen kẽ là những chiếc lông ngắn hơn. Chim phượng được tạo tác với mỏ vẹt, thân chim, cổ rắn, đuôi công, móng chim cứng. Với ý nghĩa đầu đội công lý, mắt là mặt trời, mặt trăng, lưng cõng bầu trời, lông là cây cỏ, cánh là gió, đuôi là tinh tú, chân là đất, vì thế phượng tượng trưng cho cả vũ trụ, cho trời đất với tư cách vận chuyển cả bầu trời mỗi khi phượng hoàng bay là cả vũ trụ đang chuyển động.

b) Trang trí Kìm nóc: tại đền An xá con kìm có dạng đầu rồng há miệng ngậm bờ nóc, không có thân, đuôi là một vân xoắn có dạng dấu hỏi "?" ngược lớn chạy từ đầu vươn ra phía sau.

c) Tạo hình Hổ phù: được đắp tại vị trí trung tâm của đường bờ nóc trong tư thế cõng mặt trời, miệng ngậm chữ Thọ với các hoa văn mây xoắn và các đao lửa đang bốc lên. Hổ phù trên nóc mái đền được tạo tác với mắt quỷ tròn, mũi sư tử, miệng nhe, răng lớn, tóc xoắn đuôi nheo, sừng nai, tai thú, má bạnh, hàm mở rộng ngậm chữ Thọ. Hai chân bành ra hai bên ôm chặt lấy đường bờ nóc. Hình tượng hổ phù ở đây đã được các nghệ nhân khéo léo tô đắp với các bộ phận như hằn khối phần nào cho thấy sức mạnh và sự hung dữ của chúng. Đồng thời, còn tượng trưng cho sức mạnh và quyền uy tuyệt đối của vị thần được thờ trong đền.

d) Họa tiết lá lật: Được chạm khắc nhiều trên các cấu kiện kiến trúc. Đề tài này được chạm trên hầu hết các cấu kiện như: xà nách, con rường và trên đầu bẩy hiên phía trước. Lá lật được thể hiện bằng kỹ thuật chạm lộng với những đường nét mềm mại, sắc xảo. Những cấu kiện này là sản phẩm của những đợt tu sửa về sau mang phong cách thế kỷ XX.

e) Họa tiết vân xoắn: Được thể hiện trên đầu của các con rường vì nóc, vì

nách. Vân xoắn bắt đầu từ đường soi trên thân rường đến điểm đỡ hoành mái thì biến thể thành một vòng xoáy từ dưới lên rồi thu nhỏ dần ở điểm cuối và kết thúc. Ở một số con rường còn có các lá lật nhỏ mọc ra từ cạnh của các vân xoắn. Các con rường mang phong cách nghệ thuật sớm đều chỉ chạm vân xoắn, còn những con rường được chạm thêm lá lật là những cấu kiện được thay thế trong các đợt trùng tu sau này mang phong cách thế kỷ XX.

4.2. Tòa Ống muống

Ống muống có kết cấu chịu lực chính chủ yếu bằng vật liệu đá. Nhiều cấu kiện kiến trúc được chạm khắc trang trí công phu, tỷ mỷ làm cho chúng trở nên mềm mại, nhẹ nhàng hơn so với đặc tính nặng nề vốn có. Hầu hết các chạm khắc ở đây tập trung thể hiện các mô típ như: tứ linh, tứ quý, ngũ phúc, triện tầu, lá lật và cây cỏ. Những đề tài này được chạm lồng ghép với nhau trên các cấu kiện, tuỳ theo mỗi cấu kiện người nghệ nhân xưa đã sử dụng những hoa văn khác nhau. Sự kết hợp này khá nhuần nhuyễn và tạo nên một tổng thể tạo hình nhất quán hợp lý trên cùng một công trình kiến trúc, góp phần vào việc mở rộng hơn nữa về ngôn ngữ nghệ thuật trang trí thời Nguyễn nói riêng, trong mạch nguồn nền mỹ thuật truyền thống dân tộc nói chung.

Đáng chú ý hơn cả là trên các cột đá đều chạm nổi hình rồng đang trong tư thế uốn lượn bay lên giữa những đám mây mềm mại. Mỗi gian của Ống muống, trên các cốn mê đều chạm khắc dầy đặc những họa tiết hoa văn sinh động. Tiêu biểu, trên cốn mê vì nóc gian trong cùng, giáp tòa Thượng điện chạm khắc công phu hình tượng hổ phù ngậm chữ Thọ. Hổ phù ở đây được thể hiện nổi khối tại trung tâm vì nóc. Hổ phù là một con vật thiếu thốn chỉ có đầu và hai tay trước. Hổ phù với mắt quỷ tròn, mũi sư tử, miệng nhe, răng lớn, tóc xoắn đuôi nheo, sừng nai, tai thú, má bạnh, hàm nở rộng ngậm chữ Thọ. Hai chân hổ phù bành ra hai bên bám chặt vào những đám mây. Hổ phù được tạo tác hằn khối nhằm biểu hiện sự hung dữ và sức mạnh của mình, sức mạnh của vị thần được thờ tự tại di tích.

Hình tượng chim phượng cũng được thể hiện riêng lẻ trên cao của mảng chạm vì nóc gian giữa Ống muống hay những hàng triện tàu lá giắt hòa nhập cùng với các đề tài: rồng bay lên, rồng cuốn thủy, rồng cuốn mây, hàng cánh sen, bầu rượu, túi thơ, phượng hàm thư, bàn cờ và các hoa lá rất sinh động mang yếu tố văn hóa Đạo giáo. Tất cả hòa quyện vào nhau làm nên một tổng thể liên kết, hài hòa giữa trang trí và hình khối thẩm mỹ của kiến trúc.

4.3. Tòa Hậu cung

Giống như tòa Ống muống, hầu hết các cấu kiện tại Hậu cung đền Thượng đều được làm từ vật liệu đá. Các cấu kiện kiến trúc tại đây không được chạm khắc trang trí nhiều, chỉ có hai cột cái gian giữa phía sau được khắc chữ Hán và vân mây bằng kỹ thuật khắc chìm. Phần cổ diêm ngăn cách giữa hai tầng mái phía trước được chia ô chạm khắc hình rồng, chim phượng và các biểu tượng thiên

nhiên bằng kỹ thuật chạm nông, chạm nét tinh xảo, mềm mại.

Hai cửa ngách phía ngoài chạm khắc hình tượng chim phượng trong tư thế cất cánh bay lên. Phần tường bao phía trước được làm bằng đá nguyên khối, chạm nổi hình tượng chim hạc đứng trên lưng rùa, rơi ngậm chữ Thọ. Từ bao đời nay, dơi chiếm một vị trí khá quan trọng trong trang trí, nó là biểu tượng của ấm no, hạnh phúc và trở thành một trong tám con vật thiêng (bát vật) của nghệ thuật phong kiến Việt trong nhiều thế kỷ.

5. Di vật tiêu biểu

Ngoài những giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, đền An Xá còn là nơi lưu giữ được nhiều di vật tiêu biểu có giá trị đặc sắc, hiếm có bằng nhiều các chất liệu khác nhau: Tháp đất nung, nhang án đất nung, bia đá, khánh đá, chuông đồng,... Đây là nguồn tư liệu quý góp phần không nhỏ trong việc nghiên cứu, nhìn nhận, tìm hiểu và đánh giá về lịch sử hình thành và phát triển của ngôi đền.

Tháp đất nung: Tại sân đền An Xá hiện còn lưu giữ được một tòa tháp cổ bằng đất nung. Người dân trong vùng vẫn quen gọi tên tháp là tháp Cửu Trùng. Đây là một trong hai ngôi tháp cổ bằng đất nung hiếm hoi hiện còn lại đến nay trên cả nước cùng với ngôi tháp Bình Sơn (dựng tại chùa Vĩnh Khánh, tỉnh Vĩnh Phúc). Tuy nhiên, tháp Bình Sơn là ngôi tháp đất nung của Phật giáo còn tháp tại đền An Xá là ngôi tháp đất nung duy nhất của Đạo giáo còn tồn tại đến ngày nay.

Theo lời kể của các cụ cao niên trong làng, ngôi tháp đất nung tại đền An Xá được khởi dựng vào khoảng thời Trần, sau khi vua Trần Anh Tông gả con gái là Huyền Trân công chúa cho vua Chămpa, vua Chămpa đã cho thợ chuyên chở vật liệu ra đền dựng tháp. Đến năm Đinh Mùi niên hiệu Cảnh Trị thứ 5 (1667), ngôi tháp đã được trùng tu (dấu vết còn được ghi lại trên thân tháp). Về hình dáng tháp cao 4,2m, được cấu tạo với bình đồ hình vuông (mỗi cạnh rộng 1,97m) nhỏ dần về ngọn. Tháp cao 13 tầng có màu nâu đỏ, chia làm 03 phần: Đế tháp, thân tháp và ngọn tháp. Mỗi phần đều trang trí các họa tiết hoa văn phong phú và đa dạng với nhiều đề tài khác nhau.

Đế (đáy) tháp: Có chu vi khoảng 8m, được đặt trên một bệ đá (nay đã chìm sâu hơn cos của nền sân khoảng 30-35cm). Bốn góc của đế tháp là bốn hình người ngồi dưới dạng của một lực sỹ nâng hai tay nâng đỡ thân tháp. Phần thân đế bệ được lắp ghép bằng các viên gạch hình vuông, bên trong là hình tròn trang trí hình rồng uốn lượn. Phần cạnh mặt bệ là những viên gạch trang trí hình cánh sen dẹt, gần như vuông. Trong các cánh sen to lồng các cánh sen nhỏ, tầng cánh sen dưới ôm khít tầng cánh sen trên hài hòa và sinh động, nhìn xa như một đài sen đang khai mãn.

Thân tháp: Chia thành các tầng, mỗi tầng đều có tứ mái lợp ngói sư, bốn góc tạo hình cong mũi hài mềm mại, duyên dáng, đặc biệt đầu mỗi viên ngói trang

trí hình bông cúc mãn khai. Mỗi tầng tháp đều trổ cửa nhìn ra bốn phía theo lối kiến trúc cuốn tò vò, càng lên cao các tầng càng thu hẹp dần. Trên một số viên gạch có ghi chữ Hán, đánh dấu số thứ tự, điều này cho thấy những viên gạch xây trên tháp đã được khắc, rạch và đánh dấu trước khi nung. Cũng như xây dựng ở các kiến trúc gạch, đá cổ khác, ở đây các nghệ nhân đã dùng những những viên gạch được nung với độ lửa cao. Để cho các viên gạch có thể đứng với nhau theo một chiều cao dựng đứng, những người xây dựng tháp đã sáng tạo những phương pháp lắp ghép khá độc đáo, dùng mộng én và keo kết dính tạo thành một khối thống nhất, vững chắc khi để ngoài trời.

Toàn thân tháp trang trí kín đặc các hình hoa văn vô cùng phong phú và đa dạng với nhiều loại họa tiết khác nhau như sự hội tụ của nhiều dòng chảy văn hóa, đó là những mảng chạm hình: Mây, rồng, phượng, lân, tiên nữ, hoa cúc, hoa sen, vân xoắn,... và các đề tài mang đậm chất dân gian: Người đấu vật, chim, rắn, hươu, ngựa có cánh,… Đặc biệt, có bức chạm hình một con voi béo mập cõng trên lưng một người chỉ thể hiện bán thân, nằm gọn trong lòng một bông hoa. Ở đây, các nghệ nhân dân gian đã khéo léo kết hợp tài tình giữa tín ngưỡng dân gian và ước vọng gắn với tư duy nông nghiệp của con người, ước vọng ấy được đặt vào trong mỗi mảng chạm. Bên trong tháp (phần ruột tháp) có một khoảng trống nhỏ chạy suốt từ chân tháp lên đến ngọn tháp.

Ngọn tháp: Ngọn tháp được coi là nơi giao hòa giữa trời và đất, là con đường thăng thiên giáng trần của Ngọc Hoàng Thượng Đế và các vị thần tiên. Trên đỉnh ngọn tháp đặt hình một bầu rượi (dân gian gọi là hồ lô) để hứng "*móc ngọc của trời đất*".

Tháp đất nung đền An Xá là một hạng mục công trình kiến trúc cổ, độc đáo được tạo tác bằng đất nung hiện còn được bảo tồn khá nguyên vẹn, có hình thức thể hiện độc đáo, mang giá trị vô cùng to lớn về lịch sử, mỹ thuật, kiến trúc nghệ thuật, kỹ thuật xây dựng, minh chứng cho sự tồn tại lâu đời của Thụy Ứng Quán. Trên các viên gạch có rất nhiều loại hoa văn trang trí, chỗ hình tròn, chỗ lượn vòng tròn, chỗ sâu, nông, chỗ đậm,… chứng tỏ với đôi bàn tay tài hoa, khối óc tinh thông và sự sáng tạo không ngừng, những người thợ thủ công đương thời đã tạo dựng nên một công trình nghệ thuật với hình khối thanh thoát, đường nét mềm mại, phóng khoáng, trang trí hài hòa, xứng đáng là một viên ngọc báu nổi lên trong khuôn viên ngôi đền cổ kính, linh thiêng thuộc xứ Bắc. Với những giá trị tiêu biểu, đặc sắc, hiếm có, vào khoảng những năm 2000, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã tiến hành đo đạc, sao chép nguyên mẫu từ hình dáng đến các họa tiết hoa văn trên tháp đất nung đền An Xá về dựng lại ngôi tháp theo đúng tỷ lệ 1:1, trưng bầy tại khu trưng bày ngoài trời của Bảo tàng để giới thiệu tới đông đảo công chúng trong và ngoài nước.

Nhang án đất nung: Đặt tại Hậu cung đền An Xá, phía trên nhang án đặt khám và tượng thờ Tam Thanh Lục Ngự. Trong các di tích của người Việt,

nhang án thờ chủ yếu và phổ biến được làm bằng chất liệu gỗ hoặc đá song nhang án bằng chất liệu đất nung khá hiếm gặp. Tại đền An Xá hiện còn 01 nhang án đất nung. Đây là một nhang án thờ bằng đất nung cực kỳ quý hiếm, duy nhất còn bảo lưu được trong các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Nhang án có dạng hình hộp chữ nhật cao 1,10m, chia làm 4 phần: Phần đài sen, phần thân, phần chân, phần đế.

Phần đài sen: Gồm 02 lớp cánh sen ngửa, các cánh sen múp khum ôm lấy phần gương phía trong. Trên cánh sen chạm đường chỉ kép chạy từ chân cánh lên tới đỉnh, đường chỉ ngoài cùng uốn cong lại ở phần mũi cánh thành hình vân xoắn, còn đường chỉ phía trong gặp nhau ở đỉnh tạo thành hình lá sòi, giữa cánh sen chạm một bông hoa mãn khai (được tạo bởi các chấm tròn) nằm trong lòng một quầng sáng nhọn đầu.

Phần thân nhang án: Đây là phần có kích thước nhỏ nhất nhưng lại tập trung nhiều đề tài và hoa văn trang trí nhất. Toàn bộ thân nhang án dài 2,52m, rộng 60cm. Thân nhang án được tạo tác thót lại so với các phần khác. Mặt trước được chia ra làm 03 ô hình chữ nhật, ngăn cách giữa các ô này là một đường gờ chỉ nổi để trơn. Trong mỗi ô trang trí hình một con rồng với tư thế và dáng vẻ khác nhau. Con ở ô bên trái được thể hiện trong tư thế cuộn đầu và đuôi xuống phía dưới, phần thân vồng lên phái trên, thân vặn vỏ đỗ làm hai khúc ở cổ và đuôi. Tất cả những linh vật rồng trên nhang án đều có đặc điểm chung là thân rồng khá dài uốn nhiều khúc doãng. Toàn thân rồng được phủ một lớp vảy kiểu vảy cá chép. Chân rồng có ba móng và khá dài. Vây lưng theo kiểu răng cưa chạy dài từ cổ xuống đuôi. Đuôi rồng hơi cuộn lại. Đầu có mép trên được kéo dài ra và vuốt chếch lên phía trên như một hậu thân của mào. Sau gáy là một cụm tóc chải bay hất ra phía sau. Đường viền phía ngoài của lông mày và tóc đều làm kiểu răng cưa. Mắt rồng to lồi, miệng với hai hàm răng đều nhau kiểu răng lược, lưỡi dài cuộn đầu tròn lại. Tất cả những linh vật rồng trên đều được làm nổi trên nền những lớp mây cuộn dày đặc che gần kín mặt. Ở ô bên trái, rồng được tạo tác ẩn hiện trong những đám mây. Hai đầu của thân nhang án, đều thể hiện một bông hoa và lá cách điệu trong khung hình chữ nhật. Các cánh hoa và cánh lá to dài có mũi cuộn cong trở lại được bố trí cân xứng nhau. Phần dưới cùng của thân bệ là một lớp cánh sen dẹo nhẹ úp, rủ xuống, ôm lấy hệ thống đường gờ nổi phía dưới.

Phần chân nhang án: Được ngăn cách với phần thân bằng đường gờ lớn. Mặt trước phần đế cũng được chia làm ba ô hình chữ nhật. Ngăn giữa các ô là hai đường gờ nhỏ song song theo chiều thẳng đứng. Trong các ô trang trí hình hoa dây có sống dây nổi mảnh uốn lượn hình sin, kèm theo là những chiếc lá nhỏ vừa độ. Phía dưới chân nhang án là hai đường gờ nổi, nhô ra được làm giật cấp.

Phần đế nhang án: Được làm to rộng kiểu chân quỳ với mặt ngoài khum. Đế có kích thước dài 2,83m, rộng 1,06m. Các đường vân xoắn trang trí phần đế

được tạo tác to, nổi khối. Căn cứ vào một số chi tiết trang trí (cánh sen, râu rồng,…) bước đầu chúng tôi cho rằng nhang án này mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVI - XVII.

Bệ tượng đất nung: Ngoài nhang án bằng đất nung đặt tại gian giữa, hai gian bên tòa Hậu cung còn có hai bệ tượng bằng đất nung với kích thước nhỏ hơn nhang án đất nung, nhưng cũng được làm khá cầu kỳ. Đây là hai bệ đất nung được dùng làm bệ đứng cho hai pho tượng lính gác. Bệ được làm kiểu lục giác, cao 65cm, rộng 62cm đặt sát hai bên tường hồi. Bệ tượng chia làm 03 phần: Phần đài sen, phần thân và phần đế bệ, các phần trang trí tập trung chủ yếu ở phần mặt trước bệ.

Phần đài sen gồm 2 lớp cánh sen úp dạng cánh sen kép, trên cánh sen chạm đường chỉ kép chạy từ chân cánh lên tới đỉnh, đường chỉ ngoài cùng uốn cong lại ở phần mũi cánh thành hình vân xoắn, còn đường chỉ phía trong gặp nhau ở đỉnh tạo thành hình lá sòi, giữa cánh sen chạm một bông hoa mãn khai (được tạo bởi các chấm tròn) nằm trong lòng một quầng sáng nhọn đầu giống cánh sen trên nhang án đất nung. Phần thân bệ có đường gờ lớn giật cấp bó phía trên và dưới, phần giữa bổ các ô hộc trang trí hình vân xoắn, lá. Đế bệ được làm to rộng kiểu chân quỳ với mặt ngoài khum. Các đường vân xoắn trang trí phần đế được tạo tác to, nổi khối. Bệ tượng đất nung này mang phong cách nghệ thuật thế kỷ thứ XVII.

Khánh đá: Khánh có màu xanh xám, được tạc đẽo từ khối đá lớn thành hình bán nguyệt treo ngay ngắn trên các trụ đá ngay phía trước sân đền chính. Khánh nặng 1,2 tấn, dài 2,5m được tạo tác vào năm Vĩnh Trị nguyên niên (1676), đời vua Lê Hy Tông. Thân khánh khắc chữ Hán ghi chép họ tên, địa chỉ người cung tiến tiền của dựng khánh đá tại đền. Theo lời kể của các cụ cao niên trong làng, chiếc khánh này có âm thanh trầm bổng, ngân dài. Khi cầm vồ bằng gỗ gõ mạnh khánh đá ngân như chuông đồng và vang xa, các làng lân cận đều nghe thấy rõ, đặc biệt vào dịp làng mở hội truyền thống. Sách *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí* của Trịnh Như Tấu có chép, tại đền An Xá xưa kia còn có một chiếc khánh cổ được tạo tác vào khoảng thời Lý niên hiệu Đại Định (1140 - 1162), có ông Thư hỏa Dũng thủ họ An tên Tha đến cúng tiến một chiếc khánh đá, Hàn lâm Học sĩ Nguyễn Địch soạn một bài văn bia khắc lên khánh. Tuy nhiên, hiện nay khánh đá này đã không còn.

Tượng lính gác: 02 pho được tạo tác đứng trên bệ đất nung đặt tại Hậu cung đền. Tượng được tạo tác bằng đất nung, đầu đội mũ, mặc trang phục nhà binh, tay cầm binh khí đứng trên bệ đất nung. Tượng mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII.

Chuông: 01 quả chuông đồng "*Thụy Ứng anh linh hồng chung tập phúc*" cao 1,7m, nặng 880 kg được đúc vào tháng 4 năm Quý Tị, niên hiệu Cảnh Hưng thứ

34 (1773) treo trên Tam quan đền. Chuông được tạo tác theo kiểu thượng thu hạ thách, chia làm ba phần: Quai, thân và miệng chuông.

Quai chuông đúc hình Bồ lao thể hiện dưới dạng rồng hai đầu, thân mập mạp, chắc khỏe, đấu lưng vào nhau tạo thành hình vòng cung. Hai đầu đối xứng nhau, miệng ngậm ngọc, mũi to hếch, mắt tròn, mày có ba dải, vẩy cá chép, vây sắc nhọn chạy thẳng sống lưng.

Phần thân chuông chia làm hai phần: Phần thân trên được giới hạn bởi đường đai chuông gồm bốn ô lớn, trong mỗi ô khắc bài minh văn bằng chữ Hán và ghi niên đại chuông. Phía trên đề tám chữ Hán "*Thụy Ứng anh linh hồng chung tập phúc"*. Đai chuông nằm ở vị trí 2/3 chiều cao chuông. Đai được đúc thành gờ nổi, trên có sáu núm gõ tròn dẹt, viền ngoài núm trang trí 20 hạt tròn nhỏ (hay còn gọi là nhũ đinh). Hai bên gờ đai trang trí hoa văn hoa chanh đơn. Đường diềm giáp gờ miệng trang trí hoa văn hình chữ S đầu vuông. Thân dưới cũng được chia làm bốn ô với hai đường gân nhỏ nổi, trong mỗi ô trang trí đề tài tứ linh: Long - ly - quy - phượng. Các linh vật đều được tạo tác trong tư thế động như đang vờn mây. Miệng chuông loe tạo cạp gần như vuông, để trơn không trang trí. Nội dung trên thân chuông ca ngợi cảnh đẹp của đền và ghi chép họ tên, địa chỉ những người góp công, góp của đúc chuông.

Bia đá: Tại đền còn lưu giữ được 02 tấm bia đá thời Nguyễn dựng tại sân đền. Cả hai tấm bia đều có tên là "*Trùng tu Thụy ứng quán*". Trán bia trang trí đề tài "*lưỡng long chầu nhật*". Diềm hai bên thân bia trang trí hoa văn hình lá uốn lượn mềm mại. Nội dung văn bia ghi chép họ tên, địa chỉ, thời điểm những người công đức trùng tu, tôn tạo di tích.

Kiệu bát cống: Hiện nay trong di tích có 1 cỗ kiệu bát cống có giá trị. Kiệu có kích thước dài 5m x rộng 2.6m x cao 2.9m. Kiệu được làm dạng hậu bành chia thành 2 phần, phần đòn và thân kiệu. Phần đòn kiệu được làm nhiều chiều khác nhau dọc - ngang - dọc. Các đòn được tạo hình rồng chạm khắc tinh xảo theo dạng lộng, thủng kênh bong. Phần thân kiệu được làm tách rời và có mộng ăn khớp với đòn dọc. Phần bành kiệu được làm tách dời và có mộng ăn khớp với đòn dọc. Bành kiệu được làm từ một chiếc ghế đặc biệt đặt trên cùng các đòn kiệu, có lưng tựa và tay vịn, trang trí hình đầu rồng giống như chiếc long ỷ (ghế rồng) nhưng thấp. Phần hậu bành (bành sau) cao hơn thân bành. Toàn bộ phần thân được đặt trên lưng hai đòn kiệu thông qua mộng. Kiệu được sơn son thếp vàng, hiện nay vẫn còn nguyên vẹn, được tạo tác vào thời Nguyễn niên hiệu Bảo Đại thứ 6.

Kiệu long đình: Kiệu có kích thước cao 2,7m, rộng 0,92m, sâu 0,92m. Kiệu được chia thành 2 phần, phần đòn và thân kiệu. Phần đòn kiệu được làm nhiều chiều khác nhau dọc-ngang-dọc. Các đòn được trang trí hình rồng, phần thân kiệu được làm liền với phần đòn liên kết qua các mộng. Thân kiệu dạng khám được chia thành 2 phần: mái và thân. Mái được làm 2 tầng, ở các góc có trang

trí hình rồng theo hướng từ trên xuống dưới. Phần thân được làm 2 lớp, lớp ngoài là 4 cột tròn trống mái, được chạm rồng cuốn, lớp thứ hai có các ô đỡ nong ván và được chạm khắc hoa văn tứ linh với kỹ thuật chạm tinh xảo. Kiệu được sơn son thếp vàng, trang hoàng lộng lẫy.

Khám thờ: Tại đền An Xá hiện còn lưu giữ được một số khám thờ có giá trị. Tiêu biểu là khám thờ đặt tại gian giữa trên nhang án bằng đất nung tại Hậu cung đền chính. Trong khám đặt tượng thờ các vị Tam Thanh Cửu ngự. Khám được sơn son thiếp vàng, ba phía xung quanh được bưng ván kín. Phía trước là diềm cửa khám chia thành nhiều lớp trang trí đề tài "*lưỡng long chầu nhật*", tứ linh, tứ quý, đế chạm triện tầu vô cùng sinh động.

Đại tự, câu đối, cửa võng: Hiện di tích còn lưu giữ được nhiều đại tự, câu đối, cửa võng thời Nguyễn được khắc trên chất liệu đá và gỗ tại tòa Tiền tế và Ống muống đền.